BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 10
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT

Môn: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-BGDĐT ngày 06/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2023

1. ***Chủ trì biên soạn tài liệu:*** **Vụ Giáo dục thường xuyên**

2. Tham gia biên soạn:

PGS.TS. Trần Mai Phương – Chủ biên

TS. Hoàng Thị Thuận – Thành viên

ThS. Dương Thị Thúy Nga – Thành viên, Thư ký

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12.2022.TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022- 2023; Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do UBND tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lí tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai. Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cầu đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 10 môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba. Hướng dẫn tổ chức dạy học môn học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10- Chương trình GDTX cấp THPT: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU "HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 10 THEO CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

Tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 10 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật giúp GV thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng dạy học môn học. Tài liệu giúp các GV có những hiểu biết cơ bản về dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10. Trên cơ sở những gợi ý của tài liệu, GV có thể xây dựng kế hoạch bài học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HV, điều kiện trường, lớp, địa phương và năng lực GV. Ví dụ: tài liệu gợi ý sử dụng phương tiện dạy học cho HV xem video, nghe bài hát...với những nơi có điều kiện dạy học thuận lợi để khởi động giờ học, trong điều kiện không có phương tiện hỗ trợ, GV có thể sử dụng phương tiện, công cụ, hình thức dạy học khác như sử dụng câu chuyện, thông tin, tình huống khác để khai thác trải nghiệm của HV; GV có thể sử dụng PPDH, KTDH khác để tổ chức cho HV luyện tập, vận dụng....GV cũng có thể phân bổ thời gian cho từng chủ đề, bài học cho phù hợp. Tuy nhiên, mọi sự sáng tạo của GV phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình và phải đảm bảo tỉ lệ theo qui định của chương trình.

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	*Các từ viết tắt*	*Viết đầy đủ*
1.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
2.	ĐGĐK	Đánh giá định kì
3.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
4.	GV	Giáo viên
5.	HV	Học viên
6.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
7.	HĐND	Hội đồng nhân dân
8.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
9.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
10.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
11.	PPDH	Phương pháp dạy học
12.	KTXH	Kinh tế- Xã hội
13.	QTDH	Quá trình dạy học
14.	TCM	Tổ chuyên môn
15.	THCS	Trung học cơ sở
16.	THPT	Trung học phổ thông
17.	GDPT	Giáo dục phổ thông
18.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt
19.	GDKT&PL	Giáo dục kinh tế và pháp luật
20.	NL	Năng lực
21.	PPDH	Phương pháp dạy học
22.	KTDH	Kĩ thuật dạy học
23.	SX	Sản xuất
24.	HTX	Hợp tác xã
25.	XHCN	Xã hội chủ nghĩa
26.	UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

..... 1
LỜI NÓI ĐẦU 1
KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
MỤC LỤC 4
Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 6
I. MỤC TIÊU 6
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC 6
1. Yêu cầu về phẩm chất 6
2. Yêu cầu về năng lực 6
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung 6
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học 11
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 13
1. Nội dung giáo dục 13
2. Thời lượng giáo dục 14
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC 16
1. Định hướng về phương pháp giáo dục 16
2. Hình thức tổ chức dạy học 16
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục 16
Phần thứ hai. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 18
I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KT&PL 18
1. Mục tiêu chung 18
2. Mục tiêu cụ thể 18
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC 18
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung 18
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù 19
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10 21
1. Thời lượng dạy học cho từng nội dung 21
2. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học 25
3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá 32
4. Hướng dẫn về ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị dạy học 34
Phần thứ ba. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC 36
KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10 36
CHỦ ĐỀ 1. NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ 36
CHỦ ĐỀ 2. THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG 45

CHỦ ĐỀ 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ 54
CHỦ ĐỀ 4. SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH 64
SẢN XUẤT KINH DOANH 64
CHỦ ĐỀ 5. TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG ... 75
CHỦ ĐỀ 6. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN 88
CHỦ ĐỀ 7. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HÒA 95
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 95
CHỦ ĐỀ 8. PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM 119
CHỦ ĐỀ 9. HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM 137
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10 162
Chuyên đề 10.1. TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH 162
Chuyên đề 10.2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 172
CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ 172
Chuyên đề 10.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ 190
TÀI LIỆU THAM KHẢO 204

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp học viên (HV) tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mĩ.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	– Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. – Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước XHCN Việt Nam. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá. – Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật. – Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	– Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. – Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. – Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	– Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. – Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	– Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. – Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	– Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng. – Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. – Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	– Nhận thức và hành động theo lẽ phải. – Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.

	–Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Trách nhiệm với bản thân	– Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. – Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	– Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. – Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. – Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. – Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	– Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. – Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	– Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. – Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực.

	– Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. – Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	– Điều chỉnh được hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. – Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.
Định hướng nghề nghiệp	– Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. – Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân. – Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	– Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. – Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. – Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. – Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	– Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. – Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. – Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.

	– Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. – Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	– Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. – Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	– Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. – Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. – Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	– Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; – Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. – Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. – Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí…

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

e) Năng lực thẩm mĩ

Năng lực thẩm mĩ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mĩ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Học viên chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32.2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do giáo viên chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX) .

- Chuyên đề học tập của môn học do giáo viên dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32.2018/TT-BGDĐT ngày 26/12.2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32.2018/TT-BGDĐT ngày 26/12.2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
Môn học tự chọn	Ngoại ngữ	105	105	107
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	107
Hoạt động giáo dục tự chọn	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
Tổng số tiết học/năm học (*Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)*		**752**	**752**	**752**
Số tiết học trung bình/tuần (*Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn*)		**21,5**	**21,5**	**21,5**
Tổng số tiết học/năm học (*Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)*		**997**	**997**	**997**
Số tiết học trung bình/tuần (*Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn*)		**28,5**	**28,5**	**28,5**

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của học viên về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích luỹ được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể…

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, giáo viên có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt

buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDXT tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

- Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV…

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến kích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

Phần thứ hai. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KT&PL

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn GDKT&PL góp phần hình thành, phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giúp HV tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp THCS: có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản công dân; tích cực tự giác học tập và tham gia lao động, SX phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

b) Giúp HV củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp THCS: đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kĩ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

1.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn hoc trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho HV

Môn GDKT&PL góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu phù hợp với môn hoc, cấp học. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất đã được quy đinh tại Chương trình GDTX. Các phẩm chất được hình thành, phát triển thông qua dạy học những nội dung cụ thể. Ví dụ:

– Phẩm chất yêu nước được hình thành, phát triển thông qua một số nội dung bài học về Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;…

– Phẩm chất nhân ái được hình thành, phát triển thông qua một số nội dung bài học về Tình yêu, hôn nhân, gia đình; Bảo hiểm và an sinh xã hội; Đạo đức kinh doanh…

– Phẩm chất chăm chỉ được hình thành, phát triển thông qua một số nội dung bài học về SX kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh; Lập kế hoạch tài chính cá nhân; Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Quản lí thu, chi trong gia đình…

– Phẩm chất trung thực được hình thành, phát triển thông qua một số nội dung bài học về Ngân sách và thuế; Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường; Đạo đức kinh doanh...

– Phẩm chất trách nhiệm được hình thành, phát triển thông qua một số nội dung bài học: Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế; Thị trường và cơ chế thị trường; Ngân sách và thuế; Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng; Pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; Văn hoá tiêu dùng; Bảo hiểm và an sinh xã hội; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số lĩnh vực…

1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho HV

Môn GDKT&PL góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng taọ. Yêu cầu cần đạt của các năng lực này được quy định cụ thể trong Chương trình tổng thể. Các năng lực này được hình thành và phát triển thông qua dạy học các nội dung hoc tập và các hoạt động học tập trong các bài học.Ví dụ:

– Năng lực Tự chủ và tự học được phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin và trình bày báo cáo; khảo sát, điều tra, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế...

– Năng lực Giao tiếp và hợp tác được phát triển thông qua các hoạt động nhóm, phương pháp thảo luận, dạy học dự án, seminar,...

– Năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tao được phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết/giả định, tìm lôgic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, tưởng tượng khoa hoc, giải quyết vấn đề mới và thách thức.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn GDKT&PL giúp HV phát triển năng lực đặc thù: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Cụ thể:

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực điều chỉnh hành vi	
Nhận thức chuẩn mực hành vi	- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. - Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; các chuẩn mực đạo đức trong SX kinh doanh và tiêu dùng. - Có hiểu biết cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế.
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	- Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. - Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.
Điều chỉnh hành vi	- Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội. - Kiểm soát được tài chính cá nhân.
Năng lực phát triển bản thân	
Tự nhận thức bản thân	Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, khả năng, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.
Lập kế hoạch phát triển bản thân	- Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân. - Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. - Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THPT.
Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân	- Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện các công việc, nhiệm vụ học tập, rèn luyện của bản thân để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và hướng tới các giá trị xã hội. - Điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với cuộc sống thay đổi; khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; lựa chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội	
Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội	- Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng XHCN; Hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính trị của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân. - Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới.
Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội	- Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luậnvề một số vấn đề trong đời sống xã hội đương đại liên quan đến đạo đức, pháp luật và kinh tế. - Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế. - Bước đầu đưa ra được quyết định hợp lí và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi. - Tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, các hoạt động phục vụ cộng đồng, các hoạt động tuyên truyền và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10

1. Thời lượng dạy học cho từng nội dung

	Tên chủ đề	Thời lượng	Yêu cầu cần đạt
GIÁO DỤC KINH TẾ			
Hoạt động của nền kinh tế	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	6 tiết	- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội và của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nêu được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nêu được trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế

	Tên chủ đề	Thời lượng	Yêu cầu cần đạt
			- Có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.
	Thị trường và cơ chế thị trường	6 tiết	- Nêu được được khái niệm thị trường, cơ chế thị trường, giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường. - Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường. - Nêu được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.
Hoạt động kinh tế của Nhà nước	Ngân sách nhà nước và thuế	6 tiết	- Nêu được khái niệm, vai trò của ngân sách nhà nước và thuế. - Nêu được lí do vì sao Nhà nước phải thu thuế. - Kể được tên một số loại thuế phổ biến. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách và pháp luật thuế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.
Hoạt động SX kinh doanh	SX kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh	4 tiết	- Nêu được vai trò của SX kinh doanh. - Nêu được một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của mô hình SX kinh doanh. - Lựa chọn được mô hình SX kinh doanh phù hợp trong tương lai đối với bản thân.
	Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	6 tiết	- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. - Kể tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng. - Nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng. - Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.
Hoạt động tiêu dùng	Lập kế hoạch tài	4 tiết	- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm

	Tên chủ đề	Thời lượng	Yêu cầu cần đạt
	chính cá nhân		quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Nêu được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. - Kiểm soát được tài chính cá nhân.
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
Hệ thống chính trị và pháp luật	Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	9 tiết	-Nêu được: + Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. + Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. - Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.
	Pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	9 tiết	- Nêu được: + Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. + Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam. + Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. - Nhận xét được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

	Tên chủ đề	Thời lượng	Yêu cầu cần đạt
	Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	14 tiết	- Nêu được: + Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. + Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bộ máy nhà nước. - Thực thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP	10.1: Tình yêu, hôn nhân, gia đình	10 tiết	- Nêu được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu. - Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. - Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình. - Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay. - Nêu được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc. - Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình. - Thực hiện được trách nhiệm bản thân trong gia đình.
	10.2: Mô hình SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	**15 tiết**	- Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. - Nêu được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ. - Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. - Nêu được một số bài học thành công và thất bại trong quá trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. - Yêu thích hoạt động SX kinh doanh; chủ động

	Tên chủ đề	Thời lượng	Yêu cầu cần đạt
			học hỏi quy trình SX kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.
	10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	**10 tiết**	- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự và các nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên. - Nêu được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống phổ biến thường gặp. - Nêu được ý kiến trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự. - Tích cực và chủ động vận động người khác chấp hành quy định của pháp luật hình sự.

2. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học

2.1. Định hướng chung

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật hình thành, phát triển ở HV các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Do vậy, giáo viên phải có phương pháp giáo dục phù hợp, cụ thể là:

Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HV khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HV trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HV tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sơ đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;..

Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực

sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HV.

Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội trong việc thực thi các quy định của pháp luật.

2.2. Một số phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

2.2.1. Phương pháp thảo luận nhóm

a) Bản chất: Thảo luận nhóm là phương pháp dạy học trong đó HV của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp. Phương pháp thảo luận nhóm tạo cơ hội cho HV có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

b) Các năng lực có thể phát triển cho HV: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực điều chỉnh hành vi.

Các phẩm chất có thể phát triển cho HV: trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ.

c) Các bước thực hiện

- GV giới thiệu chủ đề thảo luận.
- Chia nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm, quy định thời gian và phân công vị trí làm việc cho các nhóm.
- Các nhóm làm việc, phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên (nhóm trưởng, thư kí, phụ trách hậu cần, phát ngôn viên, liên lạc giữa nhóm với GV và các nhóm khác,...)
- Các thành viên suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến cá nhân.
- Thảo luận chung trong nhóm giải quyết nhiệm vụ được giao.
- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.
- GV tổng kết và nhận xét.

d) Lưu ý:

- Chỉ sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để giải quyết những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi sự tham gia ý tưởng, công sức của nhiều thành viên. Với những nhiệm vụ đơn giản cá nhân HV có thể tự giải quyết được thì không nên tổ chức thảo luận nhóm.
- Có nhiều cách chia nhóm. Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tuỳ theo nhiệm vụ. Tuy nhiên, nhóm thường từ 2 – 6 HV là phù hợp. Không nên chia nhóm quá đông để tránh tình trạng một số HV ỷ lại không tham gia hoạt động.
- Cần quy định rõ thời gian thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận cho các nhóm.
- Các thành viên trong nhóm phải nắm vững nhiệm vụ của nhóm và của bản thân. Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung. Tránh tình trạng chỉ nhóm trưởng và thư kí làm việc.

- GV cần tạo cơ hội cho HV tham gia vào các nhóm khác nhau với các bạn khác nhau để các em có thể tương tác, học hỏi lẫn nhau.

- Các thành viên phải ngồi đối diện nhau khi trao đổi, chia sẻ, thảo luận.

- Các thành viên phải lắng nghe ý kiến của bạn trong nhóm và mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng của bản thân.

- Mỗi người đều tuân theo sự điều khiển của nhóm trưởng.

- Nhiệm vụ thảo luận phải phù hợp với chủ đề bài học, với khả năng của HV, phù hợp với thời lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học,…

- Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống hoặc khác nhau.

- Cách trình bày kết quả hoạt động nhóm có thể theo nhiều hình thức (bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng tiểu phẩm, bằng văn bản viết trên giấy to,...;có thể do một người thay mặt nhóm trình bày hoặc có thể do nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nối tiếp nhau).

- GV phải theo dõi nhóm hoạt động, khuyến khích và hỗ trợ khi cần thiết.

- HV cần được tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

- Mỗi nhóm nên có một nhóm trưởng để điều khiển và một thư kí để ghi biên bản thảo luận nhóm. HV cần được luân phiên nhau làm "nhóm trưởng", " thư kí" cũng như luân phiên đại diện cho nhóm để trình bày kết quả thảo luận.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

a) Bản chất: Nghiên cứu trường hợp điển hình là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện trên video hay một băng catset mà không phải trên văn bản viết.

b) Các năng lực có thể được hình thành và phát triển cho HV: Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực điều chỉnh hành vi.

Các phẩm chất có thể được hình thành và phát triển cho HV: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

c) Các bước thực hiện

- HV đọc (hoặc xem, hoặc nghe) về trường hợp điển hình.

- Suy nghĩ về nó (có thể viết một vài suy nghĩ trước khi thảo luận với người khác).

- Thảo luận về trường hợp điển hình theo các câu hỏi hướng dẫn của GV.

- GV tổng kết các ý kiến và kết luận.

d) Lưu ý:

- Vì trường hợp điển hình được nêu lên nhằm phản ánh tính da dạng của cuộc sống thực, nên nó phải tương đối phức tạp, với các dạng nhân vật và những tình huống khác nhau chứ không phải là một câu chuyện đơn giản.

- Trường hợp điển hình có thể dài hay ngắn, tuỳ từng nội dung vấn đề song phải phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức cần giáo dục, phù hợp với trình độ HV và thời lượng cho phép.

- Có thể tổ chức cho cả lớp cùng nghiên cứu một trường hợp điển hình hoặc phân công mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp khác nhau.

2.2.3. Phương pháp xử lí tình huống

a) Trong dạy học môn GDKTPL, phương pháp xử lí tình huống là xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống hàng ngày và xác định cách giải quyết, xử lí vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả.

b) Các năng lực có thể phát triển cho HV: NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội.

Các phẩm chất có thể được hình thành và phát triển cho HV: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

c) Các bước thực hiện:

- Xác định, nhận dạng vấn đề/tình huống;
- Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề/tình huống đặt ra;
- Liệt kê các cách giải quyết có thể có;
- Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết (tích cực, hạn chế, cảm xúc, giá trị);
- So sánh kết quả các cách giải quyết;
- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất;
- Thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn;
- Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

d) Lưu ý:

- Các vấn đề/ tình huống đưa ra để HV xử lí, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:

+ Phù hợp với chủ đề bài học Giáo dục KTPL.

+ Phù hợp với trình độ nhận thức của HV.

+ Vấn đề/ tình huống phải gần gũi với cuộc sống thực của HV

+ Vấn đề/ tình huống có thể diễn tả bằng kênh chữ hoặc kênh hình, hoặc kết hợp cả hai kênh chữ và kênh hình.

+ Vấn đề/ tình huống cần có độ dài vừa phải.

+ Vấn đề/ tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HV nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

- Tổ chức cho HV giải quyết, xử lí vấn đề/ tình huống cần chú ý:

+ Các nhóm HV có thể giải quyết cùng một vấn đề/ tình huống hoặc các vấn đề/ tình huống khác nhau, tuỳ theo mục đích của hoạt động.

+ HV cần xác định rõ vấn đề trước khi đi vào giải quyết vấn đề.

+ Sử dụng phương pháp động não để HV liệt kê các cách giải quyết có thể có.

+ Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HV có thể giống hoặc khác nhau.

2.2.4. Phương pháp đóng vai

a) Bản chất: Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HV thực hành, "làm thử" một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HV suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc "diễn" không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

b) Các năng lực có thể phát triển cho HV: NL điều chỉnh hành vi; NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Các phẩm chất có thể được hình thành và phát triển cho HV: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

c) Các bước thực hiện:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.

- Các nhóm lên đóng vai.

- Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn; về ý nghĩa của các cách ứng xử.

- GV kết luận, định hướng HV về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

d) Lưu ý: Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục pháp luật, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HV và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

- Tình huống không nên quá dài và phức tạp, vượt quá thời gian cho phép.

- Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.

- Tình huống cần để mở để HV tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước "kịch bản", lời thoại.

- Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai.

- Dành thời gian phù hợp cho HV thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

- Cần quy định rõ thời gian thảo luận và đóng vai của các nhóm.

- Trong khi HV thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HV khi cần thiết.

- Các vai diễn nên để HV xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.

- Nên khích lệ cả những HV nhút nhát cùng tham gia.

- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn.

2.2.5. Phương pháp trò chơi

a) Bản chất: Phương pháp trò chơi là phương pháp tổ chức cho HV tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua trò chơi nào đó.

b) Các năng lực có thể phát triển cho HV: NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL điều chỉnh hành vi.

Các phẩm chất có thể được hình thành và phát triển cho HV: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

c) Các bước thực hiện:

- GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HV.
- Chơi thử (nếu cần thiết).
- HV tiến hành chơi.
- Đánh giá sau trò chơi.
- Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

d) Lưu ý:

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài GDKTPL, với đặc điểm và trình độ HV, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HV.
- HV phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.
- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.
- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HV, tạo điều kiện cho HV tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải luân phiên, thay đổi một cách hợp lí để không gây nhàm chán cho HV.
- Sau khi chơi, cần cho HV thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

2.2.6. Phương pháp dạy học theo dự án

a) Bản chất: Dạy học theo dự án là phương pháp trong đó HV thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết với thực tiễn, thực hành. Nhiệm vụ này được HV thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện dự án.

Phương pháp dự án có 3 đặc điểm cơ bản sau:

- Định hướng HV: Trong phương pháp dự án, HV tham gia tích cực và tự lực vào quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm và sáng tạo của người học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, giúp đỡ. Tuy nhiên, mức độ tham gia cần phù hợp với kinh nghiệm và khả năng của HV và mức độ khó khăn của nhiệm vụ. Sử dụng phương pháp này cần chú ý đến hứng thú của HV: HV được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Hứng thú của các em cũng cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án. Trong khi xây dựng và thực hiện dự án còn cần có sự hợp tác làm việc theo nhóm. Phương pháp dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kĩ năng hợp tác của HV.

- Định hướng hoạt động thực tiễn: Phương pháp dự án kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. Chủ đề dự án gắn liền với các vấn đề, tình huống thực tiễn. Nhiệm vụ dự án cần phù hợp với trình độ và khả năng HV

- Định hướng sản phẩm: Trong phương pháp dự án, các sản phẩm được tạo ra không giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết mà còn tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành.

b) Các năng lực có thể phát triển cho HV: NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL điều chỉnh hành vi; NL phát triển bản thân; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KTXH.

Các phẩm chất có thể được hình thành và phát triển cho HV: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

c) Các bước thực hiện:

- Chọn đề tài, xác định mục đích của dự án: GV và HV cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích dự án. GV có thể giới thiệu một số hướng đề tài để HV lựa chọn và cụ thể hoá. Trong một số trường hợp, việc đề xuất đề tài có thể từ phía HV.

- Xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện: Trong giai đoạn này, với sự hướng dẫn của GV, HV xây dựng đề cương, kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong kế hoạch, cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, cách tiến hành, người phụ trách mỗi công việc,...

- Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân – Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo. Sản phẩm dự án cũng có thể là tranh, ảnh, pan–nô,... để triển lãm, cũng có thể là những sản phẩm phi vật thể như: diễn một vở kịch, biểu diễn văn nghệ, tổ chức một cuộc tuyên truyền, vận động thực hiện nếp sống văn hoá mới trong cộng đồng dân cư,... Sản phẩm dự án có thể được trình bày giữa các nhóm HV, có thể được giới thiệu trong trường hay ngoài xã hội.

- Đánh giá dự án: GV và HV đánh giá quá trình thực hiện, kết quả và kinh nghiệm đạt được. Từ đó, rút kinh nghiệm cho các dự án tiếp theo.

d) Lưu ý:

- Đề tài dự án phải phù hợp với chủ đề bài GDKTPL, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, phù hợp với đặc điểm và trình độ HV.

- Mục tiêu dự án phải rõ ràng và có tính khả thi.

- Kế hoạch thực hiện dự án phải cụ thể: Các hoạt động? Người chịu trách nhiệm chính? Người phối hợp thực hiện? Các mốc thời gian thực hiện? sản phẩm/ kết quả hoạt động? Những thuận lợi; Những khó khăn có thể gặp phải và biện pháp khắc phục?...

- Cần tạo cơ hội để tăng cường sự tham gia của tất cả HV trong dự án, tuy nhiên phải phù hợp với đặc điểm và trình độ của các em.

- Để tăng cường sự tham gia của HV trong quá trình thực hiện dự án, GV cần chú ý những điểm sau:

+ Giao nhiệm vụ phải phù hợp với khả năng của HV, phù hợp với nhu cầu, mong muốn của HV.

+ Phải giao nhiệm vụ cho HV dần dần từ dễ đến khó.

+ Phân công nhiệm vụ theo các nhóm có cả HV khá và yếu để các em có thể hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

+ Chú ý động viên, khích lệ HV; kịp thời hỗ trợ các em khi gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- GV cũng cần huy động thêm sự tham gia của cha mẹ HV, chính quyền địa phương và cộng đồng đối với các dự án của HV.

3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá

3.1. Định hướng chung

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là đánh giá mức độ đạt được của HV về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề, chuyên đề, ở từng lớp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HV tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để giáo viên điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lí giáo dục thực hiện phát triển chương trình.

Đánh giá kết quả giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HV trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

- Chú trọng sử dụng các bài tập xử lí tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HV. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HV được thể hiện phẩm chất và năng lực.

- Việc đánh giá kết quả học tập trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật được thực hiện thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HV trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt tại trung tâm, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của giáo viên, HV, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá của HV, đánh giá của phụ huynh HV và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HV.

Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HV là tổng hợp kết quả đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì theo quy định của Bộ GDĐT.

3.2. Một số hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá

3.2.1. Các hình thức đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên: Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm KTĐG quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HV theo chương trình môn học.. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập... Mỗi HV được KTĐG nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo KHGD của TCM, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá HV (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

Trong ĐGTX, GV cũng cần chú ý tới việc tự đánh giá của HV. Đây là phương pháp HV được tự đánh giá kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất và mục tiêu học tập của chính mình trước, trong hoặc sau các giờ học. Qua đó HV sẽ học cách đánh giá các nỗ lực và tiến bộ cá nhân, biết cách nhìn lại quá trình học tập và tự phát hiện những điểm cần thay đổi để hoàn thiện bản thân. Khi HV tự đánh giá, không chỉ đơn thuần là tự mình cho điểm số mà là đánh giá những nỗ lực, quá trình và kết quả đạt được, vì vậy GV cần tạo cơ hội để HV tham gia vào quá trình đánh giá.

Để tạo điều kiện cho HV tự đánh giá, GV có thể sử dụng bài kiểm tra, xây dựng bảng hỏi hoặc giao cho HV các bài tập tự đánh giá, bài báo cáo/dự án và thiết kế bảng kiểm kèm theo.

– Đối với các bài kiểm tra trên lớp: Sau khi HV làm bài GV có thể cho HV tự đánh giá bài của mình hoặc đánh giá bài của bạn thông qua việc cung cấp cho các em đáp án của bài kiểm tra.

– Đối với tự đánh giá thông qua bài tập, báo cáo/dự án: GV yêu cầu HV thực hiện các bài tập, báo cáo/dự án. Sau đó các em tự đánh giá bài làm của mình thông qua bảng kiểm.

b) Đánh giá định kì: Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HV theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình GDTX do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. ĐGĐK gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. ĐGĐK được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy, trên máy tính hoặc bằng hình thức trực tuyến; thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đề kiểm tra của mỗi môn học được xây dựng dựa trên ma trận và Bản đặc tả đề kiểm tra, đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên.

3.2.2. Các phương pháp, công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
Đánh giá thường xuyên	Hỏi – đáp	Câu hỏi.
	Quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật; Thang đo; Bảng kiểm.
	Đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát; Câu hỏi; Phiếu đánh giá theo tiêu chí.
	Đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm; Thang đánh giá; Phiếu đánh giá theo tiêu chí.
Đánh giá định kì	Kiểm tra viết Đánh giá qua hồ sơ học tập	Bài kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm); Bảng kiểm; Piếu đánh giá theo tiêu chí; Thang đo.

4. Hướng dẫn về ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc dạy học phát triển năng lực trong môn Giáo dục KT&PL

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục KT&PL thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Các trung tâm GDTX cần được trang bị các thiết bị dạy học tối thiểu như: hệ thống tranh, ảnh, video, sơ đồ, biểu đồ về các hoạt động kinh tế, các mô hình SX kinh doanh, về hệ thống pháp luật và các văn bản pháp luật…với sự hỗ trợ của các phương tiện kĩ thuật như máy tính, máy chiếu, tivi, video, các loại băng đĩa,...

Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 là môn học có các chủ đề mang tính ứng dụng và thiết thực với cuộc sống gắn liền với hoạt động kinh tế - xã hội, pháp luật trong đời sống hàng, những ngữ liệu phong phú được sử dụng để HV khai thác, tìm hiểu kiến thức cũng như thực hành vận dụng các kĩ năng cá nhân, kĩ năng nhóm là nguồn tài nguyên phong phú để giáo viên có thể khai thác ứng dụng CNTT, sử dụng thiết bị dạy học trong việc tìm kiếm ngữ liệu, xây dựng, sử dụng Video Clip tình huống… nhằm đạt mục tiêu phát triển năng lực môn học trong môn Giáo dục KTPL.

Ví dụ:

Năng lực môn học	**Định hướng sử dụng thiết bị dạy học**
Năng lực tìm hiểu các vấn đề kinh tế - xã hội	Sử dụng công cụ công nghệ thông tin và thiết bị dạy học phù hợp để tìm kiếm hình ảnh, ngữ liệu minh hoạ về các kiến thức thuộc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các mô hình SX kinh doanh…. Phân tích được các vấn đề kinh tế - xã hội thể hiện bằng kênh hình, kênh tiếng, Video...
Năng lực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội	Sử dụng công cụ CNTT, thiết bị dạy học để khai thác các ví dụ minh hoạ là các tình huống có thật về kinh tế, xã hội, hướng dẫn học sinh phân tích, giải thích được các tình huống kinh tế - xã hội trong học tập, từ đó định hướng cho HV lựa chọn tham gia các hoạt động phù hợp với bản thân.

Để lựa chọn công cụ, thiết bị dạy học phù hợp với mỗi bài học, GV căn cứ vào mục tiêu bài học, đặc trưng của các dạng hoạt động học để lên ý tưởng và xác định những phần mềm, thiết bị sử dụng. Chẳng hạn như:

Hoạt động của Giáo viên	**Ý tưởng sư phạm** (Tôi muốn)	**Phần mềm** (Tôi dùng)	**Thiết bị, học liệu số**
Hỗ trợ thiết kế, biên tập nội dung dạy học	Tạo bài giảng	Powerpoint, Canva..	Máy tính…
Hỗ trợ tổ chức và triển khai hoạt động dạy học	Quay video, hướng dẫn HV vẽ sơ đồ tư duy	Free Cam, Movie Maker, Video Editor, minmapd..	Máy tính…
Hỗ trợ kiểm tra, đánh giá	Kiểm tra HV bằng trắc nghiệm dưới dạng trò chơi	Kahoot, Quizizz…	Máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng…
Hỗ trợ quản lí lớp học và phản hồi người học	Giao bài tập tự luận cho HV	Liveworksheet, Azota, Padlet..	Máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng…

Trong dạy học môn Giáo dục KTPL, khuyến khích GV và HV chủ động, tích cực tự làm các thiết bị, đồ dùng dạy học của môn học như sơ đồ, biểu đồ, mô hình, video clip. Sưu tầm tranh ảnh, trường hợp, tình huống, các câu chuyện về các nhân vật điển hình có thật trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, pháp luật….

Phần thứ ba. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

CHỦ ĐỀ 1. NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

Thời gian thực hiện: 6 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội và của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Biết được trách nhiệm của bản thân trong tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của mình và của người khác khi tham gia các hoạt động kinh tế. Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế

– Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm tòi, học hỏi và tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi

3. Phẩm chất

Yêu nước: Tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước

Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi, với tư cách một chủ thể kinh tế tham gia trong nền kinh tế

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục KT và PL 10
- Giấy A4, phiếu học tập
- Tranh/ảnh và các mẩu chuyện về các hoạt động kinh tế và các chủ thể trong nền kinh tế
- Đồ dùng đơn giản để chơi sắm vai (nếu có)
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội .
- Vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

- Không yêu cầu đi sâu vào khái niệm hoạt động kinh tế, cái chính là phải thấy được hoạt động kinh tế luôn là hoạt động chủ yếu, đóng vai trò nền tảng trong đời sống xã hội. Nền kinh tế là một chỉnh thể thống nhất các hoạt động kinh tế cơ bản: SX, phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

- Mức độ cần làm rõ: nêu được khái niệm mỗi hoạt động kinh tế cơ bản và vai trò của hoạt động này trong đời sống xã hội.

b. Vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế

- Không yêu cầu đi sâu vào khái niệm chủ thể kinh tế, cái chính là chỉ ra trong nền kinh tế có những chủ thể kinh tế kinh tế nào? Họ có liên quan gì đến các hoạt động kinh tế?

- Mức độ cần làm rõ: nêu được khái niệm về mỗi chủ thể kinh tế (họ là ai, đang tham gia hoạt động kinh tế cơ bản nào?), có vai trò gì trong đời sống xã hội?

IV- GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức, dạy trong 6 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập. Với các hoạt động cơ bản trong bài học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu:*** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HV về vai trò của các hoạt động kinh tế và các chủ thể kinh tế trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HV về chủ đề bài học mới.

**** Tổ chức hoạt động***

Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động:

- GV giao nhiệm vụ cho HV:

+ Kể về một hoạt động kinh tế đang diễn ra trong đời sống thực tiễn và sự đóng góp của hoạt động này trong đời sống xã hội hay quan sát tranh hoặc xem video về 1- 2 hoạt động kinh tế khác nhau và nêu tên của những hoạt động kinh tế này.

+ Kể về một doanh nghiệp/ doanh nhân/ người tiêu dùng khi tham gia vào một hoạt động kinh tế cụ thể và sự đóng góp của chủ thể này trong đời sống xã hội.

- HV thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả

- GV nhận xét rồi kết nối vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1 Tìm hiểu vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

**** Mục tiêu:*** HV nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

**** Tổ chức thực hiện***

GV tổ chức cho HV lần lượt tìm hiểu vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản: SX, phân phối- trao đổi, tiêu dùng. Nhấn mạnh: mỗi hoạt động kinh tế đóng vai trò khác nhau nhưng có quan hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau đảm bảo cho nền kinh tế không ngừng vận động và phát triển

a. Tìm hiểu vai trò của hoạt động SX

**** Mục tiêu**:* HV nêu được hoạt động SX là gì? có vai trò thế nào trong đời sống xã hội

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc một câu chuyện (hay quan sát tranh hoặc xem video) về một hoạt động SX và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy mô tả nội dung hoạt động kinh tế trong câu chuyện (hay các hình ảnh hoặc video) và cho biết hoạt động này đóng góp gì cho đời sống xã hội?

2. Theo em hoạt động SX là gì? Hoạt động này có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp

- GV mời một vài nhóm/cá nhân trình bày ý kiến, đại diện nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

SX là hoạt động con người sử dụng các yếu tố SX để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

Hoạt động SX đóng vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

b. Tìm hiểu vai trò của hoạt động phân phối - trao đổi

**** Mục tiêu:*** HV nêu được hoạt động phân phối, trao đổi là gì? có vai trò thế nào trong đời sống xã hội

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hoặc xem video, đọc thông tin) về một hoạt động phân phối, trao đổi và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy mô tả nội dung hoạt động kinh tế thể hiện trong dữ liệu đó và cho biết hoạt động này đóng góp gì cho đời sống xã hội?

2. Theo em hoạt động phân phối, trao đổi là gì? Hoạt động này có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày câu trả lời, đại diện nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố SX (vốn, lao động, nguyên vật liệu...) cho các ngành SX, các đơn vị SX khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho SX) và phân chia kết quả SX cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng). Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho SX và tiêu dùng cho sinh hoạt)

- Phân phối - trao đổi đóng vai trò trung gian, là cầu nối SX với tiêu dùng. Phân phối thúc đẩy SX phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm SX và tiêu dùng khi nó không phù hợp. Trao đổi giúp người SX bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động SX và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.

c. Tìm hiểu vai trò của hoạt động tiêu dùng

**** Mục tiêu:*** *HV nêu được hoạt động tiêu dùng là gì? có vai trò thế nào trong đời sống xã hội*

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay đọc thông tin, xem video) về một hoạt động tiêu dùng và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy mô tả nội dung hoạt động kinh tế trong dữ liệu đó và cho biết hoạt động này đóng góp gì cho đời sống xã hội?

2. Theo em hoạt động tiêu dùng là gì? Hoạt động này có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày câu trả lời, HV khác nhận xét và bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu SX và sinh hoạt.

Tiêu dùng được coi là mục đích của SX, ví như đơn đặt hàng của xã hội đối với SX; Tiêu dùng còn giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm. Vì vậy, tiêu dùng có tác động mạnh mẽ đối với SX theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng SX nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, SX sẽ suy giảm khi sản phẩm khó tiêu thụ.

Sau khi nghiên cứu xong 3 hoạt động kinh tế cơ bản, GV có phần khái quát kết thúc hoạt động 2.1:

Trong đời sống xã hội, các hoạt động kinh tế cơ bản SX, phân phối - trao đổi, tiêu dùng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mối quan hệ đó, SX là gốc, có vai trò quyết định; tiêu dùng là mục đích, là động lực của SX còn phân phối và trao đổi là cầu nối SX với tiêu dùng, có tác động đến cả SX và tiêu dùng.

2.2 Tìm hiểu vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế

**** Mục tiêu:*** *HV nhận biết được vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế*

**** Tổ chức hoạt động***

GV dẫn: Chủ thể của nền kinh tế là những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế gồm: chủ thể SX, chủ thể tiêu dùng, chủ thể trung gian và nhà nước và tổ chức cho HV lần lượt tìm hiểu vai trò của các chủ thể kinh tế. Nhấn mạnh: Các chủ thể kinh tế không chỉ thực hiện tốt vai trò trong lĩnh vực kinh tế mình tham gia mà còn đóng góp cho sự ổn định, phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước. Sau đó, GV tổ chức cho HV lần lượt tìm hiểu vai trò của từng chủ thể trong nền kinh tế

a. Tìm hiểu vai trò của chủ thể SX

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin, trường hợp về một chủ thể SX và trả lời câu hỏi:

1. Các nhân vật trong dữ liệu là chủ thể tham gia vào hoạt động nào trong nền kinh tế ? Họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?

2. Theo em, chủ thể SX là ai? Chủ thể SX có vai trò gì trong đời sống xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày câu trả lời, các HV khác nhận xét và bổ sung.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Chủ thể SX là những người SX cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể SX gồm các nhà đầu tư, SX, kinh doanh.

Chủ thể SX có vai trò: sử dụng các yếu tố SX để SX, kinh doanh và thu lợi nhuận. Họ không chỉ thỏa mãn nhu cầu hiện tại của XH mà còn tạo ra và phục vụ cho những nhu cầu trong tương lai với mục tiêu lợi nhuận tối đa trong điều kiện nguồn lực có hạn. Vì vậy, chủ thể SX luôn phải quan tâm đến việc lựa chọn SX hàng hóa nào? số lượng bao nhiêu, SX bằng cách nào để đạt hiệu quả? Chủ thể SX còn phải có trách nhiệm cung cấp những hàng hóa, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khỏe và lợi ích của con người trong xã hội.

b. Tìm hiểu vai trò của chủ thể tiêu dùng

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin, trường hợp) về một chủ thể tiêu dùng và trả lời câu hỏi:

1. Các nhân vật trong dữ liệu đóng vai trò là chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế gì?

2. Theo em, chủ thể tiêu dùng có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp

- GV mời một vài nhóm/ cá nhân trình bày câu trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, SX...

Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho SX phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

c. Tìm hiểu vai trò của chủ thể trung gian

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin, trường hợp) về một chủ thể trung gian và trả lời câu hỏi:

Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong mỗi bức tranh (video,thông tin, trường hợp) là ai? Hoạt động của họ đóng góp gì cho đời sống xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày câu trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể SX, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trên thị trường như: các thương nhân chuyên phân phối hàng hóa, nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm...Họ có vai trò ngày càng quan trọng, là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua - bán, SX - tiêu dùng ...giúp nền kinh tế linh hoạt hơn, hiệu quả hơn.

d. Tìm hiểu chủ thể nhà nước

GV dẫn: Bất cứ nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội. Ở Việt Nam, nhà nước có vai trò kinh tế là tổ chức, quản lí toàn bộ nền kinh tế quốc dân thông qua *thực hiện chức năng quản lí nhà nước về kinh tế.*

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin, trường hợp) về chủ thể nhà nước và trả lời câu hỏi: Nội dung các bức tranh (video, thông tin, trường hợp) thể hiện nhà nước có vai trò như thế nào trong nền kinh tế ?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày câu trả lời, HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Là chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhà nước có vai trò quản lí nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lí nhà nước về kinh tế:

1) Tạo môi trường pháp lí thuận lợi và đảm bảo ổn định chính trị xã hội cho sự phát triển kinh tế;

2) Tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế như xây dựng chiến lược, qui hoạch, kế hoạch phát triển, ban hành các chính sách, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế phát triển theo mục tiêu; xây dựng kết cấu hạ tầng SX,

kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng, năng lượng, giao thông, viễn thông...; khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát...

3) Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo định hướng XHCN.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu:***

- Củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá;
- Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến việc tham gia các hoạt động kinh tế
- Liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động kinh tế với tư cách là các chủ thể kinh tế.

**** Tổ chức hoạt động***

Để HV củng cố tri thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em hãy nêu vai trò của các hoạt động kinh tế, các chủ thể kinh tế trong các trường hợp sau:

a. Thực hiện SX xanh, giảm thiểu ô nhiễm hướng tới phát triển bền vững không chỉ giúp doanh nghiệp Việt Nam hòa vào dòng chảy quốc tế mà còn mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Doanh nghiệp sẽ áp dụng những giải pháp tiết kiệm năng lượng như sử dụng các phương tiện tiêu thụ ít điện năng, năng lượng mặt trời...từ đó tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, có cơ hội bước chân vào vào những thị trường "khó tính" khi tạo ta được những sản phẩm "xanh", thân thiện với môi trường.

b. Đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng muốn sử dụng sản phẩm sạch, đạt tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu uy tín, được bán ở những nơi tin cậy, nhiều đơn vị SX đã làm ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và liên kết với nhiều siêu thị, hội chợ để cung ứng hàng hóa nông sản sạch.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến các hoạt động kinh tế và các chủ thể kinh tế, GV có thể sử dụng các dạng bài tập" Nhận xét hành vi", " Xử lý tình huống"...

Ví dụ: GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc cá nhân đưa ra đáp án xử lí tình huống sau:

a. Bố mẹ N có ý định mở một quán trò chơi điện tử trực tuyến ngay gần cổng một trường trung học phổ thông với mong muốn sẽ thu hút được khách hàng là các em học sinh.

Nếu là N, em sẽ nói gì với bố mẹ trong hoạt động kinh doanh này?

b. Nghe tin nông dân một số nơi đang gặp khó khăn vì hàng ngàn tấn nông sản không tiêu thụ được, T rủ H ra siêu thị mua 5 kg củ cải về ăn dần nhưng bị ngăn lại:" nhà chỉ có hai mẹ con, cậu mua nhiều củ cải làm gì?"

Nếu là T, em sẽ nói gì với H?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các hoạt động kinh tế với tư cách là chủ thể kinh tế, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. GV giao nhiệm vụ cho HV nhận xét việc thực hiện trách nhiệm công dân của các chủ thể kinh tế khi tham gia vào các hoạt động kinh tế trong các trường hợp sau:

a. Sinh ra và lớn lên trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên anh V phải tìm việc làm sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Sau vài năm vất vả làm thuê, tích lũy được một số tiền nhỏ, anh quyết định mua phông bạt, bàn ghế làm dịch vụ cho thuê, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho bản thân và gia đình. Được sự tư vấn của cán bộ xã, anh vay vốn từ ngân hàng, đầu tư một chuỗi hoạt động kinh doanh sự kiện trọn gói, mỗi năm thu về hàng trăm triệu đồng, tạo việc làm cho gần chục nhân công là các thanh niên trong xã. Anh còn tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

Câu hỏi: Trong trường hợp trên, anh V đã thể hiện trách nhiệm công dân khi tham gia hoạt động kinh tế như thế nào? Em hãy liên hệ việc thực hiện trách nhiệm công dân của bản thân và gia đình khi tham gia các hoạt động kinh tế.

b. Chị H có ý định sẽ mở một xưởng SX quần áo thời trang, làm giả sản phẩm của một số thương hiệu nổi tiếng đang được người tiêu dùng ưa chuộng.

Nếu là chị H, em có thực hiện dự định này không? vì sao?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác áp dụng những điều đã học về vai trò của các hoạt động kinh tế và các chủ thể trong nền kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế

**** Tổ chức hoạt động***

GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện các nhiệm vụ ở nhà theo nhóm hoặc cá nhân. Có thể kiểm tra việc thực hiện thông qua các sản phẩm cụ thể .

Ví dụ:

a. Em hãy viết bài chia sẻ việc bản thân/ gia đình em đã tham gia nền kinh tế với tư cách một chủ thể kinh tế và thể hiện vai trò của chủ thể đó như thế nào?

b. Em hãy vẽ tranh cổ động cho hoạt động "tiêu dùng xanh" và chia sẻ nội dung, ý nghĩa của bức tranh với thầy cô và các bạn

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH - Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội - Xác định được trách nhiệm công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; - Nêu được vai trò của các chủ thể kinh tế - Nêu được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi; NL phát triển bản thân khi: Điều chỉnh được ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia hoạt động kinh tế.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1 và Kiểm tra cuối kì 1)
Vận dụng	Hình thành NL phát triển bản thân khi: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề khi tham gia hoạt động kinh tế	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận Kiểm tra giữa kì 1 và kiểm tra cuối kì 1)

CHỦ ĐỀ 2. THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Thời gian thực hiện: 6 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm thị trường, cơ chế thị trường, giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường
- Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường
- Nêu được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. Nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi khi tham gia thị trường

– Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm tòi, học hỏi và tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi

3. Phẩm chất

Yêu nước: Tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tham gia thị trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục KTPL 10.
- Giấy A4, phiếu học tập.
- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về thị trường, cơ chế thị trường và giá cả thị trường.
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Khái niệm thị trường, cơ chế thị trường, ưu nhược điểm của cơ chế thị trường
- Các loại thị trường và chức năng của thị trường
- Khái niệm và chức năng của giá cả thị trường

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm thị trường, cơ chế thị trường, ưu nhược điểm của cơ chế thị trường

- Mức độ cần làm rõ: nêu được khái niệm và ưu nhược điểm của cơ chế thị trường, không cần phân tích sâu.

b. Các loại thị trường và chức năng của thị trường

- Mức độ cần làm rõ: Không yêu cầu đi sâu vào khái niệm các loại thị trường này, cái chính là chỉ ra trong nền kinh tế có những loại thị trường nào? Thị trường có những chức năng gì?

c. Khái niệm và chức năng của giá cả thị trường

- Mức độ cần làm rõ: nêu được khái niệm và chức nằn của giá cả thị trường

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức, dạy trong 6 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập:

- Bài Thị trường (3 tiết)
- Bài Cơ chế thị trường (3 tiết)

Với các hoạt động cơ bản trong bài học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu:*** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HV về vai trò của thị trường, cơ chế thị trường, giá cả thị trường trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và khai thác những hiểu biết ban đầu của HV về chủ đề bài học mới.

**** Tổ chức hoạt động***

Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động:

- GV giao cho HV thực hiện một trong những nhiệm vụ sau:

+ Kể về hoạt động của một loại thị trường đang diễn ra trong đời sống thực tiễn và nhận xét về tác động của hoạt động này trong đời sống xã hội,

+ Kể về một sự biến động giá cả thị trường trong thực tế và sự tác động của biến động này trong đời sống xã hội.

- HV thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả
- GV nhận xét, kết luận rồi kết nối vào bài mới

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1 Tìm hiểu khái niệm thị trường và các loại thị trường

**** Mục tiêu:*** HV nêu được khái niệm thị trường và liệt kê được các loại thị trường

**** Tổ chức hoạt động***

a. Tìm hiểu khái niệm thị trường

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin) về hoạt động của thị trường và trả lời câu hỏi:

1.Em hãy mô tả những hoạt động trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ thể hiện trong dữ liệu trên. Mục đích của những hoạt động đó là gì?

2. Theo em, thị trường là gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời câu hỏi vào giấy nháp hoặc bảng nhóm

- GV mời một vài nhóm/cá nhân trình bày ý kiến, các ý kiến tranh luận khác

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa. Theo nghĩa rộng, thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xã định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ

b. Tìm hiểu các loại thị trường

**** Mục tiêu:*** *HV kể tên được các loại thị trường*

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin...) về các loại thị trường và trả lời câu hỏi:

1. Hãy xác định các loại thị trường trong các dữ liệu trên.

2. Theo em, ngoài các loại thị trường trên còn có những loại thị trường nào khác?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập

- GV mời một vài nhóm/cá nhân trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án câu trả lời cho các câu hỏi và chốt kiến thức:

Theo đối tượng giao dịch, mua bán có thị trường các loại hàng hóa, dịch vụ như thị trường lúa, gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản...

Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch có thị trường tư liệu SX, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trượng lao động, thị trường khoa học - công nghệ....

Theo phạm vi quan hệ mua bán, giao dịch có thị trường trong nước, thị trường quốc tế...

Hoạt động 2. Tìm hiểu chức năng cơ bản của thị trường

**** Mục tiêu****: HV nêu được các chức năng cơ bản của thị trường*

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin (hay xem video...) thể hiện chức năng của thị trường và trả lời câu hỏi:

1.Nội dung của thông tin (hay video...) cho biết thị trường có chức năng gì? Ngoài ra, thị trường còn có chức năng nào khác?

2. Trình bày tóm tắt các chức năng của thị trường.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời vào giấy nháp hoặc phiếu học tập.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, nêu đáp án các câu hỏi trong nhiệm vụ học tập và chốt kiến thức:

Thị trường có 3 chức năng cơ bản:

Chức năng thừa nhận: thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để SX ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào

Chức năng thông tin: thị trường cung cấp thông tin cho người SX và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung -cầu các loại hàng hóa...

Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: trên cơ sở những thông tin thu thập được từ thị trường, người SX và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó SX và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

Hoạt động 3: Tìm hiểu khái niệm, ưu nhược điểm của cơ chế thị trường

**** Mục đích**: HV nêu được khái niệm, ưu và nhược điểm của cơ chế thị trường*

**** Tổ chức thực hiện**:*

a. Tìm hiểu khái niệm cơ chế thị trường

- GV giao nhiệm vụ: HV đọc thông tin (hay xem video...) về cơ chế thị trường và trả lời câu hỏi

1. Hãy nêu, ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường từ những thông tin trên

2. Theo em, ngoài ra cơ chế thị trường còn những ưu, nhược điểm nào khác?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày ý kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, các ý kiến thảo luận khác

- GV nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án cho các câu hỏi và chốt kiến thức:

- Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các qui luật kinh tế như: qui luật cạnh tranh, cung - cầu, giá cả, lợi nhuận...chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

b. Tìm hiểu ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường

- GV giao nhiệm vụ cho HV: có thể làm việc theo nhóm hoặc cá nhân, quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin, trường hợp) về ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường và trả lời câu hỏi:

1. Nêu ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường trong các dữ liệu trên.

2. Theo em, ngoài những ưu nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có ưu nhược điểm nào khác?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời viết ra giấy nháp hoặc bảng nhóm...

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và ý kiến thảo luận khác.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án câu trả lời cho các câu hỏi và chốt kiến thức:

Cơ chế thị trường có ưu điểm: Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng SX và tăng trưởng kinh tế; Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế; Thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu câu fcuar con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

Cơ chế thị trường tồn tại một số nhược điểm vốn có: tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái; phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người SX và người tiêu dùng; không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội. Vì vậy, nhà nước cần tăng cường quản lí vĩ mô nền kinh tế để khắc phục, hạn chế nhuwojc điểm của cơ chế thị trường.

Hoạt động 3. Tìm hiểu giá cả thị trường

**** Mục tiêu:*** HV nêu được khái niệm và chức năng của giá cả thị trường

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: quan sát tranh (hay xem video, đọc thông tin, trường hợp) về giá cả thị trường và trả lời câu hỏi:

1.Trong dữ liệu trên, người bán và người mua thỏa thuận với nhau về điều gì? Kết quả của sự thỏa thuận đó là gì? Theo em, giá cả thị trường là gì?

2. Trong các dữ liệu trên, giá cả thị trường thể hiện chức năng thông tin và phân bổ nguồn lực như thế nào? Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế ra sao?

- HV thực hiện nhiệm vụ học theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời câu hỏi vào giấy nháp hoặc phiếu học tập

- GV mời một vài cá nhân/ nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, ý kiến thảo luận khác

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án câu trả lời các câu hỏi và chốt kiến thức:

Giá cả hàng hóa là số tiền phải trả cho một hàng hóa để bù đắp những chi phí SX và lưu thông hàng hóa đó.

Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.

Chức năng của giá cả thị trường: cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp SX, tăng hay giảm tiêu dùng; Phân bổ nguồn lực góp phần điều tiết qui mô SX, cân đối cung- cầu; là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- Củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá;

- Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thị trường, cơ chế thị trường, giá cả thị trường trong đời sống xã hội;

- Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường; tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.

- Tổ chức thực hiện

GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, PP dạy học khác nhau để HV thực hiện được các bài luyện tập theo mục đích đề ra.

Để HV củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá: GV có thể sử dụng dạng bài tập sau:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Thị trường bao giờ cũng gắn với địa điểm cụ thể như chợ, cửa hàng, siêu thị...

b. Thị trường là nơi diễn ra hoạt động SX hàng hóa để đáp ứng như cầu của xã hội

c. Chỉ có người SX hàng hóa mới cần đến thị trường

d. Những thông tin trên thị trường giúp người SX điều chỉnh kế hoạch SX hàng hóa.

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các ý kiến trên, thể hiện quan điểm của mình và giải thích vì sao lại có quan điểm như vậy

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết ý kiến của mình ra phiếu học tập

- GV mời 1-2 HV trình bày ý kiến, các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và đưa ra kết luận

2. Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Trong cơ chế thị trường, người SX hoàn toàn tự do lựa chọn mặt hàng kinh doanh không cần quan tâm đến các yếu tố khác

b. Tham gia thị trường thì phải chấp nhận nguy cơ rủi ro

c. Trong cơ chế thị trường, nếu không thích thì không cần cạnh tranh với ai

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các ý kiến trên, thể hiện quan điểm của mình và giải thích vì sao lại có quan điểm như vậy

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết ý kiến của mình ra phiếu học tập

- GV mời 1-2 HV trình bày ý kiến, các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và đưa ra kết luận

3. Em đồng ý hay không đồng ý với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Giá cả thị trường là yếu tố dẫn dắt hoạt động của các chủ thể kinh tế trên thị trường.

b. Giá cả thị trường là giá bán hàng hóa do chủ thể kinh doanh hàng hóa quyết định

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các ý kiến trên, thể hiện quan điểm của mình và giải thích vì sao lại có quan điểm như vậy

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết ý kiến của mình ra phiếu học tập

- GV mời 1-2 HV trình bày ý kiến, các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và đưa ra kết luận

Để HV liên hệ thực tế, điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường

GV có thể sử dụng dạng bài tập " nhận xét hành vi", " xử lí tình huống"

Ví dụ:

1. Nhận xét hành vi của chủ thể kinh tế trong trường hợp dưới đây:

Để thu được nhiều lợi nhuận, siêu thị X đã nhập một số hàng hóa không rõ nguồn gốc rồi dán nhãn giả vào?

2. Xử lí tình huống:

Thấy giá cả hàng hóa trên thị trường có xu hướng tăng, bà Y quyết định giữ lại nhiều hàng hóa trong kho để chờ giá tăng cao hơn mới bán

Nếu là người thân, em sẽ có lời khuyên gì với bà Y?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác áp dụng những điều đã học về thị trường, cơ chế thị trường và giá cả thị trường khi tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi.

- Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường

**** Tổ chức hoạt động***

GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện các nhiệm vụ ở nhà theo nhóm hoặc cá nhân. Có thể kiểm tra việc thực hiện thông qua các sản phẩm cụ thể .

- Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm hoặc cá nhân thực hiện bài tập vận dụng trong SGK.

Bài tập vận dụng phải gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

a. Em hãy viết bài chia sẻ quan điểm của mình về nhận định:"Thị trường luôn luôn đúng"

b. Em hãy khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý sau:

- Đối tượng khảo sát.

- Nội dung khảo sát: Giá cả, chất lượng, mẫu mã....; thái độ, cách bán hàng.

- Phương pháp khảo sát: quan sát, phỏng vấn, điều tra...

- Sản phẩm: Báo cáo kết quả khảo sát (chú ý rút ra bài học từ kết quả khảo sát).

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng, đưa vào kết quả ĐGTX.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	**Mục tiêu**	**Kiểm tra đánh giá**	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu khái niệm thị trường, các loại thị trường và chức năng của thị trường	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH khi: Nêu được khái niệm thị trường, các loại thị trường và chức năng của thị trường	Quan sát	Ghi chép thông tin liên quan đến thị trường
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu khái niệm, ưu và nhược điểm của cơ chế thị trường	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH khi: - Nêu được khái niệm, ưu và nhược điểm của cơ chế thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu khái niệm giá cả thị trường, chức năng của giá cả thị trường	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH khi: Nêu được khái niệm giá cả thị trường, chức năng của giá cả thị trường.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)

Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT - XH: Điều chỉnh được ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động trên thị trường.	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Vận dụng	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT-XH: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề khi tham gia vào các loại thị trường trong đời sống.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1 và Kiểm tra cuối kì 1)

CHỦ ĐỀ 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

Thời gian thực hiện: 6 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, vai trò của ngân sách nhà nước và thuế.
- Trình bày được lí do vì sao Nhà nước phải thu thuế.
- Nêu được một số loại thuế phổ biến.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật Ngân sách và pháp luật Thuế.

2. Năng lực

Điều chỉnh hành vi: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế

Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: tìm hiểu được một số hoạt động có liên quan đến Ngân sách nhà nước và thuế trong đời sống thực tế, giải thích được một cách đơn giản vì sao Nhà nước phải thu thuế.

3. Phẩm chất

- *Trung thực:* Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực ngân sách và thuế theo quy định của pháp luật.
- *Trách nhiệm:* Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực ngân sách và thuế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, ti vi (nếu có), bảng phụ, giấy A4, giấy A0; bút viết bảng
- SGK, Sách Giáo viên, sách bài tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10;
- Video, hình ảnh, số liệu liên quan đến ngân sách nhà nước và thuế.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Khái niệm ngân sách nhà nước; vai trò của ngân sách nhà nước; quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp ngân sách.
- Khái niệm thuế; vai trò của thuế; các loại thuế phổ biến; quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm ngân sách nhà nước; vai trò của ngân sách nhà nước; quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp ngân sách.

- Chỉ nêu khái niệm ngân sách nhà nước, không đi sâu phân tích khái niệm.

- Chỉ nêu vai trò của ngân sách đối với một số hoạt động của nhà nước, góp phần điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, hỗ trợ người lao động khi khó khăn, đẩy hợp tác quốc tế. Không đi sâu phân tích, giải thích từng vai trò.

- Chỉ nêu những quy định theo pháp luật ngân sách để làm căn cứ cho công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực này.

b. Khái niệm thuế; vai trò của thuế; các loại thuế phổ biến; quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ công dân trong thực hiện pháp luật thuế.

- Chỉ nêu khái niệm thuế và kể tên một số loại thuế phổ biến hiện nay. Không đi sâu phân tích khái niệm, đặc điểm của từng loại thuế.

- Chỉ nêu vai trò của thuế trong đời sống kinh tế, xã hội, thể ở việc là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, là công cụ để Nhà nước điều tiết kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

- Chỉ nêu những quy định theo pháp luật thuế để làm căn cứ cho công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của với tư cách là người nộp thuế.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề gồm 2 đơn vị kiến thức, dạy trong 6 tiết, GV có thể chủ động chia nhỏ nội dung của chủ đề để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập. Ví dụ: Nội dung 1: Ngân sách Nhà nước (3 tiết); Nội dung 2: Thuế (3 tiết)

GV căn cứ vào các yêu cầu cần đạt Chương trình đã quy định để thiết kế và tổ chức các hoạt dạy học nhằm đạt được mục tiêu về năng lực, phẩm chất đã xác định ở trên. Có thể tiến hành các hoạt động dạy học cơ bản như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về ngân sách nhà nước và thuế.

- HV có hứng thú tìm hiểu về ngân sách và thuế đồng thời xác định được các nhiệm vụ học tập.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV:

+ Quan sát một số hoạt động của đời sống xã hội (hình ảnh hoặc video)

+ Xác định những nguồn kinh phí được sử dụng cho các hoạt động đó.

+ Trả lời câu hỏi: nguồn kinh phí đó lấy từ đâu? Sử dụng như thế nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ (có thể thực hiện cá nhân hoặc nhóm), báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước lớp, phát biểu vấn đề, nhiệm vụ cần thực hiện trong bài học.

- GV dựa vào kết quả làm việc của HV để nhận xét và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu về ngân sách nhà nước

a. Tìm hiểu khái niệm, vai trò của ngân sách nhà nước

**** Mục tiêu***

- HV biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để trình bày được khái niệm ngân sách nhà nước và vai trò của ngân sách nhà nước.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV có thể giới thiệu bản một dự toán ngân sách nhà nước (có thể lấy từ Cổng công khai ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính) và giao nhiệm vụ cho HV như sau:

+ Tự đọc số liệu trong bản dự toán và trả lời câu hỏi: Những khoản thu, chi trong bản dự toán được thực hiện trong thời gian bao lâu? Do chủ thể nào có thẩm quyền quyết định? Nhằm mục đích gì?

+ Ghi câu trả lời vào giấy A4/vở nháp và rút ra khái niệm

+ Trao đổi cặp đôi để thống nhất câu trả lời và nội dung khái niệm

- HV thực hiện nhiệm vụ. Đại diện các cặp đôi chia sẻ kết quả

- GV dựa vào phần trao đổi, thảo luận của các cặp đôi trước lớp để kết luận:

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

- GV tiếp tục nêu câu hỏi: Nếu không có bản dự toán các khoản thu chi thì Nhà nước có thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình không? Vì sao?.

- HV thảo luận theo nhóm (4 hoặc 6), ghi câu trả lời vào bảng phụ/A3, treo bảng phụ/A3 vào vị trí quy định.

- GV hướng dẫn các nhóm nhận xét kết quả của nhau và đặt câu hỏi cho nhóm bạn để làm rõ thêm vai trò của ngân sách nhà nước.

- HV các nhóm trao đổi câu hỏi của nhóm bạn và cử đại diện trả lời trước lớp. Thảo luận những nội dung chưa thống nhất giữa các nhóm về vai trò của ngân sách nhà nước

– GV dựa vào sản phẩm và kết quả thảo luận của HV để nhận xét, đánh giá quá trình HV thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn HV kết luận:

Ngân sách nhà nước giữ vai trò là công cụ củng cố bộ máy quản lí của Nhà nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia; phân bổ các nguồn lực tài chính, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, ổn định, bền vững; Góp phần ổn định tiền tệ, giá cả và kiềm chế lạm phát; điều tiết thu nhập của các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần giải quyết các vấn đề về đời sống và xã hội; tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh,…; mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế

b. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện Pháp luật Ngân sách

**** Mục tiêu***

- HV nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách

- HV thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực ngân sách theo quy định của pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giới thiệu thông tin về một số quy định của pháp luật ngân sách (chiếu trên màn hình hoặc tạo thành phiếu thông tin và phát cho HV), phát cho các nhóm bút viết, thẻ từ và tổ chức cho HV thực hiện trò chơi tiếp sức như sau:

+ Tự đọc nội dung thông tin, xác định quyền và nghĩa vụ của công dân được nói đến trong thông tin.

+ Ghi vào thẻ từ những quyền, nghĩa vụ của công dân vừa xác định, trong thời gian 2 phút thay nhau và gắn lên bảng nhóm (chia bảng thành 2 cột, một cột để gắn quyền, một cột gắn nghĩa vụ). Đội nào gắn được nhiều và đúng nhất sẽ giành thắng cuộc (yêu cầu gắn đúng cột, không lặp lại).

- HV thực hiện nhiệm vụ, sao đó cùng trao đổi và liên hệ với bản thân bằng các ví dụ thực tiễn.

- GV dựa vào kết quả trên bảng nhóm và phần trao đổi của HV để phân tích thêm và hướng dẫn HV kết luận:

Công dân có quyền được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về ngân sách theo quy định của pháp luật.

Công dân có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.

2.2. Tìm hiểu về thuế

a. Tìm hiểu khái niệm, vai trò của thuế, một số loại thuế phổ biến

**** Mục tiêu:***

- HV tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu,nhiệm vụ để nêu được khái niệm thuế, vai trò của thuế và kể được tên một số loại thuế phổ biến.

- HV biết thu thập thông tin để giải thích một cách đơn giản vì sao Nhà nước phải thu thuế.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh/đọc thông tin/ xem video có nội dung liên quan đến thuế, vai trò của thuế, các loại thuế và thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Cá nhân tự phân tích hình ảnh/thông tin/nội dung video để trả lời các câu hỏi: Khoản tiền nộp vào ngân sách nhà nước là tự nguyện hay bắt buộc? Những chủ thể nào phải nộp khoản tiền đó? Vì sao phải nộp, nhằm mục đích gì? Nếu không có khoản thu

nộp đó vào ngân sách thì điều gì sẽ xảy ra? Sau đó tự rút ra khái niệm, vai trò, tên các loại thuế.

+ Thảo luận theo nhóm để vẽ sơ đồ (trên máy tính hoặc A0) về khái niệm thuế, vai trò của thuế, các loại thế phổ biến.

- HV lần lượt thực hiện nhiệm vụ cá nhân và nhóm, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.

- GV nhận xét, dựa vào kết quả thảo luận của HV để và chốt kiến thức

Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước sử dụng thuế để điều tiết SX và thị trường nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế, xác lập một cơ cấu kinh tế hợp lí; Nhà nước sử dụng thuế đề điều tiết thu nhập, điều chỉnh những quan hệ xã hội, thực hiện công bằng xã hội.

Một số loại thuế phổ biến: thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thuế tài nguyên; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường..

b. Tìm hiểu quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế

**** Mục tiêu***

- HV phát biểu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế

- HV thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong việc nộp thuế; ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi phạm pháp luật về thuế.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giới thiệu thông tin/tình huống/trường hợp có nội dung liên quan đến các quy định của pháp luật thuế, tổ chức lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

+ HV tự đọc và phân tích thông tin/tình huống/trường hợp để trả lời câu hỏi: Những quy định nào của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế được nêu trong thông tin/tình huống/trường hợp trên? Những chủ thể nào trong thông tin/tình huống/trường hợp trên thực hiện đúng, chưa đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong việc nộp thuế theo quy định của pháp luật? Em rút ra bài học gì cho bản thân về việc thực hiện các quy định của pháp luật thuế?

+ Thảo luận theo nhóm để thống nhất các câu trả lời (có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn). Ghi câu trả lời vào bảng nhóm và treo vào vị trí quy định.

- HV lần lượt thực hiện nhiệm vụ cá nhân, nhiệm vụ theo nhóm

- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả (có thể sử dụng kĩ thuật phòng tranh, kết hợp với kĩ thuật 321).

- GV nhận xét quá trình thực hiện nhiệm vụ của HV, dựa vào kết quả và nội dung thảo luận để hướng dẫn HV kết luận:

Nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của công dân, vì vậy mỗi công dân cần thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thuế. Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế; đồng thời phê phán các hành vi vi phạm pháp luật thuế

Là người nộp thuế, công dân có những quyền và nghĩa vụ sau:

Quyền: Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; được cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế; được yêu cầu cơ quan quản lí thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế; được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin phải cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật; được hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lí đối với số tiền thuế không được hoàn.

Nghĩa vụ: Thực hiện đăng kí thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật; Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế; Nộp các khoản tiền về thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm;...

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**

- Củng cố tri thức vừa khám phá;
- Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến ngân sách nhà nước và thuế;
- Liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về thực hiện pháp luật ngân sách, pháp luật thuế.

**** Tổ chức hoạt động***

Để HV củng cố tri thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

Bài 1. Em đồng ý, không đồng ý với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

a) Ngân sách nhà nước là quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước, là kế hoạch tài chính cơ bản của Nhà nước.

b) Ngân sách nhà nước là những quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình nhà nước huy động và sử dụng các nguồn tài chính khác nhau.

c) Ngân sách nhà nước do Quốc hội lập và phê chuẩn để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

d) Ngân sách nhà nước được sử dụng để củng cố bộ máy quản lí của Nhà nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia

e) Thuế là khoản nộp ngân sách nhà nước không bắt buộc của hộ gia đình, hộ kinh doanh.

g) Nhà nước sử dụng thuế để điều tiết SX nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế.

h) Thông qua thuế, Nhà nước điều tiết thu nhập, điều chỉnh những quan hệ xã hội, thực hiện công bằng xã hội.

Bài 2. Dựa theo số liệu trong bảng dưới đây, em hãy cho biết điều gì sẽ xảy ra nếu Nhà nước không chi ngân sách để ứng phó với dịch Covid-19?

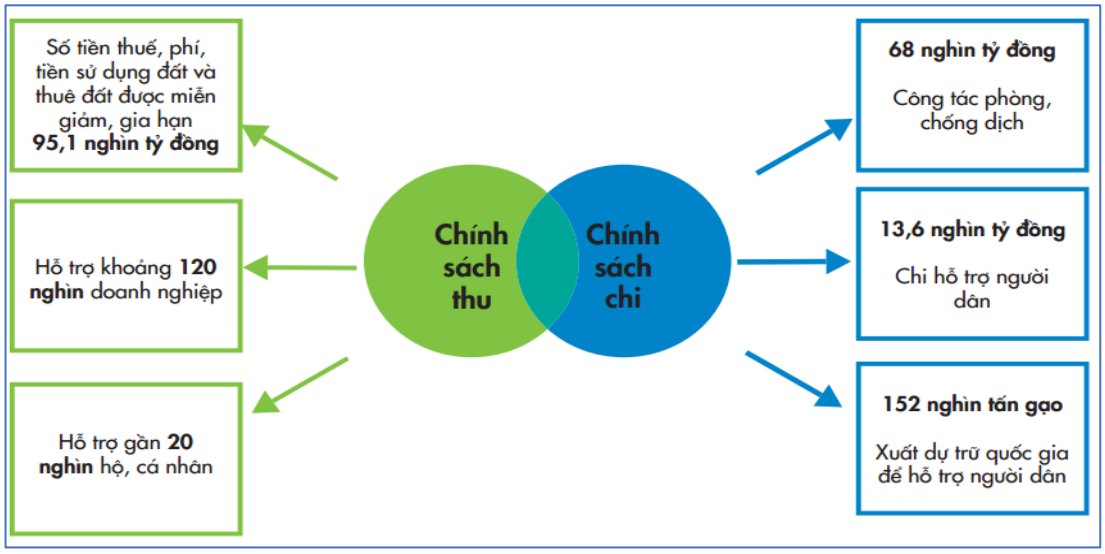

Bài 3. Em hãy dựa vào thông tin trong sơ đồ dưới đây để gọi đúng tên thuế

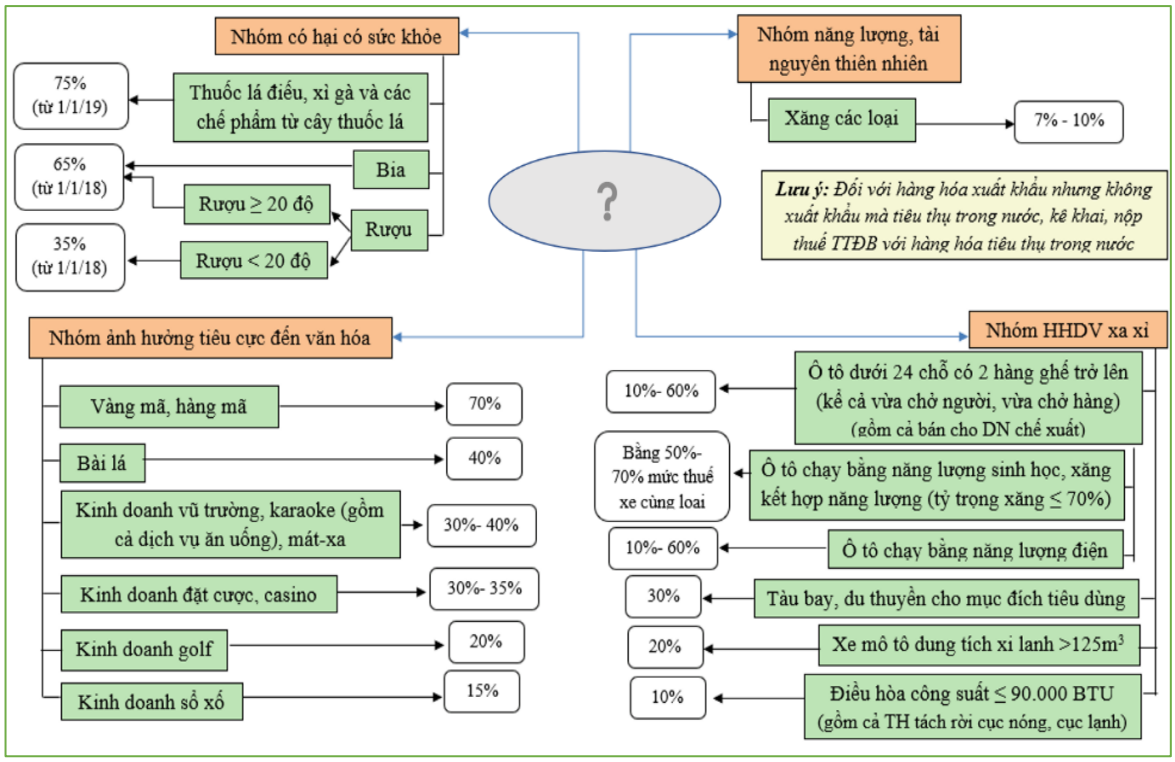

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến ngân sách nhà nước và thuế, GV có thể sử dụng các tình huống sau:

Tình huống 1. Bạn A thắc mắc: không biết các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước không.

a) Em sẽ giải đáp thắc mắc của bạn A như thế nào?

b) Theo em, tổng mức chi cho hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh do chủ thể nào quyết định? Tại sao?

Tình huống 2. Ông B mở cửa hàng kinh doanh có đăng kí kinh doanh 8 loại mặt hàng và đóng thuế đầy đủ. Nhưng khi ban quản lí thị trường kiểm tra thấy trong cửa hàng của ông có bán tới 12 loại mặt hàng.

a) Em hãy nhận xét về việc thực hiện pháp luật thuế của ông B.

b) Nếu là người thân của ông B, em sẽ thể hiện thái độ và hành động như thế nào?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về thực hiện pháp luật ngân sách, pháp luật thuế, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

Bài 1. Nếu gia đình em có thu nhập thuộc diện phải nộp thuế vào ngân sách nhà nước nhưng người nhà em đã kê khai không chính xác thu nhập để không phải nộp tiền vào ngân sách.

Nêu những việc em sẽ làm để giúp người nhà thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật ngân sách, pháp luật thuế:……

Bài 2. Em hãy tìm hiểu về những loại thuế mà gia đình em phải nộp và thực hiện các yêu cầu sau:

Liệt kê tên những loại thuế phải nộp, đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, số lượng nộp, thời gian nộp:……. ……

Đánh giá việc thực hiện quyền và nghĩa vụ thực hiện pháp luật thuế của các thành viên trong gia đình em:…… ……

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực ngân sách và thuế theo quy định của pháp luật.

- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực ngân sách và thuế.

**** Tổ chức hoạt động***

GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện các nhiệm vụ ở nhà theo nhóm hoặc cá nhân. Có thể kiểm tra việc thực hiện thông qua các sản phẩm cụ thể .

Ví dụ:

1. Em hãy tìm hiểu một bản dự toán ngân sách địa phương nơi em đang sinh sống và thực hiện các yêu cầu sau:

- Ghi tóm tắt lại những nội dung cơ bản của dự toán (Căn cứ lập dự toán; Mục đích lập dự toán; Chủ thể lập dự toán; Tổng thu ngân sách; Tổng chi ngân sách…)

- Hãy viết ba việc em sẽ làm để góp phần thực hiện bản dự toán ngân sách đó.

2. Em hãy viết bài hoặc vẽ tranh cổ động có nội dung tuyên truyền về thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực thuế.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện các bài tập vận dụng này của HV vào những thời điểm thích. Đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng và có thể đưa vào kết quả đánh giá thường xuyên.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	**Mục tiêu**	**Kiểm tra đánh giá**	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu về ngân sách nhà nước	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH: - Trình bày được khái niệm, vai trò của ngân sách nhà nước - Nêu được quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật ngân sách	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi nêu vấn đề. Câu gỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Tìm hiểu về thuế	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH: - Nêu được khái niệm, vai trò của thuế - Kể tên được các loại thuế - Giải thích lí do vì sao Nhà nước phải thu thuế. - Nêu được quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật thuế	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi: - Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ về ngân sách và thuế.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.

	- Ủng hộ hành vi chấp hành pháp luật ngân sách và thuế. - Phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1 và Kiểm tra cuối kì 1)
Vận dụng	Hình thành các phẩm chất trung thực, trách nhiệm: - Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực ngân sách và thuế theo quy định của pháp luật. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực ngân sách và thuế.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1 và Kiểm tra cuối kì 1)

CHỦ ĐỀ 4. SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Thời gian thực hiện: 5 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò của SX kinh doanh;
- Nhận biết được một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của nó.

2. Năng lực

- *Năng lực phát triển bản thân:* Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm tòi, học hỏi các mô hình SX kinh doanh. Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các tình huống trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò và các mô hình SX kinh doanh.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên Giáo dục KT và PL 10.
- Giấy A4, phiếu học tập.
- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về các mô hình SX kinh doanh.
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Vai trò của SX kinh doanh;

- Một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của nó.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Vai trò của SX kinh doanh

- Mức độ cần làm rõ: Tuy yêu cầu cần đạt không có khái niệm SX kinh doanh song GV cần làm rõ sự khác biệt giữa hoạt động SX bình thường với hoạt động SX kinh doanh để từ đó nêu được vai trò của SX kinh doanh.

b.Một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của nó

- Mức độ cần làm rõ: Không yêu cầu đi sâu vào khái niệm các loại mô hình SX kinh doanh nhưng phải chỉ ra trong nền kinh tế có những mô hình SX kinh doanh nào? Mỗi mô hình đó có đặc điểm gì?

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức, dạy trong 5 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập. Với các hoạt động cơ bản trong bài học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu:*** Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HV về vai trò của SX kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HV về chủ đề bài học mới.

**** Tổ chức hoạt động***

Có nhiều cách khác nhau để tổ chức hoạt động khởi động:

- GV giao nhiệm vụ cho HV:

+ Kể một số hoạt động SX kinh doanh đang diễn ra trong đời sống thực tiễn và nhận xét vai trò của hoạt động này trong đời sống xã hội,

+ Kể về một mô hình SX kinh doanh trong thực tế và nhận xét về sự xuất hiện của mô hình này trong đời sống xã hội.

- HV thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả câu trả lời ra giấy nháp.

- GV mời đại diện 1-2 HV hoặc đại diện nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, mời ý kiến thảo luận khác

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, kết luận rồi kết nối vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**** Mục tiêu:*** HV nêu được vai trò của SX kinh doanh, nhận biết được một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của mô hình đó.

**** Tổ chức hoạt động***

a. Tìm hiểu vai trò của SX kinh doanh

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp (hay xem video clip...) về một hoạt động SX kinh doanh và trả lời câu hỏi

1. Hoạt động của chủ thể kinh tế trong trường hợp trên nhằm mục đích gì?

2. Hoạt động SX kinh doanh mang lại lợi ích gì cho bản thân, gia đình chủ thể kinh doanh và xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời các câu hỏi ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của các HV, chốt kiến thức:

Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, SX, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận.

SX kinh doanh là hoạt động SX ra sản phẩm hàng hóa/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.

SX kinh doanh có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hóa/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

b. Tìm hiểu một số mô hình SX kinh doanh

***Mục tiêu:** HV nêu được một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của nó*

**** Tổ chức thực hiện:***

GV tổ chức cho HV lần lượt tìm hiểu từng mô hình SX kinh doanh

***Mô hình Hộ SX kinh doanh**

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV đọc thông tin (hay xem video, câu chuyện...) về SX kinh doanh của một hộ gia đình và trả lời câu hỏi:

1. Việc SX kinh doanh của hộ gia đình trong thông tin (hay câu chuyện...) do ai chịu trách nhiệm SX và tiêu thụ sản phẩm? Số lao động tham gia là bao nhiêu?

2. Em có nhận xét gì về qui mô kinh doanh, khả năng huy động vốn của Hộ gia đình đó?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/ cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập trả lời lần lượt từng câu hỏi, đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án câu trả lời cho từng câu hỏi và chốt kiến thức:

Hộ SX kinh doanh là mô hình SX kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức SX kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lí và tiêu thụ sản phẩm. Hộ kinh doanh chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Mô hình này có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lí gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn.

*** Mô hình Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã SX kinh doanh**

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV đọc trường hợp (hay xem video, câu chuyện...) về một hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã và trả lời câu hỏi:

1. Hợp tác xã trong câu chuyện/trường hợp gồm mấy thành viên, được hoạt động dựa trên nguyên tắc nào?

2. Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình Hộ SX kinh doanh là gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp/ bảng nhóm/ phiếu học tập để trình bày trước lớp

- GV mời đại diện 1-2 nhóm /cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, đại diện các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án cho các câu hỏi, sau đó chốt kiến thức:

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động SX, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí hợp tác xã.

Đặc điểm của HTX: dựa trên hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong SX, kinh doanh, có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lí HTX.

Liên hiệp HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu; có tư cách pháp nhân; do ít nhất 4 HTX tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động SX kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của các HTX thành viên trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí liên hiệp HTX. Đặc điểm của Liên hiệp HTX: có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân; các HTX thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

*** Mô hình doanh nghiệp**

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp, câu chuyện... về một doanh nghiệp và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy nêu những biểu hiện tính hợp pháp và tính tổ chức của doanh nghiệp thể hiện trong thông tin (câu chuyện).

2. Theo em, doanh nghiệp là gì? có đặc điểm thế nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc bảng nhóm

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời cho những câu hỏi đã nêu, sau đó chốt kiến thức:

- Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

- Doanh nghiệp có đặc điểm: Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, SX, kinh doanh hàng hóa/dịch vụ…;Có tính hợp pháp: đã đăng ký và được cấp phép kinh doanh; Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

*** Một số mô hình doanh nghiệp**

Doanh nghiệp tư nhân

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, câu chuyện hay xem video về một doanh nghiệp tư nhân và trả lời câu hỏi: Theo em, chủ doanh nghiệp tư nhân trong câu chuyện có quyền sở hữu, quản lí và thực hiện nghĩa vụ trước pháp luật đối với doanh nghiệp của mình như thế nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi đã nêu sau đó chốt kiến thức:

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Đặc điểm: Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp; có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư; không tách bạch tài sản của chủ DN và tài sản của DN nên không có tư cách pháp nhân; Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của DN, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và ***chịu trách nhiệm vô hạn*** *toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp.*

**** Công ty hợp danh***

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện (hay xem video...) về một công ty hợp danh và trả lời câu hỏi:

1. Công ty hợp danh trong câu chuyện được thành lập bởi những ai? Các thành viên hợp danh có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty? Các thành viên góp vốn khác có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?

2. Theo em, công ty hợp danh có ưu điểm gì so với công ty tư nhân?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi, sau đó chốt kiến thức:

Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh). Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn; Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty; Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

- Đặc điểm: Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lí công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty; Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỷ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lí công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty; Do kết hợp được uy tín cá nhân của thành viên hợp danh nên tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lí công ty không quá phức tạp do số lượng các thành viên ít và tin tưởng nhau.

**** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

- GV giao nhiệm vụ cho HVđọc câu chuyện (hay xem video...) về một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và trả lời câu hỏi:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có đặc điểm gì?

2. Theo em, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có ưu điểm gì so với công ty tư nhân?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi đã nêu, sau đó chốt kiến thức:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

- Đặc điểm: Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp *là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. Nếu tăng vốn điều lệ bằng vốn góp của người khác thì phải chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần; Ít rủi ro hơn công ty tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.*

**** Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên***

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV đọc câu chuyện (hay xem video...) về một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên và trả lời câu hỏi:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong câu chuyện có cơ chế tổ chức và hoạt động ra sao?

2. Theo em, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên có điểm gì khác so với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi đã nêu, sau đó chốt kiến thức:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.

- Đặc điểm: Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn;Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Vốn điều lệ của công ty khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty; Ít gây rủi ro cho người góp vốn, huy động được nhiều vốn để phát triển kinh doanh, việc quản lí, điều hành công ty không quá phức tạp.

**** Công ty cổ phần***

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện (hay xem video...) về công ty cổ phần và trả lời câu hỏi:

1. Công ty cổ phần trong câu chuyện được hình thành như thế nào? có phương thức hoạt động ra sao?

2. Em hãy nêu điểm khác biệt giữa công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời lần lượt từng câu hỏi, mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của các HV, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi đã nêu, sau đó chốt kiến thức:

- Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Người đóng cổ phần gọi là các cổ đông. Cơ quan tối cao của công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông.

- Đặc điểm: Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa; Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, có sự tách bạch giữa quyền sở hữu và quyền quản lí nên hiệu quả quản lí cao, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.

**** Doanh nghiệp nhà nước***

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV đọc trường hợp (hay xem video...) về một doanh nghiệp nhà nước và trả lời câu hỏi: Theo em, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong trường hợp trên có sự thay đổi thế nào sau khi tiến hành cổ phần hóa?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị câu trả lời

- GV mời 1- 2 HV trả lời lần lượt từng câu hỏi, các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi đã nêu, sau đó chốt kiến thức:

- Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập, hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lí hoặc tham gia quản lí với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

- Doanh nghiệp nhà nước gồn hai loại : doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- Củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá;

- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống;

- Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động SX kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh.

**** Tổ chức thực hiện***

GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, PP dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập thực hiện được mục tiêu của hoạt động.

Để HV củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá: GV có thể sử dụng bài tập sau:

1. *Em đồng tình, không đồng tình với những ý kiến sau về vai trò của SX kinh doanh?*

a. SX kinh doanh góp phần làm giảm tệ nạn xã hội

b. Kinh doanh phát triển làm hạn chế các nghề truyền thống ở địa phương

Cách thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các ý kiến về vai trò của SX kinh doanh và trả lời câu hỏi.

- HV có thể làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập

- GV mời đại diện nhóm/cá nhân trình bày kết quả, mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét và đưa ra câu trả lời.

Ở dạng bài tập này, GV có thể tổ chức trò chơi trí tuệ như: Ô chữ thông minh, Ai là triệu phú để tiết học thêm sinh động.

2. *Nhận biết điểm khác nhau của các mô hình SX kinh doanh*

- GV giao nhiệm vụ HV làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận nêu điểm khác nhau giữa các mô hình SX kinh doanh:

+ Mô hình hộ SX kinh doanh và Hợp tác xã

+ Doanh nghiệp tư nhân với công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên

+ Công ty tư nhân và công ty hợp danh

+ Công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập, viết ra điểm khác nhau giữa các mô hình vào giấy Ao để trình bày trước lớp

- GV mời đại diện nhóm lên trình bày, đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của các nhóm, đưa ra đáp án câu trả lời cho từng trường hợp.

Ví dụ: Điểm khác nhau giữa mô hình Hộ SX kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân:

- Chủ thể thành lập: Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có thể là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài còn Hộ kinh doanh do cá nhân là công dân Việt Nam, một nhóm người, một hộ gia đình.

- Quy mô: Doanh nghiệp tư nhân không giới hạn quy mô, vốn, không giới hạn số lượng lao động còn Hộ kinh doanh thì số lượng lao động không quá 10 người.

- Địa điểm kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân được mở nhiều địa điểm, chi nhánh còn Hộ kinh doanh không được mở nhiều địa điểm kinh doanh.

- Cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và đầu tư) còn Hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh cấp huyện (Phòng Kế hoạch và đầu tư.)

- Con dấu: Doanh nghiệp tư nhân có con dấu riêng còn Hộ kinh doanh không có.

Để HV được rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến vai trò của hoạt động SX kinh doanh và các mô hình SX kinh doanh: GV có thể sử dụng một số dạng bài tập sau:

1. Tìm hiểu các mô hình SX kinh doanh ở địa phương.

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đăng kí tìm hiểu một loại mô hình SX kinh doanh ở địa phương, qui định thời gian thực hiện, sản phẩm cần có (ví dụ: bản báo cáo, hình ảnh, video, ghi âm lời giới thiệu của chủ cơ sở...).

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm

- GV tổ chức cho các nhóm giới thiệu sản phẩm của mình trước lớp

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV.

2. Xử lí tình huống:

Ví dụ: *Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong tình huống dưới đây:*

Những ngày nông nhàn, anh C cùng nhiều thanh niên trong xã lên thành phố làm thuê. Lao động vất vả, phải sống xa nhà, tốn thêm chi phí thuê nhà trọ, ăn uống, xe

cộ...nhưng thu nhập chẳng được bao nhiêu. Mới đây có người bà con khuyên anh chọn một mô hình kinh doanh phù hợp để phát triển sự nghiệp ở quê, không lên thành phố làm thuê nữa.

Theo em, anh C có nên làm theo lời khuyên đó không? Vì sao?

- GV có thể chuyển tải tình huống này thành video, hoặc cho HV xây dựng kịch bản để đóng vai thể hiện nội dung tình huống.

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc tình huống/ xem video, thảo luận nhóm, cũng có thể tổ chức cho học sinh sắm vai với mỗi tình huống (hướng dẫn HV nghiên cứu nội dung tình huống, xây dựng kịch bản trong đó đã có phương án xử lí tình huống, phân vai và thực hiện vai diễn trước lớp).

- GV mời đại diện 2-3 nhóm nêu ý kiến của nhóm/diễn tiểu phẩm của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của các nhóm, sau đó GV phải đưa ra kết luận về tình huống đã nêu:

Đây là tình huống mở, có thể có ý kiến trái chiều, song gợi ý mong muốn là nên làm theo lời khuyên đó để thực hiện nguyên lí "ly nông bất ly hương" có thể không theo đuổi nghề nông nhưng không bỏ quê hương, vẫn có thể tìm được một mô hình kinh doanh phù hợp với bản thân và gia đình.GV có thể đề nghị HV gợi ý một vài mô hình SX kinh doanh phù hợp: như phát triển chăn nuôi, mở quán kinh doanh ăn uống, tạp hóa....

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác áp dụng những điều đã học vào giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nhận biết vai trò của SX kinh doanh và lựa chọn mô hình SX kinh doanh một cách chủ động, sáng tạo.

- Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

**** Tổ chức thực hiện***

- GV giao nhiệm vụ cho HV viết bài giới thiệu dự định mô hình kinh doanh trong tương lai của bản thân hoặc gia đình trong đó có lí do vì sao em chọn mô hình đó.

- GV hướng dẫn HV thực hiện bài tập này, qui định viết trong 2 trang, thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh họa.

- GV lựa chọn bài viết có nội dung hay, tổ chức cho HV trình bày bài viết trước lớp.

V. GỢI Ý KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	**Mục tiêu**	**Kiểm tra đánh giá**	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu vai trò của	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KTXH:	Quan sát	Ghi chép vai trò của SX kinh doanh

SX kinh doanh	Nêu được vai trò của SX kinh doanh	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của nó	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KTXH: - Nêu được một số mô hình SX kinh doanh và đặc điểm của nó. - Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.	Quan sát	Ghi chép các đặc điểm của từng mô hình SX kinh doanh Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi; NL phát triển bản thân: Điều chỉnh được ý thức, hành vi của bản thân khi xác định được đặc điểm của các mô hình SX kinh doanh.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì 1, cuối kì 1)
Vận dụng	Hình thành NL phát triển bản thân: Vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn được mô hình SX kinh doanh phù hợp với bản thân, phát hiện và giải quyết một số vấn đề khi tham gia hoạt động SX kinh doanh.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra giữa kì 1 và Kiểm tra cuối kì 1)

CHỦ ĐỀ 5. TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG

Thời gian thực hiện: 5 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của tín dụng.
- Kể tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng.
- Nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* nhận biết được đặc điểm của tín dụng và trách nhiệm phải thực hiện đúng những qui định khi tham gia dịch vụ tín dụng; biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng

Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi khi tham gia hoạt động tín dụng.

– Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm tòi, học hỏi các kiến thức về tín dụng, dịch vụ tín dụng; Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.

3. Về phẩm chất

Trung thực và trách nhiệm khi tham gia các hoạt động tín dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục KT và PL 10
- Giấy A4, phiếu học tập
- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về tín dụng và các dịch vụ tín dụng.
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tín dụng.
- Một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng.
- Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.
- Sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng

- Mức độ cần làm rõ: nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng, không cần phân tích sâu các đon vị kiến thức này.

b. Một số dịch vụ tín dụng

- Mức độ cần làm rõ: Không yêu cầu đi sâu vào khái niệm các dịch vụ tín dụng này mà cần chỉ ra trong nền kinh tế có những loại dịch vụ tín dụng cơ bản nào? Những dịch vụ tín dụng này có đặc điểm gì?

c. Nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng

- Mức độ cần làm rõ: thông qua ví dụ cụ thể từ việc mua tín dụng thông qua các dịch vụ tín dụng được nghiên cứu ở nội dung b nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức, dạy trong 5 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập:

- Về tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống (2 tiết).
- Về các dịch vụ tín dụng (3 tiết) .

Với chuỗi các hoạt động dạy học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

Mục tiêu

- Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính, ý nghĩa của bài học
- Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HV về tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HV về chủ đề bài học mới.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Hãy chia sẻ lợi ích của việc gửi và vay tiền ở ngân hàng để khai thác trải nghiệm của HV về hoạt động tín dụng trong đời sống.
- GV mời 1- 2 HV lên trình bày
- GV nhận xét và đặt vấn đề và dẫn dắt HV vào bài mới:

Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng mang lại cho người gửi một khoản tiền lãi tăng thêm thu nhập, tích lũy nguồn lực tài chính đồng thời cung cấp vốn cho người đang cần tiền trong xã hội để SX, kinh doanh, đầu tư hoặc tiêu dùng...Vay được tiền ở ngân hàng, người vay sẽ yên tâm vì ngân hàng là một tổ chức tín dụng có uy tín. Mối quan hệ vay mượn ấy chính là tín dụng. Bài học này giúp em hiểu rõ hơn đặc điểm và vai trò của tín dụng trong đời sống, nhận biết được vai trò của tín dụng đối với đời sống của bản thân, gia đình, xã hội để tham gia và sử dụng các dịch vụ tín dụng một cách hiệu quả và trách nhiệm.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**** Mục tiêu**:* HV nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng; Kể được tên một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng; Nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.

**** Tổ chức hoạt động***

a. ***Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của tín dụng***

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện, tình huống về một hoạt động tín dụng và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy nêu nội dung quan hệ vay mượn trong hoạt động tín dụng thể hiện ở câu chuyện/ tình huống? Căn cứ vào những điều gì để người cho vay quyết định cho vay?

2. Trong hợp đồng vay tiền, người vay cam kết phải hoàn trả lại người cho vay với nội dung thế nào? Việc hoàn trả này có bắt buộc không? Vì sao?

- HV làm việc theo nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ học tập, đưa ra câu trả lời cho từng câu hỏi.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm trả lời từng câu hỏi, mời nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra câu trả lời chính xác cho câu hỏi sau đó chốt kiến thức:

Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi.

Tín dụng có đặc điểm cơ bản là: Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn; Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định; Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.

b. Tìm hiểu vai trò của tín dụng

- GV giao nhiệm vụ cho HV: đọc các thông tin và trả lời câu hỏi: Các thông tin cho thấy tín dụng có vai trò thế nào trong đời sống kinh tế xã hội?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm (nếu có nhiều thông tin thể hiện các vai trò của tín dụng thì GV có thể phân công mỗi nhóm đọc 1 thông tin và trả lời câu hỏi khai thác thông tin đó), chuẩn bị câu trả lời ra bảng nhóm hoặc giấy Ao để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện các nhóm đã được phân công lên trả lời câu hỏi, mời nhóm khác nhận xét câu trả lời, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của các nhóm, đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi và kết luận về vai trò của tín dụng:

Tín dụng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: *góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông quan việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần vốn đồng thời đòi hỏi người vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả; là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước; thúc đẩy SX, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.*

c. Tìm hiểu một số dịch vụ tín dụng và đặc điểm của chúng

GV dẫn: Có nhiều loại dịch vụ tín dụng khác nhau được cung cấp bởi các tổ chức tín dụng được qui định trong Luật về các tổ chức tín dụng như: tín dụng ngân hàng, công

ty tài chính, tín dụng nhà nước... đáp ứng nhu cầu lưu thông về vốn trong xã hội. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu các loại hình dịch vụ tín dụng đó.

**** Tín dụng ngân hàng***

Tìm hiểu đặc điểm của tín dụng ngân hàng

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp về hoạt động tín dụng của một ngân hàng và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng trong thông tin/trường hợp thể hiện như thế nào? Nếu nhiều người vay vốn không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng này?

2. Em hãy nêu những đặc điểm của tín dụng ngân hàng?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp
- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm và đưa ra kết luận:

Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn

Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

*** Tìm hiểu một số hình thức tín dụng ngân hàng**

- GV giao nhiệm vụ cho HV lần lượt đọc thông tin, trường hợp về từng hình thức tín dụng ngân hàng và trả lời các câu hỏi tương ứng
- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập và sự phân công của GV (có thể phân công cặp 2 nhóm nghiên cứu về 1 hình thức tín dụng ngân hàng), chuẩn bị trình bày câu trả lời
- GV mời đại diện 1 nhóm trình bày câu trả lời của nhóm mình, đại diện nhóm thứ 2 nhận xét, bổ sung.
- Kết thúc mỗi phần trình bày về một hình thức tín dụng ngân hàng, GV đều nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và đưa ra kết luận về các hình thức tín dụng ngân hàng và đặc điểm của hình thức tín dụng này. Cụ thể là:

+ Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm. Đặc điểm của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao. Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

+ Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay. Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài. Khi vay thế chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung

thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lí tài sản thế chấp

+ Cho vay trả góp là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. Đặc điểm của cho vay trả góp là: hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt. So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch. Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thỏa thuận.

*** Tín dụng thương mại**

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp về một hoạt động tín dụng thương mại và trả lời câu hỏi:

1. Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại là ai? Đối tượng giao dịch là gì? Cách xử dụng dịch vụ này như thế nào?

2. Tiện ích dịch vụ tín dụng thương mại mang lại cho người sử dụng là gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị câu trả lời viết ra giấy hoặc phiếu học tập

- GV mời 1-2 HV trả lời các câu hỏi, HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hóa. Đến thời hạn đã thỏa thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ

*** Tín dụng tiêu dùng**

Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc một thông tin (hay trường hợp, câu chuyện...) về một dịch vụ tín dụng tiêu dùng và trả lời câu hỏi:

1.Hoạt động dịch vụ tín dụng tiêu dùng trong trường hợp, câu chuyện thể hiện như thế nào?

2. Theo em, dịch vụ tín dụng tiêu dùng có đặc điểm gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ, chuẩn bị câu trả lời viết ra giấy hoặc phiếu học tập

- GV mời 1-2 HV trả lời câu hỏi, mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét và kết luận:

Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hóa/dịch vụ).

Đặc điểm: mục đích vay để tiêu dùng, nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính...lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc theo nhóm (có thể chia 2-3 nhóm thảo luận về 1 dịch vụ tín dụng tiêu dùng) đọc thông tin, trường hợp về một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng như cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và trả lời câu hỏi như:

1. Nhân vật trong thông tin/câu chuyện đã sử dụng dịch vụ tín dụng tiêu dùng như thế nào? Hãy nêu đặc điểm của dịch vụ tín dụng này.

2. Hãy so sánh sự chênh lệch giữa việc thanh toán một lần khi mua với việc mua trả góp qua sử dụng dịch vụ tín dụng tiêu dùng

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, chuẩn bị câu trả lời ra giấy
- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

+ Dịch vụ cho vay trả góp là việc tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. Đặc điểm của cho vay trả góp là: hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay thấp, lãi suất cao, cùng các qui định về thời gian trả hàng tháng và mức phạt cao nếu không đúng hạn nên người vay cần cân nhắc, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.. So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

+ Thẻ tín dụng ngân hàng (Credit Card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ và qui định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn lại tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi. Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân và xã hội. Với cá nhân: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hóa đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn. Với xã hội: việc nhiều

cá nhân thực hiện thanh toán qua thẻ sẽ tiết kiệm được lượng tiền mặt cần phát hành trong lưu thông, tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử, thanh toán hóa đơn điện tử... Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

*** Tín dụng nhà nước**

Tìm hiểu đặc điểm tín dụng nhà nước

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV: đọc thông tin (hay xem video...) về một hoạt động của tín dụng nhà nước và trả lời câu hỏi: được thê rhieejn trong thông tin trên.

Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị trình bày câu trả lời

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời câu hỏi, mời đại diện nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung câu trả lời

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV sau đó kết luận:

*+ **Tín dụng nhà nước** là các hoạt động vay trả giữa nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng qui mô đầu tư của nhà nước để xây dựng Tổ quốc và nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững.*

- Đặc điểm: cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của nhà nước; lãi suất vay của nhà nước hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

Một số hình thức tín dụng nhà nước

- GV giao nhiệm vụ cho HV *đọc thông tin (hay xem video...) về một số hình thức tín dụng nhà nước như: phát hành trái phiếu chính phủ, tín dụng cho vay từ ngân hàng Chính sách xã hội... và trả lời câu hỏi*

1. Trong dịch vụ tín dụng của nhà nước ở thông tin trên, chủ thể vay và chủ thể cho vay là ai? Mục đích vay là gì?

2. Đặc điểm của dịch vụ tín dụng nhà nước này là gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời vào giấy hoặc phiếu học tập

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời câu hỏi, mời đại diện nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung câu trả lời, sau đó kết luận:

+ Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ. Thời hạn mua trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm. Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố

tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

+ Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng *nhà nước được thành lập để cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng Chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán. Ngân hàng Chính sách xã hội có hai phương thức cho vay: cho vay trực tiếp và cho vay ủy thác trong đó ủy thác là chủ yếu. Ngân hàng thực hiện ủy thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho các Hội, Đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đối tượng cho vay phải là đối tượng được qui định trong các chương trình ưu đãi của nhà nước giao cho ngân hàng này thực hiện. Ngân hàng có mạng lưới rộng khắp ở các địa phương để cung cấp dịch* vụ tín dụng nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi cho người dân

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- Củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá
- Rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến tín dụng
- Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động tín dụng, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia các dịch vụ tín dụng, tham gia các dịch vụ tín dụng có trách nhiệm

**** Tổ chức thực hiện***

GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, PP dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập thực hiện được các mục tiêu đặt ra.

Để HV củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá: GV tổ chức cho HV thực hiện dạng bài tập:

1. Em dồng tình hay không đồng tình với các ý kiến dưới đây? Vì sao?

a/ Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định

b/ Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc còn lãi thì trả thế nào cũng được.

- GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện bài tập này vào phiếu học tập theo gợi ý dưới đây:

Nội dung ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người		X	Đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất

vay trong một thời gian nhất định			định chứ không giao quyền sở hữu.
b.			

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập dưới hình thức làm việc nhóm /cá nhân, hoàn thiện câu trả lời trong phiếu học tập

- GV mời HV trình bày câu trả lời trong phiếu học tập, các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập và tổng hợp lại nội dung cần đạt được trong phiếu học tập như sau:

a/ Tín dụng là hoạt động người cho vay giao quyền sở hữu nguồn vốn cho người vay trong một thời gian nhất định

Ý kiến này không đúng vì đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định chứ không giao quyền sở hữu.

b. Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc còn lãi thì trả thế nào cũng được.

Ý kiến này không đúng vì đặc điểm của tín dụng là người vay phải trả đủ cả tiền vay gốc lẫn lãi như đã thỏa thuận lúc cho vay

2. Phân biệt các dịch vụ tín dụng

Em hãy chỉ ra điểm khác nhau giữa hình thức vay tín chấp và vay thế chấp, giữa tín dụng thương mại và tín dụng ngân hàng?

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV hãy kẻ bảng và thực hiện việc so sánh đưa ra những điểm khác nhau giữa hình thức vay tín chấp và vay thế chấp, giữa tín dụng thương mại và tín dụng ngân hàng

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi ra những điểm khác nhau giữa hai hình thức tín dụng

- GV kẻ sẵn 2 phần bảng mời 1-2 HV lên phân biệt điểm khác nhau giữa vay tín chấp và thế chấp, giữa tín dụng thương mại và tín dụng ngân hàng. Sau đó mời các HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HV và kết luận:

Điểm khác biệt giữa vay tín chấp và vay thế chấp là:Vay tín chấp dựa trên uy tín của người vay không cần có tài sản bảo đảm; chỉ được vay số tiền ít, lãi suất cao hơn so với vay thế chấp còn vay thế chấp cần có tài sản bảo đảm; phải làm nhiều thủ tục; được vay số tiền lớn, lãi suất thấp hơn so với vay tín chấp.

Điểm khác biệt giữa tín dụng ngân hàng và tín dụng thương mại là: tín dụng ngân hàng là quan hệ vay mượn với đối tượng bằng tiền giữa ngân hàng và các chủ thể cần vay

tiền vốn tín dụng thương mại chỉ là quan hệ giữa các doanh nghiệp với nhau và đối tượng vay mượn là hàng hóa.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động tín dụng, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia các dịch vụ tín dụng, GV có thể sử dụng các dạng bài tập dưới đây:

1. Bài tập nhận xét hành vi việc sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống

Ví dụ: Em hãy nhận xét việc làm của nhân vật trong trường hợp dưới đây:

Được tư vấn vay vốn ngân hàng để phát triển chăn nuôi nhưng bác M đắn đo vì ngại phải lo nhiều thủ tục cùng nỗi lo việc chăn nuôi không thuận lợi sẽ không có đủ tiền để trả nợ.

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp và nêu nhận xét việc làm của bác M
- HV làm việc cá nhân có thể viết nhận xét vào phiếu học tập hoặc chuẩn bị trình bày nhận xét của mình trước lớp
- GV mời 1-2 HV trình bày nhận xét, HV khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HV và đưa ra kết luận:

Bác M thể hiện sự nhận biết về vai trò của tín dụng chưa thật đúng. Tín dụng tạo điều kiện cho người dân vay vốn để SX kinh doanh. Các thủ tục cũng được hướng dẫn cụ thể để người vay thực hiện. Vì thế cần mạnh dạn sử dụng dịch vụ tín dụng của ngân hàng nhưng cũng cần chú ý sử dụng vốn hiệu quả để có thể trả nợ được ngân hàng và tăng thêm thu nhập cho bản thân.

2. Bài tập nhận biết về vai trò của tín dụng trong đời sống

Ví dụ:

Em hãy cho biết những chính sách sau đây trong hoạt động tín dụng đã tác động đến đời sống xã hội như thế nào?

a. Các tổ chức tín dụng đồng loạt tăng lãi suất cho vay

b. Các ngân hàng thương mại đồng loạt giảm lãi xuất tiền gửi

c. Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo để tổ chức kinh doanh.

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV nghiên cứu từng chính sách, tìm câu trả lời
- HV tự nghiên cứu. thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ, viết ra câu trả lời
- GV mời HV/đại diện nhóm trình bày câu trả lời, mời HV/nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HV và kết luận:

Các tổ chức tín dụng đồng loạt tăng lãi suất cho vay: sẽ tác động đến người đi vay, các doanh nghiệp sẽ giảm bớt nhu cầu vay làm cho hoạt động SX kinh doanh bị thu hẹp hơn.

Các ngân hàng thương mại đồng loạt giảm lãi xuất tiền gửi sẽ làm người dân bớt mang tiền đi gửi ngân hàng, số tiền để chi tiêu sẽ nhiều hơn làm cho tổng cầu tăng lên kích thích SX phát triển.

Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo để tổ chức kinh doanh góp phần xóa đói giảm nghèo, giúp cho SX phát triển.

3. Bài tập xử lí tình huống

Ví dụ:

a/ Dành dụm được 100 triệu đồng, chị B có ý định gửi tiết kiệm ở ngân hàng để được hưởng lãi suất 7%/năm. Tình cờ biết bà T trong xóm đang lo thủ tục để vay ngân hàng với lãi suất 10%/năm, chị B đắn đo suy tính:" hay là mình cho bà T vay để được hưởng lãi suất cao hơn, còn bà T thì đỡ phải lo hồ sơ thủ tục để vay tiền của ngân hàng?"

Theo em, chị B nên gửi tiền ở ngân hàng hay cho bà T vay? Vì sao?

b/ Trong xóm có bà Y đang vận động mọi người cho vay tiền sẽ được hưởng lãi suất cao hơn so với gửi ngân hàng để bà lấy vốn kinh doanh. Bác hàng xóm tin tưởng, rủ mẹ bạn H cho bà Y vay tiền.

Nếu là bạn H, em sẽ khuyên mẹ như thế nào?

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc nhóm/cá nhân đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi

- HV làm việc nhóm/cá nhân thực hiện nhiệm vụ học tập, đưa ra được câu trả lời để xử lí tình huống

- GV mời các nhóm thể hiện ý kiến của mình, đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét và đưa ra kết luận:

Tình huống a) Chị B nên gửi tiền ở ngân hàng mà không nên cho bà T vay vì việc cho người quen vay nhiều khi không có ràng buộc về pháp lí nên dễ gặp rủi ro khi bên vay không trả được nợ.

Tình huống b) H sẽ nói với mẹ rằng không nên vì cho bà Y vay rủi ro rất cao, lỡ bà Y làm ăn thua lỗ hoặc vì mục đích khác không trả tiền vay thì có thể bị mất tiền.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động tín dụng một cách chủ động, sáng tạo

- Tham gia các dịch vụ tín dụng có trách nhiệm

**** Tổ chức hoạt động***

- GV có thể giao cho HV thực hiện một trong số các nhiệm vụ sau:

1.Em hãy tìm hiểu và viết bài về sự hỗ trợ của tín dụng đối với hoạt động SX kinh doanh hay tiêu dùng trong cuộc sống xã hội và chia sẻ với các bạn.

2. Em hãy viết một đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định: " Tín dụng là quan hệ vay mượn dựa trên chữ tín"

3. Em hãy tìm hiểu, viết bài giới thiệu ý nghĩa của một loại công trái hoặc trái phiếu Chính phủ khác đối với đời sống xã hội.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân tạo ra sản phẩm theo đúng hướng dẫn qui định của GV

- GV chọn 1-3 sản phẩm có chất lượng tốt của HV để trình bày trước lớp vào đầu tiết học của tuần kế tiếp

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HV, đánh giá kết quả.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	**Mục tiêu**	**Kiểm tra đánh giá**	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, vai trò của tín dụng	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH : Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của tín dụng.	Quan sát	Ghi chép thông tin về tín dụng
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì I)
Tìm hiểu một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH: - Nêu được một số dịch vụ tín dụng và mô tả được đặc điểm của chúng - Nêu được cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì I)
Tìm hiểu sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH: Nêu được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì I)
Luyện tập	Hình thành NL điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh được ý	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.

	thức, hành vi của bản thân khi tham gia sử dụng một số dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì I)
Vận dụng	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT – XH: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề khi tham gia các dịch vụ tín dụng.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì I)

CHỦ ĐỀ 6. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân,
- Các loại kế hoạch tài chính cá nhân
- Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Năng lực

Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế- xã hội: Nêu được khái niệm và các loại kế hoạch tài chính cá nhân, các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

Điều chỉnh hành vi: Nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân; Kiểm soát được tài chính cá nhân.

- *Phát triển bản thân:* Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân .

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt khi lập kế hoạch và kiểm soát tài chính của cá nhân.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác và nghiêm túc khi lập kế hoạch và kiểm soát tài chính cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, ti vi (nếu có điều kiện), giấy A4, giấy A0; bút viết bảng.
- SGK, Sách giáo viên, Sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10;
- Hình ảnh, trường hợp điển hình liên quan đến lập kế hoạch tài chính cá nhân .
- Phiếu bài tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Chỉ nêu khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, không đi sâu phân tích khái niệm.

- Chỉ căn cứ vào thời gian thực hiện để kể tên các loại kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Không dựa vào các căn cứ khác.

- Chỉ nêu tầm quan trọng của lập kế hoạch tài chính cá nhân, không giải thích.

b. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

- Chỉ nêu những bước cơ bản và những lưu ý ở từng bước.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề gồm 2 đơn vị kiến thức, dạy trong 4 tiết, GV căn cứ vào các yêu cầu cần đạt Chương trình đã quy định để thiết kế và tổ chức các hoạt dạy học nhằm đạt được mục tiêu về NL, phẩm chất đã xác định ở trên. Có thể tiến hành các hoạt động dạy học cơ bản theo gợi ý sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về kế hoạch tài chính cá nhân

- HV có hứng thú tìm hiểu cách thức lập kế hoạch tài chính cá nhân và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV nêu các câu hỏi và yêu cầu HV trao đổi theo cặp đôi hoặc nhóm 4

+ Mục tiêu tài chính của bạn trong năm nay là gì? Bạn đã làm gì để thực hiện ?

+ Có khi nào bạn đặt mục tiêu tài chính nhưng không thể hoàn thành mục tiêu không? Nguyên nhân nào khiến bạn không hoàn thành?

- HV thực hiện nhiệm vụ, các cặp đôi chia sẻ trước lớp

- GV dựa những chia sẻ của HV để kết nối vào bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân

**** Mục tiêu:*** HV thu thập và lựa chọn các thông tin phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giới thiệu hình ảnh/thông tin/sơ đồ/trường hợp chứa các nội dung liên quan đế tài chính cá nhân (Ví dụ: thu nhập từ tiền lương, tiền thưởng, tiền lãi kinh doanh...; chi phí sinh hoạt, chi tiêu cho học tập, giải trí...; làm sổ tiết kiệm ở ngân hàng… đầu tư vào SX kinh doanh,…; mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm nhân thọ…), giao nhiệm vụ cho HV như sau:

+ Tự phân tích hình ảnh/thông tin/sơ đồ/trường hợp để trả lời các câu hỏi: Trong thông tin/hình ảnh/trường hợp/sơ đồ… mỗi người thường quản lí thu và chi của mình (quản lí dòng tiền của mình) như thế nào? Việc quản lí đó có phải là tài chính cá nhân không? Việc quản lí đó có được thực hiện theo kế hoạch không?

+ Tự ghi câu trả lời vào giấy A4/vở nháp và rút ra khái niệm tài chính cá nhân, kế hoạch tài chính cá nhân.

- HV thực hiện nhiệm vụ sau đó chia sẻ kết quả trước lớp

- GV dựa vào phần trao đổi, thảo luận của lớp để kết luận:

Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch về thu chi tài chính cá nhân, tiết kiệm, bảo vệ, đầu tư và phát triển tài chính cá nhân

2.2. Tìm hiểu các loại kế hoạch tài chính cá nhân

**** Mục tiêu:*** HV tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân

**** Tổ chức hoạt động***

- GV phát phiếu học tập cho HV, trong phiếu học tập có các trường hợp/tình huống và các câu hỏi liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân (mục tiêu, thời gian thực hiện, cách thức thực hiện…) và yêu cầu HV hoàn thành phiếu.

- HV thảo luận theo nhóm (4 hoặc 6), để hoàn thành phiếu học tập (phân tích các trường hợp/tình huống và trả lời câu hỏi). Đại diện nhóm trình bày phiếu trước lớp.

- GV dựa vào kết quả trả lời phiếu để hướng dẫn học sinh thảo luận dựa trên các câu hỏi: Nếu căn cứ vào thời gian để thực hiện thì sẽ có những loại kế hoạch tài chính cá nhân nào? kế hoạch nào dễ thực hiện nhất? vì sao?

- HV các nhóm trao đổi và cử đại diện trả lời trước lớp.

- GV dựa vào câu trả lời của các nhóm để hướng dẫn HV kết luận:

Căn cứ vào thời gian để thực hiện sẽ có Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn (dưới 3 tháng); Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn (từ 3 – 6 tháng); Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn (từ 6 tháng trở lên).

Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn dễ thực hiện nhất vì kế hoạch này thường hướng vào các mục tiêu trước mắt, số tiền thực hiện nhỏ.

Ba loại kế hoạch tài chính cá nhân có mối quan hệ với nhau, trong đó kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là cơ sở để thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn và dài hạn.

2.3. Tìm hiểu tầm quan trọng của kế hoạch tài chính cá nhân

**** Mục tiêu:*** HV thu thập và lựa chọn các thông tin phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để nêu được tầm quan trọng của lập kế hoạch tài chính cá nhân.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV yêu cầu HV đọc thông tin/trường hợp/tình huống và thảo luận theo nhóm để xác định tầm quan trọng của lập kế hoạch tài chính các nhân.

- HV thảo luận theo nhóm (4 hoặc 6) để phân tích các trường hợp/tình huống và trả lời câu hỏi: Nêu thói quen chi tiêu của các chủ thể trong từng tình huống/trường hợp. Thói quen chi tiêu nào mang lại lợi ích cho chủ thể, thói quen chi tiêu nào không mang lại lợi ích, thậm chí còn gây họa cho chủ thể? Giải thích vì sao?

- HV thực hiện nhiệm vụ và trả lời theo câu hỏi (có thể trả lời trực tiếp hoặc thể hiện qua đóng vai):

- GV dựa vào kết quả trả lời của HV để chốt vấn đề:

Lập kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người có thể cân đối các khoản chi cần thiết cho đời sống, học tập; hiểu rõ tình hình tài chính của bản thân để chủ động điều chỉnh cho phù hợp; đảm bảo chi tiêu đúng kế hoạch, không lãng phí, dự phòng cho các tình huống phát sinh và đạt được mục tiêu tài chính đã đặt ra.

2.4. Tìm hiểu các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân và cách kiểm soát tài chính cá nhân

**** Mục tiêu:*** HV tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để xác định các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân và biết cách kiểm soát kế hoạch tài chính cá nhân

**** Tổ chức hoạt động***

- GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh/sơ đồ có nội dung liên quan đến các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân và vẽ sơ đồ mô tả các bước.

- HV thảo luận theo nhóm và vẽ sơ đồ (trên máy tính hoặc A0) mô tả các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân, sau đó trưng bày kết quả trước lớp.

- GV nhận xét, lưu ý HV: Khi tình hình tài chính cá nhân thay đổi thì cần cập nhật, điều chỉnh để bản kế hoạch thực tế hơn, sớm đạt được mục tiêu so với dự kiến,...

GV dựa vào kết quả thảo luận của HV để và chốt kiến thức:

Một bản kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp có thể có nhiều bước, nhưng về cơ bản bao gồm các bước sau

Bước 1: Xác định mục tiêu cụ thể và dự kiến thời hạn hoàn thành

Bước 2: Xác định tình hình tài chính hiện tại (thu và chi thường xuyên) của cá nhân.

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân (tránh chi tiêu không kế hoạch, cân nhắc sự cần thiết của hàng hoá trước khi mua, lựa chọn tiêu dùng thông minh,...)

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch và quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- Củng cố kiến thức vừa khám phá;

- Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Giải quyết các vấn đề của bản thân khi lập kế hoạch tài chính cá nhân và kiểm soát kế hoạch cá nhân của bản thân.

**** Tổ chức hoạt động***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

Bài 1. Em hãy liệt kê các loại tài chính cá nhân (theo thời gian thực hiện) và cho ví dụ cụ thể:

Loại kế hoạch	Thời gian thực hiện	Ví dụ minh họa
?	?	?
?	?	?

Bài 2. Em hãy xác định lợi ích mà kế hoạch tài chính cá nhân mang lại cho các chủ thể trong những trường hợp sau:

Trường hợp	Chủ thể	Lợi ích
Anh C lập kế hoạch chi tiêu để tiết kiệm tiền mua bảo hiểm cho cá thành viên trong gia đình	?	?
Bạn M lập kế hoạch tiệt kiệm tiền chi tiêu và nhận thêm việc làm để mua xe đạp điện đi học	?	?

Bài 3. Em hãy sắp xếp lại thứ tự các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân trong bảng dưới đây và nêu yêu cầu cụ thể của từng bước

Các bước	Thứ tự đúng	Yêu cầu
1. Thiết lập quy tắc thu chi	?	?
2. Xác định tình hình tài chính hiện tại	?	?
3. Xác định mục tiêu	?	?
4. Xác định thu và chi thường xuyên của cá nhân	?	?
5. Tuân thủ kế hoạch tài chính	?	?
6. Xác định thời gian thực hiện	?	?

Để HV rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch tài chính cá nhân, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

Bài 1. Em hãy cho biết việc làm nào dưới đây thể hiện cách lập kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí? Vì sao.

a) Để thực kế hoạch tài chính đã lập, cần thắt chặt chi tiêu và tiêu dùng.

b) Thường xuyên cập nhật để thay đổi kế hoạch tài chính cá nhân.

c) Đánh giá tình hình tài chính hiện tại trước khi lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Kiểm soát chi tiêu thường xuyên khi thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.

e) Nên ưu tiên cho mục tiêu tài chính trước mắt, các mục tiêu lâu dài để lại rồi tính.

g) Bám sát kế hoạch tài chính cá nhân đã lập và không chi tiêu vượt mức.

Bài 2. Em hãy xác định loại kế hoạch tài chính cá nhân và cách xác định mục tiêu cách thực hiện kết hoạch đã lập của chủ thể trong trường hợp sau:

Để mua được chiếc máy tính xách tay với giá tiền 15 triệu đồng, cần phải lập kế hoạch tiết kiệm các khoản tiền mừng tuổi, tiền thưởng học sinh giỏi, tiền giúp chị gái bán hàng online, tiền sinh hoạt bố mẹ cho hằng tháng.. thờn gian hoàn thành khoảng 3 năm.

Để HV giải quyết các vấn đề của bản thân khi lập kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện theo kế hoạch đã lập, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

Tình huống 1. Ông K làm quản lí của một khách sạn, với khoản tiền được trả hàng tháng khá cao và ổn định, ông K là trụ cột về tài chính trong gia đình. Do dịch bệnh COVID-19, khách sạn nơi ông làm việc kinh doanh thua lỗ nên đã cho gần hết nhân viên nghỉ việc trong đó có ông K. Thấy nguồn thu nhập trong gia đình xuất hiện nguy cơ, mọi người trong gia đình ông rất lo lắng. Tuy nhiên ông K luôn biết tính toán, cân nhắc chi tiêu nên đã có một khoản tài chính dự phòng cho các biến cố nên cuộc sống của gia đình ông K vẫn khá ổn định.

a) Hãy xác định những nguy cơ mà gia đình ông K phải đối mặt khi ông nghỉ việc?

b) Vì sao cuộc sồng của gia đình ông K vẫn ổn định trước những nguy cơ đó?

Tình huống 2. Bạn G lên kế hoạch tài chính cá nhân để trong 3 tháng có thể mua một món quà sinh nhật tặng bố. Tuần đầu, G làm theo đúng kế hoạch, nhưng tuần thứ hai thì G không thể thực hiện như trước. G không hoàn thành mục tiêu do thói quen chi tiêu không kiểm soát, không tuân thủ kế hoạch đã định.G suy nghĩ không biết có thể mua được món quà sinh nhật tặng bố hay không.

a) Em nhận xét như thế nào về việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của G?

b) Nếu là bạn của G, em có thể chia sẻ cho G những quy tắc chi tiêu nào để giúp bạn có thể hoàn thành kế hoạch tài chính cá nhân đã lập.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

HV có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt khi lập kế hoạch và kiếm soát tài chính của cá nhân.

HV tích cực, tự giác, nghiêm túc lập kế hoạch và kiểm soát tài chính của cá nhân.

**** Tổ chức hoạt động***

GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện các nhiệm vụ ở nhà theo nhóm hoặc cá nhân. Có thể kiểm tra việc thực hiện thông qua các sản phẩm cụ thể .

Ví dụ: Em hãy tìm hiểu tình hình tài chính trong gia đình mình và dựa vào đó để lập một bản kế hoạch chi tiêu hàng tháng cho gia đình.

a) Ghi tóm tắt lại tình hình tài chính của gia đình (các nguồn thu, các khoản chi..)

b) Lập bản kế hoạch chi tiêu (theo các bước cụ thể).

c) Nêu những việc em sẽ làm để góp phần thực hiện bản kế hoạch chi tiêu đó.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu về khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân	Hình thành các NL Tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT-XH: - Trình bày được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân	Vấn đáp	Câu hỏi nêu vấn đề. Câu gợi gợi mở
Tìm hiểu về các loại kế hoạch tài chính cá nhân	Hình thành các NL Tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT-XH: - Trình bày được các loại kế hoạch tài chính cá nhân	Quan sát	Thang đo kĩ năng làm việc nhóm
Tìm hiểu tầm quan trọng của kế hoạch tài chính cá nhân	Hình thành các NL điều chỉnh hành: - Nêu được tầm quan trọng kế hoạch tài chính cá nhân	Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì 1)
Tìm hiểu về các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân và cách kiểm soát tài chính các nhân	Hình thành các NL: Phát triển bản thân; Điều chỉnh hành vi - Nêu được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân - Kiểm soát tài chính các nhân	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì 1)
Luyện tập	Hình thành các NL: Phát triển bản thân, Điều chỉnh hành vi - Thực hành các bước lập kế hoạch tài chính của cá nhân - Thực hành các cách kiểm soát tài chính cá nhân	Quan sát	Sổ ghi chép sự kiện thường nhật
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì 1)
Vận dụng	Hình thành các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt khi lập kế hoạch và kiểm soát tài chính của cá nhân. - Tích cực, tự giác và nghiêm túc khi lập kế hoạch và kiểm soát tài chính cá nhân.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì 1)

CHỦ ĐỀ 7. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 10 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

- Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:*

Nhận biết được trách nhiệm của bản thân khi tham gia xây dựng hệ thống chính trị.

Phân tích, đánh giá được thái độ và hành vi của bản thân, người khác trong tham gia xây dựng hệ thống chính trị.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:*

Thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến hệ thống chính trị.

Tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam.

3. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Tự giác thực hiện và vận động người khác tham gia bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm:* Chủ động tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách học sinh môn Giáo dục KT và PL 10
- Giấy A4, phiếu học tập
- Tranh/ảnh, clip về hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

- Không yêu cầu đi sâu vào lịch sử hình thành hệ thống chính trị, khái niệm hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, quy định cụ thể của Hiến pháp về hệ thống chính trị.

- Mức độ cần làm rõ là nêu được các nội dung cơ bản về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

b. Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

- Không yêu cầu đi sâu vào lịch sử ra đời, khái niệm bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và các quy định của Hiến pháp về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ là nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm 2 đơn vị kiến thức lớn, dạy trong 10 tiết, GV nên chủ động chia thành 5 nội dung nhỏ để thuận lợi cho HV theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ học tập:

Nội dung 1: Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2 tiết).

Nội dung 2: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2 tiết).

Nội dung 3: Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ (2 tiết).

Nội dung 4: Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân (2 tiết).

Nội dung 5: Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND (2 tiết).

Việc triển khai các hoạt động dạy học có thể được thiết kế theo từng nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1: ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV có hứng thú tìm hiểu về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV:

+ Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây để xác định tên của các cơ quan, tổ chức và chia sẻ hiểu biết của em về các cơ quan, tổ chức đó.

+ Em hãy kể tên một số tổ chức đoàn thể mà em đã và đang tham gia. Theo em, các tổ chức đó thuộc cơ quan nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu cấu trúc của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được cấu trúc của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát sơ đồ/đọc thông tin/xem video và trả lời câu hỏi: *Hệ thống chính trị Việt Nam gồm những cơ quan nào? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vị trí của các cơ quan đó trong hệ thống chính trị Việt Nam.*

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân và sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời đại diện của một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành và được liên kết chặt chẽ với nhàu thành một chỉnh thể thống nhất nhằm thực thi quyền làm chủ của nhân dân đối với đất nước. Trong đó:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

- Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lí toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là các cơ quan, tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đảng củ các đoàn viên, hội viên.

2.2. Tìm hiểu đặc điểm hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV xem video/đọc thông tin để trả lời câu hỏi sau:

1. Nội dung trong video thể hiện tính nhất nguyên chính trị của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam như thế nào?

2. Xác định nội dung tính thống nhất của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong thông tin 1.

3. Xác định nội dung tính thống nhất của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong thông tin 2.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm
- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

- Hệ thống chính trị Việt Nam chỉ tồn tại một đảng chính trị duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị.

- Hệ thống chính trị Việt Nam là một hệ thống mang tính thống nhất được thể hiện trên nhiều phương diện như tính thống nhất về tổ chức lãnh đạo, thống nhất về mục tiêu chính trị, thống nhất về nguyên tắc tổ chức và hoạt động, ...

- Hệ thống chính trị Việt Nam thể hiện tính nhân dân sâu sắc. Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ cho lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

2.3. Tìm hiểu nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

*** *Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV đọc một thông để trả lời câu hỏi: Nội dung thông tin đó đề cập đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động nào của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm.

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam hoạt động dựa trên các nguyên tắc như: nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc pháp chế XHCN.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của hệ thống chính trị, đồng thời cũng là tổ chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn bộ xã hội. Đảng lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối trên các lĩnh vực. Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức và hoạt động.

Tất cả quyền lực nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đều thuộc về nhân dân. Nhân dân bầu ra cơ quan quyền lực nhà nước như Quốc hội, HĐND các cấp. Các đại biểu dân cử thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, và nếu không còn được sự tín nhiệm của nhân dân thì đại biểu dân cử có thể bị bãi nhiệm. Những vấn đề quan trọng nhất của đất nước trước khi quyết định phải lấy ý kiến của nhân dân hoặc phải do nhân dân trực tiếp quyết định thông qua việc trưng cầu ý kiến của nhân dân.

Tập trung dân chủ là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. Những vấn đề quan trọng nhất của đất nước được quyết định bởi tập thể theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên.

Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam có địa vị pháp lí vững chắc và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác tham gia thực hiện xây dựng, bảo vệ hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

A. Toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của một đảng duy nhất cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là một tổ chức trong hệ thống chính trị có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng riêng.

C. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Nhà nước là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân.

D. Tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam đều hướng tới bảo đảm và tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

E. Công dân Việt Nam thể hiện tâm tư, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong Hệ thống chính trị.

2. Em hãy vẽ sơ đồ hệ thống chính trị nước ta theo những tổ chức được gợi ý sau đây:

Đảng Cộng sản Việt Nam	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	Hội Cựu chiến binh Việt Nam
Hội Liên hiệp phụ nữ	Chính phủ
Công đoàn Việt Nam	Quốc hội
Hội Nông dân Việt Nam	Toàn án nhân dân
Mặt trận Tổ quốc	Hội Sinh viên Việt Nam

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến việc tham gia bảo vệ hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các dạng bài tập*:*

1. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong các tình huống sau?

A. Ông K – chủ tịch xã A đã kí quyết định cho phép một công ty xây dựng khai thác đất, đá ở địa phương mà không thông qua ý kiến tập thể.

B. Là cán bộ lãnh đạo xã B, ông D luôn quan tâm xem xét, giải quyết những bứ thư góp ý, phản ánh của người dân trong xã.

C. Giáo viên H thường xuyên nhắc nhở học sinh không nên chia sẻ những bài viết có nội dung tiêu cự liên quan đến chính trị khi sử dụng mạng xã hội.

D. Bà X thường lợi dụng chức vụ để bao che cho hành vi sai phạm của một số đối tượng xấu.

2. *Em hãy xử lí các tình huống sau:*

a) Anh C có thói quen lên mạng xã hội xem các bài viết có nội dung nói xấu, xuyên tạc về tổ chức Đảng, Nhà nước và cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước sau đó kể lại cho những người xung quanh.

Em nhận xét như thế nào về hành vi của anh C?

Nếu là người thân của anh C, em sẽ làm gì để anh C từ bỏ hành vi đó?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia xây dựng, bảo vệ hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Em hãy xử lí tình huống sau:

Đoàn trường tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Đảng Cộng sản Việt Nam. Lớp trưởng đã phổ biến nội dung cuộc thi cho cả lớp và vận động các bạn đăng ký tham gia. Lớp trưởng vừa nói xong thì Đ nói: "Theo tớ, bạn nào có ý định phấn đấu kết nạp vào tổ chức Đảng để tương lai làm cán bộ thì nên đăng kí tham gia cuộc thi này. Còn những ai xác định sẽ làm "thường dân" như tớ thì miễn thôi".

Nếu là lớp trưởng, em sẽ làm gì?

2. Em hãy kể một số việc mà bản thân hoặc gia đình em tham gia xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

HV tự giác vận dụng những điều đã học về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam vào cuộc sống.

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia xây dựng, bảo vệ hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn 1 nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam:

1. Viết bài tuyên truyền về vị trí, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị.

2. Viết bài tuyên truyền về vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong tham gia xây dựng và phát triển hệ thống chính trị.

– HV làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp.

Nội dung 2: ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV có hứng thú tìm hiểu về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn xem video và trả lời câu hỏi:

? Qua nội dung của video em hãy chia sẻ các thông tin về bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

** **Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành 5 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV đọc một thông tin để trả lời câu hỏi sau:

? Nội dung trong thông tin thể hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động nào của bộ máy nhà nước? Hãy xác định biểu hiện của nguyên tắc tổ chức và hoạt động đó.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau: nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ

quan; Nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân; nguyên tắc tập trung dân chủ; nguyên tắc pháp chế XHCN. Cụ thể:

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng là một nguyên tắc hiến định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện qua các phương diện như: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng lớn cho Nhà nước; Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các hoạt động của Nhà nước; ...

- Tính thống nhất của quyền lực nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là nhân dân. Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyề lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện một cách độc lập nhưng có sự phối hợp, kiểm soát, giám sát lẫn nhau để thực hiện quyền lực nhà nước, đảm bảo mục tiêu chung phục vụ nhân dân và phục vụ dân tộc.

- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam. Nguyên tắc này thiết lập nền tảng để hình thành bộ máy nhà nước và khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập ra Nhà nước, trao quyền cho Nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước.

- Bộ máy nhà nước Việt Nam được tổ hức, hoạt động trong sự phối hợp giữa các yếu tố dân chủ và tập trung thông qua các hình thức và chế độ như bầu cử, bổ nhiệm kết hợp với phê chuẩn một số chức danh trong bộ máy; mô hình tổ chức hội đồng, ủy ban để kết hợp chế độ lãnh đạo tập thể cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số, ...

- Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lí xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lí.

2.2. Tìm hiểu đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV quan sát sơ đồ/ đọc thông tin trả lời câu hỏi sau:

1. Nội dung trong sơ đồ thể hiện điều gì tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

2. Nội dung trong thông tin đã thể hiện đặc điểm nào của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có đặc điểm là: tính thống nhất, tính nhân dân, tính quyền lực và tính pháp quyền XHCN.

Tính thống nhất của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thể hiện hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được sắp xếp, tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương và đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đều hoạt động vì lợi ích của nhân dân và lợi ích của dân tộc.

Tính nhân dân của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thể hiện bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam do nhân dân thành lập nên, được nhân dân ủy quyền để thực hiện việc quản lí nhà nước và xã hội. Mọi hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước đều nhằm mcuj đích phục vụ cho lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Tính quyền lực của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thể hiện ở việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt. Đồng thời, thể hiện qua việc các cơ quan, cá nhân ở cấp dưới bắt buộc phải phục tùng, phải thực hiện các nhiệm vụ, quyết định của cấp trên.

Tính pháp quyền XHCN của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thể hiện nhà nước thực hiện việc quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* ***Mục tiêu:*** HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến đặc điểm, vai trò của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tham gia xây dựng, bảo vệ bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện:***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Theo em, các ý kiến sau đây là đúng hay sai? Vì sao?

A. Tất cả các cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền ứng cử tham gia vào bộ máy nhà nước.

B. Khi không đồng tình với quyết định, việc làm trái pháp luật của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, người dân có quyền gửi đơn khiếu nại, tố cáo.

C. Cơ quan nhà nước cấp dưới phải thực hiện tất cả các chủ tưởng, quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

D. Người đứng đầu, lãnh đạo các cơ quan trong bộ máy nhà nước có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của cơ quan đó.

2. Theo em, nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

A. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước hoạt động tách rời theo các chức năng đã được quy định.

B. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

C. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước được nhân dân trao quyền và hoạt động dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

D. Các cơ quan nhà nước hoạt động vì mục tiêu riêng gắn với lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến tham gia xây dựng và bảo vệ bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các dạng bài tập:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào sau đây?

A. H kiên quyết từ chối tham gia vào một tổ chức có mục tiêu chống phá các hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

B. M đã thể hiện ý kiến đồng tính với những bài viết tuyên truyền về đặc điểm, chức năng của về bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

C. Anh Q là cán bộ của một cơ quan nhà nước đã không tố cáo hành vi sai phạm của lãnh đạo.

D. Chị K là cán bộ xã đã đến trường học để lấy ý kiến đóng góp về việc xây dựng khu vui chơi cho trẻ em trên đại bàn.

2. Em hãy xử lí tình huống sau:

Khi tới UBND xã để làm thủ tục xác nhận một số giấy tờ cần thiết, T thấy một bác cao tuổi đang muốn được giải đáp một số thủ tục hành chính mà bác chưa ró nhưng các cán bộ tiếp dân đều tỏ ra đang bận việc, không nhiệt tình trả lời.

Nếu là T, em sẽ làm gì?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các hoạt động liên quan đến xây dựng và bảo vệ bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Em hãy nhận xét thái độ, hành vi của bản thân và mọi người trong gia đình khi tham gia xây dựng bộ máy nhà nước.

2. Khi được bạn chia sẻ một bài viết có nội dung tiêu cực về bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, em sẽ làm gì?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu:***

HV tự giác vận dụng những điều đã học về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện:***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo cá nhân với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn 1 nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về trách nhiệm của công dân trong tham gia xây dựng, bảo vệ bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam:

1. Làm một video chia sẻ về những việc công dân nên làm và không nên làm trong tham gia xây dựng, bảo vệ bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

2. Viết một bài về vai trò của mỗi người dân trong tham gia xây dựng, bảo vệ bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

– HV làm cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp.

Nội dung 3: CHỨC NĂNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu**:*

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

- HV có hứng thú tìm hiểu về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động:***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn xem video và chia sẻ nội dung của video đã đề cập đến những cơ quan nào trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam? Em biết gì về các cơ quan đó?

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

** **Mục tiêu:***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động:***

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc nhóm đọc thông tin/quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1. Nội dung của thông tin 1 đã đề cập đến các chức năng nào của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

2. Từ nội dung của sơ đồ, em hãy chỉ ra Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có cơ cấu tổ chức như thế nào?

3. Nội dung của thông tin 2 đã chỉ ra Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam hoạt động như thế nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Cơ cấu tổ chức của Quốc hội bao gồm Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoànđại biểu Quốc hội và các cơ quan giúp việc của Quốc hội. Mỗi cơ quan có cơ cấu tổ chức riêng và hoạt động để thực hiện những nhiệm vụ theo luật định.

Quốc hội tổ chức các kì họp công khai, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội quyết định kì họp kín.

Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai lần. Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tường Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường.

2.2. Tìm hiểu Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hình thức hoạt động của Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV cho HV làm việc nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV đọc thông tin/xem video để trả lời câu hỏi sau:

1. Các nội dung trong thông tin đã thể hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn nào của Chủ tịch nước?

2. Những hoạt động nào của Chủ tịch nước được thể hiện trong video? Em hãy chia sẻ thêm những hoạt động của Chủ tịch nước mà em biết.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà XHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân.

Chủ tịch nước công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định tặng thưởng huân huy chương, các giải thưởng nhà nước; quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân, ...

Chủ tịch nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình thông qua các hoạt động cá nhân trực tiếp hoặc thông qua việc ban hành lệnh, quyết định. Đồng thời, Chủ tịch nước cũng có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ thay thế mình.

2.3. Tìm hiểu Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV cho HV làm việc nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV đọc thông tin/quan sát sơ đồ để trả lời câu hỏi sau:

1. Từ thông tin, em hãy lí giải vì sao Chính phủ phải báo cáo hoạt động với Quốc hội? Theo em, ngoài ra Chính phủ còn có chức năng nào?

2. Hoạt động của Chính phủ được thể hiện như thế nào trong thông tin?

3. Dựa vào sơ đồ, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Chính phủ.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Chính phủ thống nhất quản lí, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao.

Hoạt động của Chính phủ thể hiện ở ba hình thức: thông qua phiên họp của Chính phủ, thông qua hoạt động của Thủ tướng Chính phủ và thông qua hoạt động của các thành viên Chính phủ. Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu:***

HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến chức năng, cơ cấ tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tham gia xây dựng, bảo vệ Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện:***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em hãy cho biết ý kiến sau đây là đúng hay sai? Vì sao?

A. Mọi công dân đều có quyền biểu quyết khi Quốc hội trung cầu ý dân.

B. Nhân dân là người gián tiếp bầu ra Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.

C. Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

D. Chủ tịch nước là nhười đứng đầu Quốc hội, thay mặt Quốc hội công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

2. Em hãy thảo luận cùng bạn và cho biết ý kiến về các nội dung sau:

A. Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan lãnh đạo của Quốc hội.

B. Chính phủ thực hiện chức năng quản lí nhà nước về các ngành, lĩnh vực được giao trong phạm vi cả nước.

C. Chức năng lập pháp của Quốc hội là hoạt động ban hành luật và tổ chức thi hành pháp luật.

D. Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến tham gia xây dựng Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các dạng bài tập*:*

1. Em hãy đọc trường hợp và nhận xét ý kiến của nhân vật.

Trong giờ học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật của lớp 10B, M và N đã trao đổi với nhau về chức năng của Quốc hội. M cho rằng Quốc hội được thành lập chủ yếu nhằm thực hiện chức năng ban hành Hiến pháp và luật. Tuy nhiên, N không đồng ý vì theo N, Quốc hội còn có nhiều chức năng khác.

2. Em hãy tìm hiểu và cho biết Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ của nước ta hiện nay là ai.

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các hoạt động liên quan đến Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Trong cuộc sống hàng ngày, em đã làm gì để thể hiện trách nhiệm của bản thân trong tham gia xây dựng, bảo vệ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

2. Nếu trong gia đình (khu dân cư; trường; lớp..) của em có những người thường xuyên chê bai về hoạt động của Quốc hội, Chính phủ em sẽ làm gì?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

HV tự giác vận dụng những điều đã học về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn 1 nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

1. Thiết kế một tập san về các Chủ tịch nước và Thủ tướng chính phủ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam qua các nhiệm kỳ.

2. Hãy viết một bài luận về vai trò của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

3. Hãy viết một bài tuyên truyền về vai trò của mỗi công dân trong bầu cử Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

– HV làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn các sản phẩm trước lớp.

Nội dung 4: CHỨC NĂNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

- HV có hứng thú tìm hiểu về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn quan sát các hình ảnh và cho biết mỗi chủ thể trong từng hình ảnh đang thực hiện nhiệm vụ gì? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các nhiệm vụ đó.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu về Tòa án nhân dân

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/trường hợp/quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1. Các quy định của pháp luật trong thông tin thể hiện chức năng nào của Tòa án nhân dân?

2. Từ sơ đồ hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Toà án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Toà án nhân dân được tổ chức thành Toà án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Tòa án quân sự. Mỗi tòa án có một cơ cấu tổ chức riêng được quy định trong luật và được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử.

Toà án nhân dân xét xử công khai, trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mĩ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của được sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

2.2. Tìm hiểu về Viện Kiểm sát nhân dân

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1. Từ nội dung của thông tin, em hãy chỉ ra những biểu hiện của chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp?

2. Căn cứ vào sơ đồ, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Hệ thống Viện Kiểm sát nhân dân bao gồm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao. Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự. Cơ cấu tổ chức các Viện kiểm sát do luật định, tuy nhiên tất cả các Viện Kiểm sát đều do Viện trưởng lãnh đạo.

Viện Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng các Viện Kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện Kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* ***Mục tiêu:*** HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toàn án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tham gia xây dựng và bảo vệ Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân phù hợp với lứa tuổi.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

A. Người dân có thể nộp đơn bất cứ Tòa án nào để yêu cầu giải quyết những vấn đề của mình.

B. Các quyết định của Tòa án trong bản án luôn đúng và không bao giờ bị hủy.

C. Người dân có thể khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp cao hơn khi không đồng tình với quyết định của Viện kiểm sát cấp dưới.

D. Một số phiên tòa xét xử các vụ án liên quan đến trẻ em sẽ không được xét xử công khai.

2. Em đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

A. Bạn M cho rằng ngoài Toà án nhân dân tối cao thì còn có các Toà án khác.

B. Bạn K cho rằng Tòa án chỉ xét xử các vụ án hình sự nghiêm trọng.

C. Bạn N khẳng định bảo vệ pháp luật là nhiệm vụ của Viện Kiểm sát nhân dân.

D. Bạn G chia sẻ rằng kiểm sát hoạt động tư pháp là nhiệm vụ của Toà án.

***Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, GV có thể sử dụng các dạng bài tập**:*

1. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào sau đây? Vì sao?

A. Cán bộ Viện kiểm sát A kể lại diễn biến quá trình điều tra vụ án mình đang tham gia cho mọi người trong gia đình.

B. Là thư kí Tòa án, chị N luôn tận tình hướng dẫn người dân các thủ tục cần thiết để nộp cho Tòa án khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp.

C. Trường C tổ chức các phiên tòa giả định về những vụ án liên quan đến bạo lực học đường để học sinh theo dòi.

D. Không đồng tình với một số quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa nên ông N đã gửi thư góp ý dù vụ án đó không liên quan gì đến mình.

2. Nghe tin Tòa án nhân dân tỉnh sắp tổ chức phiên tòa lưu động xét xử công khai một vụ án mua bán trái phép chết ma túy ở UBND xã, N rủ B cùng đi xem. Tuy nhiên, B cho rằng việc xem một phiên tòa xét xử không mạng lại lợi ích cho học sinh nên từ chối

Nếu là N, em sẽ làm gì để B thay đổi suy nghĩ.

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các hoạt động liên quan đến Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Em hãy chia sẻ về một phiên tòa xét xử ở địa phương, ý nghĩa của việc tham dự phiên tòa xét xử của Tòa án đó đối với bản thân.

2. Khi em muốn bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân trước bản án của Tòa án nhân dân, em sẽ làm gì?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

HV tự giác vận dụng những điều đã học về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn một nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

1. Em hãy viết bài tuyên truyền về vai trò bảo vệ công lí của Tòa án nhân dân.

2. Em hãy cùng các bạn xây dựng một phiên tòa giả định để giúp mọi người hiểu rõ chức năng của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

– Hv làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp.

Nội dung 5: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu:***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về chức năng, cơ cấu tổ chức, hoạt động của HĐND và UBND.

- HV có hứng thú tìm hiểu về chức năng, cơ cấu tổ chức, hoạt động của HĐND, UBND và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy kể tên các đơn vị hành chính từ tỉnh hoặc thành phố trở xuống ở địa phương em và chia sẻ hiểu biết của em về những đơn vị hành chính đó.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu về Hội đồng nhân dân

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và chức năng của HĐND.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/xem video/quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1. Theo em, HĐND trong thông tin trên đã thực hiện chức năng nào? Em hãy chia sẻ một số chức năng của HĐND mà em biết.

2. Từ nội dung sơ đồ, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của HĐND?

3. Từ thông tin của video, em hãy chia sẻ hoạt động của HĐND.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời một vài cặp đôi trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm được nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND.

HĐND gồm các đại biểu HĐND do cử tri ở địa phương bầu ra. HĐND được tổ chức gồm: Thường trực HĐND và các Ban của HĐND. Thường trực HĐND gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các uỷ viên là Trưởng ban của HĐND (gọi chung là Thường trực HĐND).

HĐND được phân chia thành ba cấp: HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; HĐND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; HĐND xã, phường, thị trấn.

Hoạt động của HĐND được bảo đảm bằng các kì họp HĐND (mỗi năm ít nhất hai kì), hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, các Ban của HĐND và của các đại biểu HĐND.

2.2. Tìm hiểu về Ủy ban nhân dân

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và chức năng của UBND.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1. Từ thông tin, em hãy xác định UBND huyện A đã thực hiện chức năng nào? Em hãy chia sẻ một số chức năng của UBND mà em biết.

2. Từ nội dung sơ đồ, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của UBND?

3. Từ thông tin của video, em hãy chia sẻ hoạt động của HĐND.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời một vài cặp đôi trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

UBND ở cấp chính quyền địa phương do HĐND cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước HĐND và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

UBND tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

UBND được phân chia thành 3 cấp: UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; UBND xã, phường, thị trấn.

UBND gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên phụ trách các cơ quan chuyên môn, Ủy viên phụ trách công an, Ủy viên phụ trách quân sự.

UBND hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách kết hợp với chế độ thủ trưởng. UBND mỗi tháng họp một lần và có thể tổ chức họp chuyên đề khi có công việc phát sinh đột xuất. UBND quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết lấy ý kiến tập thể.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến chức năng, cơ cấu tổ chức và chức năng của HĐND, UBND.

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tham gia xây dựng HĐND, UBND ở địa phương.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

A. Chủ tịch UBND là người có quyền quyết định mọi công việc của địa phương.

B. HĐND ở các địa phương có cơ cấu tổ chức giống nhau.

C. UBND là cơ quan chấp hành của HĐND cùng cấp.

D. HĐND là cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương.

2. Sau một thời gian tìm hiểu, anh K và chị H đã quyết định tiến tới hôn nhân. Khi đến UBND xã để đăng ký kết hôn, anh K và chị H đã được cán bộ xã nhiệt tình hướng dẫn các thủ tục và trình tự thực hiện.

Em hãy nhận xét việc làm của cán bộ xã. Việc làm đó thể hiện chức năng nào của UBND xã.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến hoạt động của HĐND, UBND, GV có thể sử dụng các dạng bài tập*:*

1. Em hãy thảo luận cùng bạn và cho biết ý kiến về các phát biểu sau đây:

A. UBND do cử tri ở địa phương bầu ra.

B. Số lượng đại biểu HĐND ở các cấp bằng nhau.

C. UBND các cấp đều có tổ chức cơ quan chuyên môn

2. Nếu ở nơi em sinh sống, phát hiện thấy kẻ xấu phát tờ rơi tuyên truyền nói xấu Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương, em sẽ xử lí như thế nào để thực hiện trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ nhà nước mà vẫn đảm bảo an toàn cho bản thân?

3. Bạn A chứng kiến người hàng xóm cạnh nhà vì ghen ghét, đố kị mà thường xuyên đặt điều nói xấu cán bộ địa phương.

Theo em, bạn A nên ứng xử như thế nào để thể hiện trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ bộ máy nhà nước.

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các hoạt động của HĐND, UBND, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Em hãy cho biết công dân Việt Nam phải có những điều kiện nào mới có quyền bàu cử và quyền ứng cử đại biểu HĐND.

2. Khi em có ý định đến UBND xã để thực hiện một số thủ tục hành chính cá nhân nhưng mẹ lại không đồng ý với lí do người lớn đi làm hộ sẽ nhanh hơn.

Em sẽ làm gì để mẹ thay đổi suy nghĩ đó?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

HV tự giác vận dụng những điều đã học về chức năng, cơ cấu tổ chức, hoạt động của HĐND, UBND.

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về chức năng, cơ cấu tổ chức, hoạt động của HĐND, UBND.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn một nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về chức năng, cơ cấu tổ chức, hoạt động của HĐND, UBND.

1. Xây dựng một kế hoạch tuyên truyền về hoạt động của UBND ở địa phương em.

2. Hãy viết một bài viết về trách nhiệm của mỗi công dân trong tham gia xây dựng HĐND ở địa phương.

– Hv làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp..

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	Hình thành các NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH: Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.	Quan sát	Ghi chép thông tin
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở

Tìm hiểu đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	Hình thành các NL tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: - Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kỳ II)
Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi khi: - Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta.	Quan sát	Bài tập đánh giá năng lực
		Tự đánh giá	Bảng kiểm tự đánh giá của HV
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II/cuối kì II)
Vận dụng	Hình thành NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện được nghĩa vụ công dân trong tham gia xây dựng hệ thống chính trị và phê phán, đấu tranh với các hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị trong thực tiễn.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí

CHỦ ĐỀ 8. PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 9 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.
- Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.
- Nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Năng lực

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:*

Tự thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của của pháp luật trong đời sống xã hội; hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam; Làm rõ được các thông tin, tình huống để nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*:

Xác định được trách nhiệm của công dân trong tự giác thực hiện pháp luật.

Nhận xét được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật
- *Trung thực*: Tự giác phát hiện, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật.
- *Trách nhiệm:* Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giấy A4, phiếu học tập
- Tranh/ảnh, video về hệ thống văn bản pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.
- Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.
- Nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống

- Không yêu cầu đi sâu vào lịch sử ra đời của pháp luật, các kiểu pháp luật, phân biệt pháp luật với các lĩnh vực khác trong đời sống.

- Mức độ cần làm rõ:

+ Nêu được khái niệm pháp luật tập trung vào việc xác định rõ chủ thể ban hành, mục đích ban hành pháp luật.

+ Nêu được các đặc điểm cơ bản của pháp luật để làm rõ tính quy phạm phổ biến, tính bắt buộc chung; tính quyền lực và tính xác định chặt chẽ về hình thức.

+ Nêu được vai trò cơ bản của pháp luật trong quản lí nhà nước và đối với mỗi công dân.

b. Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

- Không yêu cầu giải thích cụ thể quy trình ban hành văn bản pháp luật Việt Nam.

- Mức độ cần làm rõ:

+ Nêu được khái niệm hệ thống pháp luật Việt Nam, phân loại hệ thống pháp luật Việt Nam nhìn từ cấu trúc bên trong và hình thức bên ngoài.

+ Xác định được khái niệm văn bản pháp luật và xác định được các loại văn bản pháp luật ở Việt Nam.

c. Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật

- Không yêu cầu đi sâu vào giải thích cụ thể vai trò của việc thực hiện pháp luật trong đời sống.

- Mức độ cần làm rõ:

+ Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật.

+ Xác định được nội dung của từng hình thức thực hiện pháp luật.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm 3 đơn vị kiến thức, dạy trong 9 tiết, GV nên chủ động chia thành 3 nội dung nhỏ để thuận lợi cho HV theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ học tập:

Nội dung 1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật (3 tiết)

Nội dung 2. Hệ thống pháp luật và các văn bản pháp luật Việt Nam (3 tiết)

Nội dung 3. Thực hiện pháp luật (3 tiết)

Việc triển khai các hoạt động dạy học có thể được thiết kế theo từng nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1: KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Thời gian thực hiện: 3 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về đặc điểm, vai trò của trong đời sống xã hội

- HV có hứng thú tìm hiểu về đặc điểm, vai trò của pháp luật và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn quan sát các hình ảnh và chia sẻ các quy định của pháp luật được thể hiện trong nội dung của từng hình ảnh.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu khái niệm pháp luật

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được khái niệm pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/trường hợp/tình huống pháp luật và trả lời câu hỏi:

1. Các quy định của pháp luật trong thông tin/tình huống.. dành cho ai? Cho tất cả mọi người hay chỉ cho người vi phạm?

2. Các quy định đó do cơ quan nào ban hành và bảo đảm thực hiện?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo cặp.

- GV mời một vài cặp đôi trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Các quy tắc xử sự chung chính là nội dung của pháp luật, là chuẩn mực về những việc được làm, những việc phải làm và những việc không được làm.

+ Pháp luật bao gồm tất cả các quy định trong các văn bản QPPL do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, từ Hiến pháp, các luật (Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường,...) đến các văn bản dưới luật như nghị quyết, quyết định, thông tư,... ở các cấp khác nhau.

2.2. Tìm hiểu đặc điểm của pháp luật

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các đặc điểm của pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV quan sát hình/xem video/đọc thông tin/trường hợp/ tình huống, để trả lời câu hỏi sau:

1. Các quy định trong thông tin/trường hợp dành cho những đối tượng nào? ở đâu? Những quy định đó khác gì với nội quy lớp học, trường học?

2. Nội dung trong video/hình ảnh thể hiện điều gì của pháp luật? đối tượng nào bị xử phạt? người xử phạt là ai?

3. Có ý kiến cho rằng, nội dung các văn bản pháp luật có tính xác định chặt chẽ về hình thức, em có đồng ý không, hãy chỉ ra đặc điểm đó trong thông tin/tình huống.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm
- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung: Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, bắt buộc đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là đặc điểm để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

Tính quyền lực: Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước. Pháp luật bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức. Người vi phạm pháp luật sẽ bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lí, áp dụng các biện pháp cần thiết, kể cả biện pháp cưỡng chế. Việc xử lí này thể hiện quyền lực nhà nước và mang tính cưỡng chế. Tính quyền lực là đặc điểm để phân biệt pháp luật với quy phạm đạo đức, trong đó việc thực hiện chủ yếu dựa vào tính tự giác, người không thực hiện đúng các chuẩn mực đạo đức thì sẽ bị dư luận xã hội phê phán.

Tính xác định chặt chẽ về hình thức: Hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản có chứa QPPL do Nhà nước ban hành. Nội dung của văn bản do cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành không được trái với văn bản do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành; nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp với Hiến pháp, không được trái Hiến pháp.

Pháp luật quy định rõ ràng, chặt chẽ về thẩm quyền ban hành các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước.

2.3. Tìm hiểu vai trò của pháp luật trong đời sống

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được vai trò của pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/trường hợp và trả lời câu hỏi liên quan đến vai trò của pháp luật trong đời sống:

1. Vì sao nói pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lí kinh tế, quản lí xã hội? Điều này được thể hiện trong thông tin/trường hợp như thế nào?

2. Trong thông tin/trường hợp, tình huống, công dân đã được thực hiện quyền gì của mình?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm
- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lí xã hội: Pháp luật điều chỉnh, định hướng các quan hệ xã hội theo khuôn mẫu chung thống nhất, tạo nên trật tự xã hội ổn định, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước kiểm tra, kiểm soát hoạt động của cá nhân, tổ chức trong phạm vi lãnh thổ của mình. Pháp luật tạo cơ sở pháp lí để Nhà nước phát huy quyền lực, sức mạnh trong quản lí nhà nước nhằm đảm bảo dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân: Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội; tạo cơ sở pháp lí để công dân thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân. Đồng thời, pháp luật cũng tạo cơ sở pháp lí để gaiir quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lí các hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác chấp hành pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

Bài 1. Em hãy cho biết nội dung nào sau đây là quy định pháp luật. Vì sao?

A. Người lao động có các quyền: làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, … (điểm a khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Lao động năm 2019).

B. Đoàn viên có nhiệm vụ: Luôn phấn đấu vì lí tưởng của Đảng và Bác Hồ. Tích cực học tập, lao động rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (khoản 1 Điều 2 Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thông qua ngày 13.12.2017).

C. Khi giao dịch với khách hàng phải ân cần, niềm nởm, lịch thiệp; thể hiện được tính chuyên nghiệp, hiệu quả trong công việc để khách hàng yên tâm,, hài lòng khi đến giao dịch tại công ty (Điều 3 Nội quy Công ty A).

D. Điều kiện tham dự Đại hội Cổ đông: cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyeefnn tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật (Điều 3 Quy chế tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên Công ty cổ phần B).

Bài 2. Em hãy xác định đặc điểm của pháp luật trong các trường hợp sau đây:

A. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam, nữ khi kết hôn với nhau phải tuân theo điều kiện về độ tuổi "nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên".

B. Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em là người từ dưới 16 tuổi.

C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định 123.2021.NĐ-CP người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm bị phạt tiền từ 400.000 - 600.000 đồng.

Bài 3. Công ty M kinh doanh có hiệu quả nhưng kê khai doanh thu thiếu trung thực để giảm bớt tiền thuế phải nộp làm thất thu lớn cho Nhà nước. Trên cơ sở pháp luật, cơ quan thuế đã xử phạt Công ty M vì hành vi gian dối trong kê khai thuế.

***Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện pháp luật, GV có thể sử dụng các dạng bài tập**:*

Bài 1. Em hãy trả lời như thế nào trong những trường hợp sau:

a) Bạn A cho rằng: Để quản lí kinh tế, quản lí các lĩnh vực xã hội thì không nhất thiết phải có pháp luật, chỉ cần có chính sách của Nhà nước là đủ.

b) Bạn M và T tranh luận với nhau về quy định *"người điều khiển và người ngồi trên mô tô, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm và cài quai đúng quy cách"* là thể hiện tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung của pháp luật hay thể hiện tính quyền lực của pháp luật?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các các mối quan hệ xã hội đươc pháp luật điều chỉnh, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

Bài 1. Trong cuộc sống hàng ngày, em đã xử sự đúng pháp luật chưa? Hãy nếu ít nhất 3 ví dụ thể hiện điều em đã làm..

Bài 2. Em nhận xét như thế nào về hành vi xử sự theo pháp luật của những người xung quanh em (trong gia đình; khu dân cư; trường; lớp..)

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

HV tự giác vận dụng những điều đã học về đặc điểm, vai trò của pháp luật để phát hiện, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật;

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn 1 dự án trong số các dự án sau để tuyên truyền về vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội:

Dự án tuyên truyền về vai trò của pháp luật đối với Nhà nước trong quản lí kinh tế, quản lí xã hội.

Dự án tuyên truyền về vai trò của pháp luật đối với công dân trong việc bảo vệ quyền bình đẳng giới.

Dự án tuyên truyền về vai trò của pháp luật đối với công dân trong việc bảo vệ thân thể, sức khoẻ của công dân.

Dự án tuyên truyền về vai trò của pháp luật đối với công dân trong việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm của công dân.

Nội dung dự án gồm: Mục đích, đối tượng tuyên truyền, nội dung và cách thức tuyên truyền, thời gian và địa điểm thực hiện.

– HS làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn dự án trước lớp.

Nội dung 2: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM
Thời gian thực hiện: 3 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu:***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về hệ thống pháp luật Việt Nam

- HV có hứng thú tìm hiểu về cấu trúc, nội dung của hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật, phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

– GV nêu câu hỏi cho cả lớp: Kể tên một số văn bản pháp luật và chia sẻ hiểu biết của em về những văn bản pháp luật đó.

Lưu ý: Chỉ cần nêu một cách tương đối tên của văn bản pháp luật và nội dung khái quát, chung nhất, sơ bộ của văn bản đó ..

– HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

– GV nhận xét, kết luận về ý kiến của HV và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC mới

2.1. Tìm hiểu hệ thống pháp luật Việt Nam

**** Mục tiêu:***

- HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để nêu được những nội dung cơ bản của hệ thống pháp luật pháp luật Việt Nam

- Xác định được trách nhiệm công dân trong thực hiện quy định của pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/trường hợp và vẽ sơ đồ trên A0/bảng nhóm để mô tả khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam.

- HV tự đọc thông tin/trường hợp sau đó thảo luật theo nhóm để vẽ sơ đồ.

- GV hướng dẫn HV sử dụng kĩ thuật phòng tranh và 321 để thảo luận lớp và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Hệ thống pháp luật Việt Nam là tổng thể các QPPL, có mối quan hệ nội tại trong một chỉnh thể thống nhất, gồm hệ thống cấu trúc pháp luật và hình thức pháp luật.

Về cấu trúc, hệ thống pháp luật bao gồm các QPPL có mối quan hệ nội tại thống nhất. được phân chia thành các QPPL, các chế định pháp luật và các ngành luật.

+ QPPL là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. QPPL là đơn vị nhỏ nhất và là đơn vị cơ sở, nền tảng của hệ thống pháp luật. Mỗi QPPL điều chỉnh một quan hệ xã hội cụ thể, thường tương ứng với một điều khoản cụ thể của văn bản pháp luật.

+ Chế định pháp luật là nhóm các QPPL điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội cùng loại có mối quan hệ mật thiết với nhau.

+ Ngành luật là tổng thể các QPPL điều chỉnh một lĩnh vực quan hệ xã hội đặc thù.

Về hình thức, hệ thống pháp luật được thể hiện qua các văn bản QPPL.

2.1. Tìm hiểu hệ thống pháp luật Việt Nam

**** Mục tiêu***

- HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để nêu được những nội dung cơ bản về văn bản pháp luật pháp luật Việt Nam.

- Xác định được trách nhiệm công dân trong thực hiện quy định của pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát sơ đồ/đọc thông tin (từ Hiến pháp và 1 số văn bản luật khác) và tham gia trò chơi tiếp sức để tìm hiểu về các văn bản pháp luật.

- HV thực hiện trò chơi, gắn tên các văn bản pháp luật vào các ô: Văn bản luật, văn bản dưới luật

- GV hướng dẫn HV trao đổi để làm rõ về thẩm quyền, trình tự, thử tục ban hành các văn bản pháp luật thông qua một số câu hỏi như: Các văn bản pháp luật trên có nằm trong cùng hệ thống không? Biểu hiện như thế nào về thảm quyền, trình tự, thủ tục ban hành?

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Hệ thống văn bản pháp luật (văn bản QPPL) là hình thức biểu hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật.

Hệ thống văn bản pháp luật tuân theo thứ bậc, trong đó văn bản do cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành không được trái với văn bản do cơ quan nhà nước cấp trên ban

hành, không được trái với Hiến pháp, tạo nên sự thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật.

Văn bản pháp luật là văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục luật định, trong đó có các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, được áp dụng nhiều lần cho nhiều chủ thể pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

Theo Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, hệ thống văn bản pháp luật (văn bản QPPL) của Nhà nước ta hiện nay gồm:

+ Hiến pháp;

+ Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội;

+ Pháp lệnh, nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

+ Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

+ Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Uỷ ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

+ Thông tư của Chánh án Toà án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

+ Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

+ Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước;

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh);

+ Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Văn bản QPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt;

+ Nghị quyết của HĐND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp huyện);

+ Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp huyện;

+ Nghị quyết của HĐND xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);

+ Quyết định của UBND cấp xã.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến hệ thống và các văn bản pháp luật Việt Nam

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác chấp hành pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

Bài 1. Sắp xếp các văn bản pháp luật theo thứ tự từ cao xuống thấp

A. Luật Bảo vệ môi trường - Hiến pháp — Nghị định của Chính phủ về xử lí vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

B. Hiến pháp– Nghị định của Chính phủ về xử lí vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ – Luật Giao thông đường bộ.

C. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục -Hiến pháp – Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông.

Bài 2. Theo em, các nhận định sau đây đúng hay sai? Vì sao?

A. Báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, cống xâm hại trẻ em là văn bản QPPL.

B. Bản án, quyết định xét xử của Tòa án là văn bản QPPL.

C. Hương ước, lệ làng là văn bản QPPL.

D. Pháp lệnh do Quốc hội ban hành là văn bản QPPL.

E. Nghị định do Chính phủ ban hành không phải là văn bản QPPL.

Bài 3. Hãy sắp xếp các văn bản pháp luật dưới đây ở mỗi lĩnh vực theo thứ tự từ cao xuống thấp:

A. Luật Bảo vệ môi trường; Hiến pháp; Nghị định của Chính phủ về xử lí vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

B. Hiến pháp; Nghị định của Chính phủ về Xử lí vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Luật Giao thông đường bộ.

C. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trong học phổ thông; Hiến pháp; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện pháp luật, GV có thể sử dụng các dạng bài tập*:*

Bài 1. Em hãy xử lí các tình huống sau

a) UBND huyện N ban hành quyết định phạt tiền từ 100 000 đến 200 000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù), với mức 150 000 – 250 000 đồng. Được biết, Điều 6 Nghị định số 100/NĐ-CP của Chính phủ (Sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123 của Chính phủ năm 2021) quy định xử phạt những đối tượng này với mức từ 100 000 đến 200 000 đồng. Việc ban hành quyết định của UBND huyện N có đúng theo trình tự của hệ thống văn bản pháp luật hay không? Giải thích vì sao.

b) HĐND tỉnh D ra Nghị quyết về mức phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá và bảo tàng trên địa bàn tỉnh đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên không quá 100.000đ/người/lượt. Thế nhưng, UBND huyện K đã ra quyết định thu phí tham quan các địa điểm này với mức cao nhất là 130.000đ/người/lượt. Việc ban hành quyết định của UBND huyện K thu phí tham quan cao hơn quy định trong Nghị quyết của HĐND tỉnh là đúng hay sai? Vì sao?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các các mối quan hệ xã hội đươc pháp luật điều chỉnh, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

Bài 1. Em sẽ làm như thế nào trong những trường hợp sau:

a) Bạn K không hiểu vì sao văn bản do cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành lại không được trái với văn bản do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành?

b) Nếu chứng kiến việc HĐND tỉnh X ra Nghị quyết về mức phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá và bảo tàng trên địa bàn tỉnh đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên không quá 100 000đ/người/lượt. Lấy lí do tình hình dịch Covid-19 vừa qua huyện không thu được phí tham quan, UBND huyện Y đã ra quyết định thu phí tham quan các địa điểm này với mức cao nhất là 130000đ/người/lượt.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu:***

HV chủ động tìm hiểu các văn bản pháp luật và tự giác thực hiện.

HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tìm hiểu và tuyên truyền các văn bản pháp luật tại do HĐND và Ủy ban nhân xân xã/phường nơi sinh sống.

**** Tổ chức thực hiện:***

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc ở nhà theo các nhóm với nội dung sau: Tự tìm hiểu các văn bản pháp luật do HĐND và Uỷ ban nhân dân xã/phường/thị trấn nơi mình sinh sống ban hành về lĩnh vực kinh tế, giáo dục và trật tự, an toàn xã hội; báo cáo trước lớp trong buổi học sau
- HS làm việc nhóm và nộp sản phẩm vào tiết học tiếp theo.
- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS. Kết luận nội dug 2.

Nội dung 3: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT
Thời gian thực hiện: 3 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết các hành vi thực hiện và không thực hiện pháp luật.

- HV có hứng thú tìm hiểu về việc thực hiện pháp luật của bản thân và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV trình chiếu một số hình ảnh và yêu cầu HV quan sát hình ảnh để trả lời các câu hỏi sau:

1. Người trong mỗi hình ảnh đã có hành vi như thế nào.

2. Những hành vi này có phù hợp với pháp luật không? Vì sao?

- HV quan sát hình ảnh; thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện của 2 – 3 cặp đôi trả lời câu hỏi; HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, dựa vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của HV để dẫn dắt vào bài.

Lưu ý: GV nên chuẩn bị các hình ảnh về hành vi đúng, sai.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu khái niệm thực hiện pháp luật

**** Mục tiêu:***

- HV làm rõ được các thông tin, tình huống liên quan để nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.

- Nhận xét được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV xem video/đọc thông tin, trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi sau:

1. các chủ thể trong video/thông tin/trường hợp/tình huống.. đã có hành vi, biểu hiện như thế nào?

2. Những hành vi, biểu hiện đó có đúng pháp luật không? Vì sao.

3. Theo em thế nào là thực hiện pháp luật?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó thảo luận theo cặp.

- GV mời một vài cặp trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật, làm cho pháp luật đi vào đời sống xã hội.

Hành vi hợp pháp là hành vi không trái các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho Nhà nước, xã hội và công dân. Đó là hành vi:

- Làm những việc mà pháp luật cho phép làm.

- Làm những việc mà pháp luật quy định phải làm.

-Không làm những việc mà pháp luật cấm.

2.2. Tìm hiểu các hình thức thực hiện pháp luật

**** Mục tiêu:***

HV làm rõ được các thông tin, tình huống liên quan và tham gia các hình thức làm việc nhóm để nêu được các hình thức thực hiện pháp luật.

Nhận xét được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động:***

- GV chia lớp thành các nhóm (4-6 người/nhóm) giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp, tình huống/quan sát hình ảnh và hoàn thành phiếu học tập:

Tên hình thức thực hiện pháp luật	Khái niệm	Đặc điểm	Ví dụ minh họa
?	?	?	?

- HV thảo luận theo nhóm và ghi kết quả lên bảng nhóm/A0.

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến và nhận xét, sau đó nêu thêm câu hỏi:

1. Tìm ra sự khác nhau về hình thức thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong các thông tin, tình huống trên.

2. Xét ở khía cạnh chủ thể thực hiện pháp luật thì hình thức nào khác biệt so với 3 hình thức còn lại? Vì sao?

3. Xét ở khía cạnh tính chất (chủ động/thụ động/tự chủ) thì hình thức nào khác biệt so với 3 hình thức còn lại? Vì sao?

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Thực hiện pháp luật là giai đoạn tiếp theo sau khi pháp luật được ban hành và có hiệu lực; là hoạt động thường xuyên của cá nhân, tổ chức, cơ quan gồm bốn hình thức dưới đây:

+ Sử dụng pháp luật: Là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm.

Đặc điểm của hình thức sử dụng pháp luật: Chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình mà không bị ép buộc phải thực hiện.

+ Thi hành pháp luật: Là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó cá nhân, tổ chức thực hiện nghĩa vụ của mình bằng hành động tích cực, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm (xử sự tích cực).

+ Tuân thủ pháp luật: Là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các cá nhân, tổ chức kiềm chế, không làm những việc mà pháp luật cấm (xử sự thụ động).

+ Áp dụng pháp luật: Là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, ban hành các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể. Đó là các trường hợp:

Các quyền và nghĩa vụ của công dân phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt thông qua một văn bản, quyết định áp dụng pháp luật của cơ quan, công chức có thẩm quyền.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định áp dụng pháp luật bằng hình thức xử lí người vi phạm pháp luật hoặc giải quyết tranh chấp giữa các cá nhân, tổ chức.

2.3. Tìm hiểu công dân thực hiện pháp luật trong cuộc sống

**** Mục tiêu***

HV đánh giá được cách thức công dân thực hiện pháp luật trong một số tình huống cụ thể.

HV biết tự giác thực hiện pháp luật; nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc và thảo luận các trường hợp/tình huống và trả lời các câu hỏi sau:

1. Cá nhân, tổ chức ở mỗi tình huống/trường hợp đã thực hiện pháp luật như thế nào?
2. Mỗi tình huống/trường hợp phù hợp với hình thức thực hiện pháp luật nào?

HV làm việc theo nhóm (có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn), sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm khác bổ sung ý kiến.

– Từ kết quả thảo luận của các nhóm, GV nhận xét và nhấn mạnh về sự cần thiết phải thực hiện pháp luật, tác hại của việc không thực hiện pháp luật.

Pháp luật được Nhà nước ban hành để Nhà nước quản lí xã hội, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nếu pháp luật được ban hành nhưng không được các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng thì pháp luật sẽ chỉ tồn tại trên giấy, Nhà nước không quản lí được xã hội, công dân không thể thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Để pháp luật thật sự đi vào cuộc sống, mỗi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội cụ thể đều phải lựa chọn cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Mỗi tổ chức, cá nhân cần thực hiện pháp luật một cách chủ động, tự giác, tích cực, làm cho khẩu hiệu "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" đi vào đời sống của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và mọi công dân Việt Nam

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến việc thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.
- HV có thể liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi thực hiện pháp luật phù hợp với lứa tuổi.

**** Tổ chức thực hiện***

GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, PPDH khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập thực hiện được các yêu cầu cần đạt của chủ đề.

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

Bài 1. Mỗi hành vi, việc làm dưới đây thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào? Vì sao.

A. Không buôn bán, sử dụng trái phép chất ma tuý.

B. Mở cửa hàng bán hàng may mặc sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.

C. Cơ quan y tế ra quyết định phạt tiền đối với cửa hàng ăn uống vì không áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

D. Nhà máy SX bánh mì áp dụng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy

Bài 2. Em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

A. Mọi cá nhân, tổ chức đều được thực hiện pháp luật dưới hình thức áp dụng pháp luật.

B. Cấp dưỡng cho conn sau li hôn là thi hành pháp luật.

C. Không kết hôn giữa những người chưa đủ tuổi theo quy định pháp luật là tuân thủ pháp luật.

D. Đi bầu cử khi đủ tuổi theo quy định pháp luật là sử dụng pháp luật.

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện pháp luật, GV có thể sử dụng các dạng bài tập:

Bài 1. Các hành vi, việc làm dưới đây thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào? Vì sao?

Hành vi, việc làm	Hình thức thực hiện pháp luật
1. Không buôn bán, sử dụng trái phép chất ma tuý	?
2. Mở cửa hàng bán hàng may mặc sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.	?
3. Cơ quan y tế ra quyết định phạt tiền đối với cửa hàng ăn uống vì không áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm.	?
4. Nhà máy SX bánh mì áp dụng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.	?

Bài 2. Em hãy cho biết chủ thể nào tự giác, chưa tự giác thực hiện pháp luật trong các trường hợp sau:

A. Khi 17 tuổi, A chủ động đăng kí khám tuyển nghĩa vụ quân sự ngay đợt đầu và sẵn sàng nhập ngũ khi có giấy thông báo gọi nhập ngũ.

B. Gia đình T kinh doanh cửa hàng tạp hóa và luôn chủ động nộp thuế đúng kỳ hạn.

C. Công ty kinh doanh cửa hàng nông sản do anh H làm giám đốc thường xuyên bị nhắc nhở việc chậm nộp thuế.

D. K báo cho cơ quan chức năng biết về người hàng xóm thường xuyên tổ chức đánh bạc ăn tiền tại nhà riêng.

Bài 3. Em hãy đọc tình huống sau và thực hiện yêu cầu

Anh N 22 tuổi, vừa tốt nghiệp đại học và được Công ti A tuyển dụng với mức lương cao. Cùng lúc đó, anh N nhận được lệnh gọi nhập ngũ của Ban chỉ huy quân sự địa phương. Anh N không biết phải xử lí như thế nào. Tâm sự với bạn thì nhận được lời khuyên:

- Theo mình, thì cậu nên nhập ngũ vì đây là nghĩa vụ của công dân.

Sau vài ngày suy nghĩm N quyết định sẽ lên đường nhập ngũ. Anh cho rằng đó vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân đối với Tổ quốc.

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các các mối quan hệ xã hội đươc pháp luật điều chỉnh, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

Bài 1. Nếu chứng kiến hành vi vi phạm pháp luật của người khác, em sẽ xử sự như thế nào?

Bài 2. Em hãy tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật của mình ở nhà, ở trường và ở nơi công cộng.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác thực hiện các quy định của pháp luật; phát hiện, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật;

- HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền và thực hiện pháp luật trong đời sống

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm hoặc cá nhân thực hiện bài tập vận dụng gắn nội dung bài học với thực tiễn, thể hiện bằng một sản phẩm cụ thể.

Ví dụ:

- Em hãy cùng các bạn vẽ tranh cổ động với chủ đề "Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật" và chia sẻ thông điệp của bức tranh.

- Em hãy viết một bức thư với chủ đề "Hoàng Sa, Trường Sa thân yêu của chúng em" và chia sẻ với các bạn.

- Mỗi nhóm lập một bản cam kết thực hiện pháp luật giao thông đường bộ theo bảng sau:

STT	Họ và tên	Tình trạng		Hướng khắc phục
		Thực hiện pháp luật	Vi phạm pháp luật	
1				
2				
…				

– HV nộp sản phẩm vào tiết học tiếp theo.

– GV tổ chức cho HV nhận xét đánh giá việc thực hiện pháp luật thông qua bình chọn các sản phẩm.

- GV nhận xét kết luận nội dung 3.

- GV tổng kết toàn bộ nội dung chính của chủ đề.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; - Tự thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của của pháp luật trong đời sống xã hội	Quan sát	Sổ ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kỳ II)
Tìm hiểu hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật	Hình thành các NL tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: - Tự thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để nêu được những nội dung cơ bản của hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam - Xác định được trách nhiệm công dân trong thực hiện quy định của pháp luật.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kỳ II)
Tìm hiểu khái niệm và các hình	Hình thành các NL: Tìm hiểu và tham gia các hoạt động	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.

thức thực hiện pháp luật	kinh tế - xã hội; Điều chỉnh hành vi - Làm rõ được các thông tin, tình huống liên quan để nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật. - Nhận xét được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Luyện tập	Hình thành các NL: Điều chỉnh hành vi, Tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT-XH - Củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến việc thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật. - Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi thực hiện pháp luật phù hợp với lứa tuổi.	Quan sát	Bài tập/Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra cuối kì II)
Vận dụng	Hình thành NL Điều chỉnh hành vi và các phẩm chất: Yêu nước, Trung thực, Trách nhiệm: - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật -Tự giác phát hiện, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.	Đánh giá qua sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí
		Kiểm tra viết	Câu tự luận (Kiểm tra cuối kì II)

CHỦ ĐỀ 9. HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 13 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bộ máy nhà nước.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*:

Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Biết phân tích và phê phán hành vi của bản thân và người khác trong thực hiện nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội*:

Tự thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan để nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.

Bước đầu tham gia các hoạt động thực hiện Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam phù hợp với lứa tuổi và tình hình ở địa phương.

3. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Tự giác thực hiện Hiến pháp năm 2013.

- *Trách nhiệm:* Tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền thực hiện các nội dung cơ bản và bảo vệ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách học sinh môn Giáo dục KT và PL 10

- Giấy A4, phiếu học tập

- Tranh/ảnh, clip về Hiến pháp và nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint, … (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- Nội dung cơ bản của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bộ máy nhà nước.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

- Không yêu cầu đi sâu vào lịch sử hình thành Hiến pháp, khái niệm Hiến pháp nói chung mà chỉ cần tập trung về Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

- Mức độ cần làm rõ là nêu được khái niệm Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, vị trí của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam và các đặc điểm cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam so với các văn bản QPPL khác.

b. Nội dung cơ bản của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bộ máy nhà nước

- Không yêu cầu đi sâu vào giải thích các nội dung cụ thể của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam mà chỉ tập trung vào của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013. Trong đó, GV cần làm rõ điểm khác biệt của chủ đề này về nội dung của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy Nhà nước với chủ đề Hệ thống chính trị. Cụ thể, GV hướng dẫn để HV hiểu được các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước.

- Mức độ cần làm rõ là nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 trên các lĩnh vực.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề này gồm nhiều đơn vị kiến thức, dạy trong 13 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các nội dung nhỏ nhằm tạo điều kiện cho HV theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập:

Nội dung 1. Khái niệm, đặc điểm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2 tiết).

Nội dung 2. Nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về chế độ chính trị (2 tiết).

Nội dung 3. Nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (3 tiết).

Nội dung 4. Nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường (4 tiết).

Nội dung 5. Nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về bộ máy nhà nước (2 tiết).

Việc triển khai các hoạt động dạy học có thể được thiết kế theo từng nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1: KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VỊ TRÍ CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về khái niệm, đặc điểm và vị trí của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV có hứng thú tìm hiểu về khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc theo cặp đôi: Em hãy cùng bạn thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Em hãy cho biết từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đến nay đã ban hành mấy bản Hiến pháp? Từ đó, chia sẻ hiểu biết của em về Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ thảo luân theo cặp, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu khái niệm và vị trí của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được khái niệm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc hội thoại/ thông tin và trả lời câu hỏi:

1. Từ hội thoại, theo em Hiến pháp có những nội dung cơ bản nào?

2. Căn cứ vào nội dung của thông tin, em hãy chỉ ra vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo cặp.

- GV mời một vài cặp đôi trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là văn bản QPPL do Quốc hội ban hành, quy định những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của quốc gia về chủ quyền quốc

gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vi pháp lí của con người và công dân.

Hiến pháp là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Mọi văn bản QPPL khác đều được xây dựng, ban hành trên cơ sở Hiến pháp, phù hợp với Hiến pháp.

2.2. Tìm hiểu hiểu đặc điểm Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi:

1. Từ thông tin, em hãy xác định các đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

2. Dựa vào sơ đồ, em hãy chỉ ra quy trình ban hành, sửa đổi Hiến pháp.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo cặp.
- GV mời một vài cặp đôi trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam quy định những vấn đề cơ bản nhất. Hiến pháp không quy định chi tiết từng lĩnh vực, từng vấn đề riêng biệt của đời sống xã hội.

Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là luật cơ bản của Nhà nước, là cơ sở để xây dựng và ban hành tất cả các văn bản QPPL khác trong hệ thống pháp luật quốc gia. Nội dung của các văn bản QPPL khác không được trái với Hiến pháp.

Hiến pháp có hiệu lực pháp lí lâu dài, tương đối ổn định và có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* ***Mục tiêu***

- HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến khái niệm, vị trí, đặc điểm của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác chấp hành quy định của Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Theo em, khẳng định nào sau đây là đúng về Hiến pháp? Vì sao?

A. Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước.

B. Hiến pháp có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

C. Hiến pháp xác định những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của Nhà nước và xã hội.

D. Hiến pháp là nội quy được áp dụng trong nhà trường mà mọi học sinh bắt buộc phải thực hiện.

E. Hiến pháp thể hiện tập trung nhất ý chí và bảo vệ lợi ích nhân dân.

G. Hiến pháp là văn bản QPPL do Chính phủ ban hành.

2. Các nội dung sau thể hiện đặc điểm nào của Hiến pháp năm 2013?

A. Khoản 1 Điều 20 của Hiến pháp năm 2013 quy đinh: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏa, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nòa khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm".

B. Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lí xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dâ chủ".

C. Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013, Quộc hội ban hành Bộ luật Lao động năm 2019.

D. Khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, cơ sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nhước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp".

***Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các dạng bài tập**:*

1. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể trong các trường hợp sau:

A. Anh X thực hiện nghĩa vụ quân sự.

B. Ông M không tham gia bầu cử HĐND cấp xã.

C. Chị T là cán bộ hội phụ nữ luôn tích cực giúp đỡ mọi người.

D. Doanh nghiệp A đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

E. Ông B có hành vi chống phá lại chính quyền nhà nước.

2. Khi thấy chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền nội dung cơ ban của Hiến pháp mới cho người dân, bạn Q thắc mắc: Hiến pháp chỉ áp dụng cho những cơ quan nhà nước nên xã không cần tổ chức hoạt động tuyên truyền.

a. Em suy nghĩ như thế nào về thắc mắc của bạn Q?

b. Nếu là bạn của Q trong trường hợp trên, em sẽ nói với Q như thế nào?

***Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia thự hiện Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, GV có thể sử dụng các bài tập sau**:*

1. Hãy liệt kê một số việc làm của bản thân thể hiện việc tuân thủ Hiến pháp.

2. Em nhận xét như thế nào về hành vi thực hiện Hiến pháp của các thành viên trong gia đình.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác vận dụng những điều đã học về khái niệm, vị trí, đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc cá nhân với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn một nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về Hiến pháp:

1. Em hãy cùng bạn vẽ tranh cổ động với chủ đề "Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật" và chia sẻ thông điệp của bức tranh.

2. Em hãy viết một bài luận về vai trò của Hiến pháp đối với mỗi người.

– HV làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp.

Nội dung 2: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu:***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về chế độ chính trị.

- HV có hứng thú tìm hiểu về nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về chế độ chính trị và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn quan sát các hình ảnh và cho biết những hình ảnh đã thể hiên nội dung nào của Hiến pháp về chế độ chính trị.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu hiểu quy định của Hiến pháp về tên nước, hình thức chính thể, chủ quyền quốc gia

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu nội dung quy định của Hiến pháp về tên nước, hình thức chính thể, chủ quyền quốc gia.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/xem video và trả lời câu hỏi:

1. Các quy định của Hiến pháp trong thông tin đã thể hiện nội dung nào về tên nước, hình thức chính thể?

2. Nội dung video đã thể hiện những quy định nào của Hiến pháp về chủ quyền quốc gia?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 khẳng định, Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Vì vậy, mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị nhằm góp phần giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước.

Hiến pháp năm 2013 cũng quy định cụ thể về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca và Quốc khánh, thủ đô của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

2.2. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về bản chất của Nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được nội dung quy định của Hiến pháp về bản chất của Nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc các thông tin và trả lời câu hỏi:

1. Bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 xác định như thế nào trong thông tin trên? Em hiểu bản chất đó như thế nào?

2. Nội dung của thông tin đã chỉ ra tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định thế nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.

Hiến pháp năm 2013 quy định quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Các vơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước Việt Nam là trụ cột của hệ thống chính trị, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quản lí xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là bộ phận của hệ thống chính trị, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính tđáng của các tầng lớp nhân dân, đồng thời góp phần tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

2.3. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về đường lối đối ngoại

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được nội dung quy định của Hiến pháp về đường lối đối ngoại.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc các thông tin/quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi: Theo em, các hình ảnh và thông tin đã thể hiện nội dung nào trong quy định của Hiến pháp về đường lối đối ngoại?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 quy định Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* ***Mục tiêu***

HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến nội dung quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác chấp hành quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em hãy cho biết khẳng định nào sau đây là đúng với các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị? Vì sao?

A. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia trên thế giới.

B. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam chỉ có quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á.

C. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là quốc gia đa dân tộc và các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với nhau.

D. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam luôn giải quyết mọi vấn đề trên cơ sở luật pháp quốc tế trong mối quan hệ với các nước.

E. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thực hiện quyền lực nhà nước bằng hình thức duy nhất là dân chủ trực tiếp.

2. Hãy nhận xét về hành vi của mỗi nhân vật trọng các trường hợp sau đây?

a. Là cán bộ lãnh đạo, ông T luôn quan tâm và động viên người dân tích cực thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của cơ quan nhà nước ở địa phương bằng cách có ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản.

b. Là cán bộ cấp xã, anh H đã tìm cách đổ lỗi cho người dân khi bị cấp trên phát hiện sai phạm về nhiệm vụ bảo vệ biên giới.

***Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị, GV có thể sử dụng các dạng bài tập**:*

1. Em hãy giải đáp các thắc mắc sau:

a. Q thắc mắc, tại sao nước ta lại cần mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới nhưng phải giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia?

b. V băn khoăn không hiểu vì sao Hiến pháp phải quy định cụ thể về bản chất của nhà nước?

2. Em hãy xử lí các tình huống sau

P và nhóm bạn của mình có sở thức sưu tầm hình ảnh, tư liệu, hiện vật về biển, đảo Việt Nam. Sau một thời gian tích cực tìm kiếm, cả nhóm đã sưu tầm được một số tư liệu quý về việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của các thế hệ đi trước. P muốn gửi các tư liệu đó lên thư viện trường để làm tài liệu tham khảo cho mọi người nhưng chưa biết nên thuyết phục như thế nào để các bạn trong nhóm đồng ý với mình.

Nếu là P, em sẽ thuyết phục các bạn như thế nào?

***Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi thực hiện Hiến pháp về chế độ chính trị, GV có thể sử dụng các bài tập sau**:*

1. Em hãy liệt kê những hoạt động của bản thân khi tham gia thực hiện quy định của Hiến pháp về thực hiện đường lối đối ngoại.

2. Nếu địa phương em tổ chức hoạt động tuyên truyền về quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị em sẽ làm gì?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác vận dụng những điều đã học về nội dung quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

- HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền nội dung quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo cá nhân với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn một nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị:

1. Em hãy viết một bức thư với chủ đề "Hoàng Sa, Trường Sa thân yêu của chúng em" và chia sẻ với các bạn.

2. Em hãy làm một video giới thiệu về tên nước, hình thức chính thể của nước ta theo quy định của Hiến pháp.

– Hv làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp.

Nội dung 3: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Thời gian thực hiện: 3 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về nội dung quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- HV có hứng thú tìm hiểu về nội dung quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy liệt kê các quyền, nghĩa vụ cơ bản của bản thân và xác định đâu là quyền con người, đâu là quyền và nghĩa vụ của công dân.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu nội dung của Hiến pháp về quyền con người

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được các quy định của Hiến pháp về quyền con người.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/trường hợp và trả lời câu hỏi:

1. Từ thông tin, em hiểu thế nào là quyền con người? Quyền con người bao gồm những nội dung nào?

2. Hãy nhận xét việc thực hiện quyền con người của từng chủ thể trong các trường hợp?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời đại diện của các nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền con người bao gồm: Quyền bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống; quyền sống; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; quyền được hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của pháp luật; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền được bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tư riêng tư khác, ...

2.2. Tìm hiểu nội dung Hiến pháp về quyền và nghĩa cơ bản của công dân

* ***Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được các quy định của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin/trường hợp và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy xác định nội dung quyền và và nghĩa vụ cơ bản của công dân được thể hiện trong thông tin?

2. Từ thông tin, hãy xác định quyền và nghĩa vụ công dân được thể hiện trong các trường hợp?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm

- GV mời đại diện của các nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

- Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các quyền về chính trị, dân sự như: quyền có nơi ở hợp pháp; quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền

ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo luật định; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo luật định; quyền bầu cử khi đủ mười tám tuổi trở lên và quyền ứng cử vào Quốc hội, HĐND khi đủ hai mươi mốt tuổi trở lên; quyền tham gia quannr lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân khi đủ mười tám tuổi trở lên; ...

- Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội như công dân nữ bình đẳng về mọi mặt; quyền được tự do kinh daonh; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc; quyền được học tập; quyền được xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; ...

- Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các nghĩa vụ cơ bản như nghĩa vụ học tập; nghĩa vụ bảo vệ môi trường; nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc; nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân; nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng; nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác chấp hành quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

**** Tổ chức thực hiện***

***Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau*:**

1. Em hãy cho biết ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

A. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc chỉ cần thực hiện khi đất nước xảy ra chiến tranh và đó là trách nhiệm của lực lượng quân đội, công an và người lớn.

B. Tất cả mọi người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều được hưởng các quyền con người, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

C. Học sinh cũng được hưởng các quyền con người, quyền công dân quy định tại Hiến pháp năm 2013.

D. Học sinh còn ít tuổi nên không phải thực hiện nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

A. Công dân Việt Nam có quyền kinh doanh tất cả các mặt hàng.

B. Tài nguyên thiên nhiên là sở hữu toàn dân nên dân có thể tùy ý sử dụng.

C. Tất cả mọi người dân đều được Nhà nước tạo điều kiện hưởng thụ lợi ích từ hoạt động khoa học, công nghệ.

D. Bảo vệ môi trường alf trách nhiệm riêng của cơ quan quản lí nhà nước về môi trường.

***Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện quy định của pháp luật về quyền con con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, GV có thể sử dụng các dạng bài tập**:*

1. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể sau:

B. Ông M không tham gia bầu cử HĐND cấp xã.

C. Chị T là cán bộ hội phụ nữ luôn tích cực giúp đỡ mọi người.

D. Doanh nghiệp A đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

E. Ông B có hành vi chống phá lại chính quyền nhà nước.

2. Em hãy xử lí các tình huống sau:

Trước tình hình dịch bệnh do vius corona gây ra, anh V đã tiến hành đăng kí kinh doanh khẩu trang. Tuy nhiên, để thu được nhiều lợi nhuận, anh V đã nhập khẩu trang không rõ nguồn gốc và bán với giá cao cho nhân dân trong khu dân cư.

Em hãy nhận xét hành vi của anh V?

Theo em, hành vi của anh V đã xâm phạm tới quyền nào của con người theo quy định của Hiến pháp?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các các mối quan hệ xã hội đươc pháp luật điều chỉnh, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Do mâu thuẫn cá nhân, bạn T đã tung tin bịa đặt về em lên mạng xã hội, em sẽ làm gì để bảo vệ quyền của mình?

2. Em hãy kể tên các quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân mà em đang thực hiện ở gia đình, nhà trường và ngoài xã hội và nêu cách khắc phục với những quyền và nghĩa vụ mà em thực hiện chưa đúng theo gợi ý sau:

STT	Quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị	Quyền và nghĩa vụ cơ bản về dân sự	Quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế, văn hóa, xã hội	Đánh giá		Cách khắc phục
				Đúng	Chưa đúng	
1	?	?	?	?	?	?
2	?	?	?	?	?	?
...	?	?	?	?	?	?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

**** Tổ chức thực hiện***

- GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn 1 dự án trong số các dự án sau để tuyên truyền về quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân:

1. Dự án tuyên truyền quy định của Hiến pháp về quyền con người.

2. Dự án tuyên truyền về quy định của Hiến pháp về quyền của công dân về chính trị dân sự.

3. Dự án tuyên truyền về quy định của Hiến pháp về quyền của công dân về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường.

4. Dự án tuyên truyền về quy định của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Nội dung dự án gồm: Mục đích, đối tượng tuyên truyền, nội dung và cách thức tuyên truyền, thời gian và địa điểm thực hiện.

– HV làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn dự án trước lớp.

Nội dung 4: HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VỀ KINH TẾ VĂN HÓA, XÃ HỘI, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Thời gian thực hiện: 4 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết về nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

- HV có hứng thú tìm hiểu về nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn quan sát các hình ảnh và chia sẻ các quy định của pháp luật được thể hiện trong nội dung của từng hình ảnh.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC mới

2.1. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về kinh tế

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được quy định của pháp luật về kinh tế.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc hội thoại/trường hợp và trả lời câu hỏi:

1. Em nhận xét như thế nào về các ý kiến về các thành phần kinh tế của các nhân vật trong hội thoại?

2. Em hãy giải thích thắc mắc của chị T về quyền sở hữu đất và quyền sử dụng đất trong trường hợp?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.
- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 quy định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lí là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lí.

Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lí và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

2.2. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về văn hóa, xã hội, xã hội

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được quy định của pháp luật về văn hóa, xã hội, giáo dục.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm xem video/đọc thông tin/trường hợp để trả lời câu hỏi sau:

1. Nội dung video đã đề cập đến những quy định nào của Hiến pháp về văn hóa?

2. Theo em, quy định của Hiến pháp về xã hội, giáo dục được thể hiện như thế nào trong thông tin?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm
- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước và xã hội có vai trò, trách nhiệm như tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định; chăm lo, phát triển sức khỏe của nhân dân; tạo bình đẳng về cơ hội để công nhân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội; chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; ...

Hiến pháp năm 2013 quy định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước Việt Nam ưu tiên đầu tư và thu hút cho giáo dục; chăm lo phát triển giáo dục ở các cấp học; thực hiện phổ cập giáo dục và các chính sách về học bổng, học phí hợp lí; ưu tiên phát triển giáo dục ở các vùng có điều kiện khó khăn, tạo điều kiện để các nhóm yếu thế được tiếp cận với giáo dục.

2.3. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về khoa học, công nghệ, môi trường

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được quy định của Hiến pháp về khoa học, công nghệ và môi trường.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi: Hãy xác định quy định của Hiến pháp về khoa học, công nghệ và môi trường trong các trường hợp trên?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm.
- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 quy định phát triển khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

Hiến pháp năm 2013 quy định Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường, quản lí và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lí nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* ***Mục tiêu***

- HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

- HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác chấp hành quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

A. Công dân Việt Nam có quyền kinh doanh tất cả các mặt hàng.

B. Tài nguyên thiên nhiên là sở hữu toàn dân nên dân có thể tùy ý sử dụng.

C. Tất cả mọi người dân đều được Nhà nước tạo điều kiện hưởng thụ lợi ích từ hoạt động khoa học, công nghệ.

D. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm riêng của cơ quan quản lí nhà nước về môi trường.

2. Hành vi nào sau đây là thực hiện đúng các quy định của Hiến pháp về về kinh tế, giáo dục, văn hóa, khoa học, công nghệ và môi trường? Vì sao?

A. Gia đình bà H thường đổ rác thải ra sông cạnh nhà.

B. Anh H được cấp chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm do mình sáng tạp ra.

C. Chị Q thường xuyên mở các lớp miễn phí để dạy học cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.

D. Ông T tiến hành khai thác khoáng sản ở địa phương sau khi được cấp phép.

3. Thôn của Q nằm cạnh một con sông lớn. Trong thôn đã có địa điểm thu gom rác thải để xử lí nhưng ông V vẫn có thói quen vứt rác, xác vật nuôi, tùi ni lông xuống lòng sông.

Em hãy nhận xét hành vi của ông V. Nếu là hàng xóm của ông V em sẽ làm gì?

Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện pháp luật, GV có thể sử dụng các dạng bài tập*:*

1. Em có nhận xét gì về hành vi của các cá nhân và chủ thể trong các trường hợp sau:

A. Ông S và con trai thường xuyên dùng kích điện để đánh bắt cá trên sông.

B. Gia đình công K đã nhập hoa quả có chứa thuốc bảo quản bị cấm sử dụng để bán cho người dân.

C. Trường của M đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền quy định của Hiến pháp về giáo dục cho học sinh.

D. Công ty của bà H đã tổ chức các hoạt động khai thác thủy sản khi chưa được cấp phép.

2. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. H (15 tuổi) rất thích nghiên cứu, chế tạo, lắp ráp các thiết bị công nghệ. Gần đây, H muốn tham dự một cuộc thi chế tao rô bốt nhưng bố mẹ không đồng ý với vì lo ngại sẽ ảnh hưởng đến việc học tập.

Nếu là H, em sẽ làm gì để bố mẹ đồng ý cho tham dự cuộc thi?

b. Nhà trường tổ chức cuộc thi với chủ đề " Học sinh nói không với rác thải nhựa" nhưng D nhất quyết không tham gia với lí do bản thân không có hoạt động mua sắm nhiều nên không dùng rác thải nhựa và việc xử lí rác thải nhựa đã có các cơ quan chuyên trách.

Em hãy nhận xét suy nghĩ của bạn D. Nếu là bạn của D, em sẽ giải thích với bạn như thế nào?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các các mối quan hệ xã hội đươc pháp luật điều chỉnh, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện quy định của Hiến pháp về môi trường.

2. Em hãy nêu những việc học sinh nên làm và không nên làm để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân đối với việc phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác vận dụng những điều đã học về nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

- HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn 1 dự án trong số các dự án sau để tìm hiểu về việc thực hiện nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về văn hóa, xã hội, giáo dục và môi trường.

1.Dự án khảo sát việc thực hiện quy định của Hiến pháp về môi trường ở địa phương.

2. Dự án khảo sát việc thực hiện quy định của Hiến pháp về giáo dục của cac bạn học sinh trong trường.

3. Dự án khảo sát việc thực hiện quy định của Hiến pháp về văn hóa ở địa phương.

4. Dự án khảo sát việc thực hiện quy định của Hiến pháp về xã hội ở địa phương.

Nội dung dự án gồm: Mục đích, đối tượng khảo sát, nội dung và cách thức khảo sát, thời gian và địa điểm thực hiện.

– HV làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn dự án trước lớp.

Nội dung 5: HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

- HV có hứng thú tìm hiểu các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước và phát biểu được vấn đề, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Em hãy cùng bạn quan sát các hình ảnh và chia sẻ các về tên của các cơ quan trong từng hình ảnh.

- HV thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả và nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận và kết nối vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC mới

2.1. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

* ***Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin để nêu được quy định của Hiến pháp về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

? Nếu là H trong tình huống trên em sẽ giải thích như thế nào để bạn hiểu về các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

? Em hãy chia sẻ một số hiểu biết của mình về cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi theo nhóm.

- GV mời một đại diện một số nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam gồm nhiều cơ quan, thiết chế tạo thành như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước.

Bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được tổ chức phân cấp phù hợp với các đơn vị hành chính đất nước và gồm cơ quan lập pháp (cơ quan đại biểu của nhân

dân), cơ quan hành pháp (cơ quan hành chính nhà nước) và cơ quan tư pháp (cơ quan xét xử, kiểm sát).

2.2. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về cơ quan đại biểu của nhân dân

**** Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các quy định của Hiến pháp về cơ quan đại biểu của nhân dân.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HV đọc các thông tin để trả lời câu hỏi sau:

1. Thông tin 1 cho thấy Quốc hội có những chức năng cơ bản nào?

2. Thông tin 2 cho thấy HĐND có những chức năng nào?

3. Giải thích vì sao Quốc hội và HĐND được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm

- GV mời đại diện một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn như quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc hội, Thủ tướng Chính hủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu các cơ quan khác do Quốc hội thành lập; quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại, ...

Hiến pháp năm 2013 quy định, HĐND có chức năng, nhiệm vụ là quyết định các vấn đề của địa phương do luật định như các biện pháp khác để phát triển kinh tê s- xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật; quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm páp luật khác; phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền, ... giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND.

2.3. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về cơ quan hành chính nhà nước

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các quy định của Hiến pháp về cơ quan hành chính nhà nước.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

1. Trong thông tin trên, Hiến pháp đã quy định những chức năng, nhiệm vụ nào của Chính phủ và UBND?

2. Em hãy chia sẻ thêm một số chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và UBND? Cho ví dụ.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hiến pháp năm 2013 quy định Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Chính phủ trình Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội về tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo thẩm quyền; thống nhất quản lí nhà nước về các lĩnh vực trong xã hội; thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lí nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các cấp; hướng dẫn, kiểm tra HĐND trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để HĐND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định; bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tổ chức đàm phán, kí điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo uỷ quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc kí, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài, ...

Hiến pháp năm 2013 quy định UBND có chức năng, nhiệm vụ là cơ quan hành chính nhà nước ở cấp địa phương. UBND tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

2.4. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về cơ quan tư pháp

* ***Mục tiêu***

HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các quy định của Hiến pháp về cơ quan tư pháp.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Từ thông tin, em hãy xác định Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ về các chức năng, nhiệm vụ đó.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

- Hiến pháp năm 2013 quy định Toà án nhân dân giữ vai trò là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Thông qua các hoạt động của mình, Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Hiến pháp năm 2013 quy định Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hành động tư pháp. Viện Kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

2.5. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về Chủ tịch nước

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các quy định của Hiến pháp về Chủ tịch nước.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Chủ tịch nước có vị trí, vai trò như thế nào? Việc Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội thể hiện điều gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Chủ tịch nước là người đứng đầu của Nhà nước, thay mặt Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Chủ tịch nước công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quan trọng của Nhà nước; quyết định đặc xá; ...

Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

2.6. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước

* ***Mục tiêu:*** HV biết tự thu thập và làm rõ các thông tin, tham gia các hình thức nhóm để nêu được các quy định của Hiến pháp về Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV tự đọc các thông tin và trả lời câu hỏi:

1. Từ thông tin hãy chia sẻ hiểu biết của mình về Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Từ thông tin 2, em hãy cho biết, Kiểm toán nhà nước là cơ quan có nhiệm vụ gì trong bộ máy nhà nước?

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi, thảo luận theo nhóm

- GV mời một vài nhóm trình bày ý kiến, thảo luận và nhận xét.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, đưa ra đáp án và kết luận:

Hội đồng bầu cử quốc gia là cơ quan do Quốc hội thành lập, có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu HĐND các cấp.

Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lí, sử dụng tài chính, tài sản công.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- HV củng cố kiến thức vừa khám phá; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

- HV có thể liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong tự giác thực hiện các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước phù hợp với lứa tuổi.

**** Tổ chức thực hiện***

Để HV củng cố kiến thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng các bài luyện tập sau:

1. Em hãy cho biết các phát biểu sau đây đúng hay sai và nêu cơ sở pháp lí.

A. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

B. Ngoài Tòa án nhân dân thì Viện kiểm sát nhân dân cũng có chức năng xét xử.

C, Hội đồng bầu cử quốc gia là cơ quan do Chính phủ thành lập.

D. Kiểm tòn nhà nước hoạt động độc lập và tuân theo pháp luật.

2. Bạn A cho rằng, ở Việt Nam, Tòa án và Viện kiểm sát đều là cơ quan xét xử để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chưc, cá nhân và Nhà nước.

Theo em, quan điểm của bạn A là đúng hay sai? Giải thích?

***Để HV rèn luyện kĩ năng, xử lí tình huống có liên quan đến thực hiện quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước, GV có thể sử dụng các dạng bài tập**:*

Em hãy xử lí các tình huống sau:

1. Em của Q thắc mắc: Tại sao Chủ tịch nước lài có thể thay thế Nhà nước ta về đối nội, đối ngoại?

Nếu là Q, em sẽ trả lời câu hỏi của em như thế nào?

2. Xã của M có chủ trương xây dựng khu vui chơi cho trẻ em nên đã thực hiện việc lấy ý kiến của nhân dân. M đã rủ K tham gia cuộc họp để đóng góp ý kiến cho xã nhưng K từ chối với lý do xã đã quyết định rồi thì người dân cứ thực hiện là được.

Nếu là M, em sẽ giải thích cho K như thế nào?

Để HV liên hệ và điều chỉnh ý thức, hành vi khi tham gia các các mối quan hệ xã hội đươc pháp luật điều chỉnh, GV có thể sử dụng các bài tập sau:

1. Là công dân nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, em cần làm gì để góp phần vào việc xây dựng, bảo vệ bộ máy nhà nước theo quy định của Hiến pháp.

2. Hiện nay, nhiều thế lực thù địch ra sức chống phá Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam với mục đích nhằm hạ thấp uy tín, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước. Giả sử tại địa phương em, chúng phát tờ rơi tuyên truyền nói xấu chính quyền em sẽ làm gì?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***

- HV tự giác vận dụng những điều đã học về các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

- HV tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

**** Tổ chức thực hiện***

GV giao nhiệm vụ cho HV, làm việc theo cá nhân với các nhiệm vụ sau: Hãy lựa chọn nội dung trong số các nội dung sau để tuyên truyền về các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

1. Em hãy vẽ sơ đồ UBND theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

2. Em hãy viết một bài tuyên truyền quy định của Hiến pháp năm 2013 về vai trò của HĐND.

– HV làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và nộp sản phẩm cho GV vào tiết học tiếp theo.

- GV tổ chức nhận xét, đánh giá, bình chọn sản phẩm trước lớp.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; NL giao tiếp và hợp tác; NL tự chủ và tự học khi: Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II)
Tìm hiểu nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bộ máy nhà nước.	Hình thành các NL tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; NL tự chủ và tự học; NL giao tiếp và hợp tác khi: Nêu được nội dung của Hiến pháp năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bộ máy nhà nước.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
		Kiểm tra viết	- Câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II). - Bài tập.
Luyện tập	Hình thành NL điều chỉnh hành vi, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi: - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.	Quan sát	Bài tập/Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Kiểm tra viết	Câu tự luận, câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Kiểm tra giữa kì II/cuối kì II)

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10

Chuyên đề 10.1. TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH
Thời gian thực hiện: 10 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.
- Khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.
- Khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình.
- Những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.
- Các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.

2. Năng lực

Điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những điều cần tránh trong tình yêu; Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình; Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu được một số vấn đề liên quan đến quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, chế độ hôn nhân và gia đình nước ta hiện nay, chức năng gia đình và các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc...

3. Phẩm chất

Nhân ái: Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa trong tình yêu, hôn nhân, gia đình

Trách nhiệm: Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, ti vi, bảng phụ, giấy A4, A0; bút viết bảng, giấy màu; Các sách chuyên đề học tập.

– Video, hình ảnh, bài hát về chủ đề tình yêu, hôn nhân, gia đình (Ví dụ: *Thuyền và biển; Anh yêu em như câu hò ví dặm*, Ba ngọn nến lung linh...).

- Một số đạo cụ để đóng vai (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Quan niệm về tình yêu chân chính; những yếu tố giúp xây dựng tình yêu chân chính; một số điều cần tránh trong tình yêu.
- Khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.
- Khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình; các yếu tố góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.
- Một số điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Quan niệm về tình yêu chân chính và những điều cần tránh trong tình yêu

Tình yêu chân chính là tình yêu trong sáng và lành mạnh, phù hợp với các quan niệm đạo đức tiến bộ của xã hội.

Biểu hiện: Có sự cuốn hút, quyến luyến, muốn gần gũi bên nhau, chung thủy, quan tâm, có trách nhiệm với nhau, tôn trọng nhau..

Điều cần tránh: không yêu sớm, yêu vội, không vụ lợi, không quan hệ tình dục sớm.

b. Khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn; Những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân nước ta

Dưới góc độ pháp luật, hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn

Điều kiện kết hôn: Nam, nữ phải đủ tuổi kết hôn (nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi); phải có sự tự nguyện của hai bên nam, nữ; Người kết hôn không bị mất năng lực hành vi dân sự; người kết hôn phải là hai người khác giới tính; Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chế độ hôn nhân được xây dựng trên nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

c. Khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, Những điểm cơ bản của chế độ gia đình nước ta

Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình

Chức năng của gia đình: Chức năng duy trì nòi giống, Chức năng giáo dục; Chức năng kinh tế; Chức năng thoả mãn nhu cầu tinh thần, tình cảm

Các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc: Yếu tố kinh tế – vật chất (biểu hiện ở việc mỗi gia đình có đầy đủ các nhu cầu cần thiết như ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh); Yếu tố văn hoá – tình cảm (sự yêu thương, quan tâm lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình); Yếu tố quan hệ gia đình – xã hội (tình nghĩa dòng họ, làng xóm, cộng đồng thân thiện, an toàn)

Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chuyên đề học tập này gồm 3 đơn vị kiến thức, dạy trong 10 tiết, GV có thể chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV thuận lợi theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập. Ví dụ: Bài 1. Tình Yêu (4 tiết); Bài 2. Hôn nhân (3 tiết); Bài 3. Gia đình (3 tiết)

Các hoạt động cơ bản trong bài học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

**** Mục tiêu***

- HV khai thác được những kinh nghiệm, trải nghiệm của bản thân HV về những vấn đề liên quan tình yêu, hôn nhân, gia đình.

- HV có hứng thú tìm hiểu chủ đề bài học và phát hiện vấn đề, nhiệm vụ học tập

**** Tổ chức hoạt động***

- GV cho HV nghe và ghi lại ca từ thể hiện nội dung của 1 bài hát/bài thơ về chủ đề tình yêu, hôn nhân, gia đình và gợi ý để HV chia sẻ: Cảm xúc có được sau khi nghe, ca từ nào thể hiện tình yêu/hôn nhân/gia đình; Hãy chọn 1 nội dung liên quan đến chủ đề được thể hiện trong bài hát/bài thơ mà em tâm đắc để chia sẻ với các bạn.

- HV thực hiện nhiệm vụ, GV tổ chức cho HV chia sẻ chung trong lớp.

- GV dựa vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của HV để giới thiệu vào chủ đề.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu về tình yêu

**** Mục tiêu***

- Nêu được những biểu hiện của tình yêu chân chính và những điều cần tránh trong tình yêu.

- HV xác định được trách nhiệm của bản thân trong mối quan hệ tình bạn, tình yêu tuổi học trò.

**** Tổ chức hoạt động***

a. Tìm hiểu thế nào là tình yêu chân chính

- GV yêu cầu HV đọc câu chuyện/tình huống/trường hợp có nội dung liên quan đến tình yêu chân chính, hướng dẫn HV xây dựng thành kịch bản và tổ chức cho HV đóng vai.

- HV thực hiện phần đóng vai theo kịch bản đã xây dựng.

- GV hướng dẫn HV thực hiện phần thảo luận trao đổi chung trong lớp về cách luận giải về tình yêu và các biểu hiện của tình yêu chân chính được thể hiện trong phần đóng vai.

- GV nhận xét phần đóng vai, nhấn mạnh thêm một số vấn đề cần lưu ý, hướng dẫn HV rút ra kết luận về tình yêu chân chính:

Tình yêu chân chính là tình yêu trong sáng và lành mạnh, phù hợp với các quan niệm đạo đức tiến bộ của xã hội. Một tình yêu chân chính thường có những biểu hiện như:

- Có sự cuốn hút, quyến luyến, muốn gần gũi bên nhau, mỗi người luôn biết làm chủ cảm xúc và hành vi để xây dựng tình yêu đẹp và bước đến hôn nhân hạnh phúc.

- Chung thuỷ trong tình yêu là yếu tố nền tảng để quyết định tính bền vững và là cơ sở để tiến tới hôn nhân hạnh phúc.

- Quan tâm sâu sắc đến nhau và chia sẻ với nhau mọi điều, có trách nhiệm với nhau, bảo vệ, che chở cho nhau, sẵn sàng giúp nhau vượt qua khó khăn, thử thách để mỗi người trở nên tốt hơn.

- Tôn trọng cá tính riêng của nhau, hiểu và thông cảm với các mối quan hệ xã hội của người yêu, vì với mỗi người, ngoài người yêu còn có các mối quan hệ với cha mẹ, anh em, bạn bè, đồng nghiệp đều rất quan trọng. Bao dung và vị tha là biểu hiện không thể thiếu của tình yêu chân chính.

b. Tìm hiểu những điều cần tránh trong tình yêu

- GV yêu cầu mỗi nhóm thành lập 1 đội để bắt thăm theo cặp để chọn chủ đề tranh biện (Ví dụ: yêu sớm, yêu vội; yêu nhiều người cùng một lúc; quan hệ tình dục sớm, không an toàn; từ tình bạn chuyển thành tình yêu;...). Nêu yêu cầu, tiêu chí, cách tranh biện…

- HV thảo luận theo nhóm: Phân tích chủ đề đã bắt thăm được để xác định vấn đề/nội dung tranh biện, lựa chọn đội tham gia tranh biện và đội tư vấn, cổ vũ. Phân công nhiệm vụ các thành viên, xây dựng kịch bản, lời thoại tranh biện…

- GV tổ chức cho HV thực tranh biện theo kịch bản đã chuẩn bị.

- GV tổ chức cho cả lớp thảo luận sau khi tranh biện. Dựa trên kết quả thảo luận GV hướng dẫn HV rút ra kết luận về những điều cần tránh trong tình yêu.

- Không yêu sớm vì ở độ tuổi chưa trưởng thành, chưa định hướng rõ ràng về tương lai việc yêu sớm dễ có những phán đoán, những quyết định sai lầm gây những hậu quả tiêu cực.

- Không vội vàng trong tình yêu, vì sự vội vàng dễ làm mất đi khả năng nhận diện tình cảm thật sự, dễ mắc những sai lầm do chưa hiểu rõ về nhau.

- Không vụ lợi trong tình yêu, không cùng một lúc yêu nhiều người để chứng tỏ mình có khả năng chinh phục bạn khác giới.

- Không quan hệ tình dục sớm, vì quan hệ tình dục không an toàn có thể gây nên nhiều hệ luỵ như mang thai ngoài ý muốn, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

c. Xác định trách nhiệm của bản thân trong mối quan hệ tình bạn, tình yêu tuổi học trò

- GV yêu cầu mỗi HV một bài luận ngắn (khoảng 150 – 250 chữ) về trách nhiệm của bản thân trong các môi quan hệ tình bạn, tình yêu tuổi học trò.

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân sau đó trao đổi về bài viết theo nhóm. Các nhóm thảo luận để tìm ra bài viết có nội dung đầy đủ, cách viết bài sáng tạo, độc đáo để giới thiệu trước lớp.

- Dựa trên kết quả của hoạt động GV hướng dẫn HV kết luận

Đối với tuổi học trò, tình yêu là những rung động đầu đời, nếu biết vun đắp tình cảm, cùng xây dựng tình yêu trong sáng có thể sẽ gắn bó với nhau suốt cuộc đời. Nhưng nếu sao nhãng học hành, có khi phải bỏ học, đánh mất cơ hội thực hiện hoài bão, ước mơ của mình.

2.2. Tìm hiểu về hôn nhân

** Mục tiêu:*

- HV lựa chọn thông tin, tham gia các trao đổi hình thức nhóm để nêu được khái niệm hôn nhân; quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.

- HV xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ hôn nhân.

**** Tổ chức thực hiện***

a. Tìm hiểu về khái niệm hôn nhân, quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm nghiên cứu thông tin, số liệu, các quy định về kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình xây dựng 2014 để sơ đồ hóa các nội dung về hôn nhân, điều kiện kết hôn, quy định của pháp luật về chế độ hôn nhân và gia đình nước ta theo những gợi ý sau:

1. Dựa vào nội dung thông tin, điều luật, hãy cho biết hôn nhân là gì? Hôn nhân điều chỉnh những mối quan hệ nào và nhằm mục đích gì? Nêu ví dụ minh hoạ.

2. Nếu hai người yêu nhau muốn tiến đến hôn nhân cần những điều kiện gì? Pháp luật nước ta quy định như thế nào về những điều kiện đó

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, sau đó thảo luận theo nhóm để thống nhất và sơ đồ hóa các câu hỏi trên A0/bảng nhóm.

- GV tổ chức cho các nhóm giới thiệu sơ đồ (sử dụng kĩ thuật phòng tranh).

- GV tổ chức cho HV nhận xét, góp ý (sử dụng kĩ thuật 321), sau đó bổ sung và rút ra kết luận:

Dưới góc độ pháp luật, hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng kí kết hôn.

Điều kiện kết hôn: nam, nữ phải đủ tuổi kết hôn "Nam phải từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ phải từ đủ 18 tuổi trở lên mới đủ tuổi kết hôn – Luật 2014". Nam, nữ tự nguyện kết hôn; Người kết hôn không bị mất năng lực hành vi dân sự; Người kết hôn phải là hai người khác giới tính; Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Kết hôn giả tạo; Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; Kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;... Yêu sách về của cải trong kết hôn; Lợi dụng quyền hôn nhân để thực hiện hành vi có mục đích trục lợi).

Pháp luật nước ta quy định và bảo vệ chế độ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

b. Tìm hiểu về trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ hôn nhân

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HV: Phân tích video/thông tin/câu chuyện/tình huống.. để xây dựng kịch bản đóng vai thể hiện trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ hôn nhân.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm: Lựa chọn vấn đề/thình huống để xây kịch bản, viết lời thoại, phân công vai diễn và thực hiện hoạt động đóng vai trước lớp.

- GV tổ chức cho HV đóng vai trước lớp, sau đó hướng dẫn cả lớp thảo luận để rút ra trách nhiệm của mỗi thành viên trong quan hệ hôn nhân.

2.3. Tìm hiểu về gia đình

**** Mục tiêu***

- HV biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị để nêu được khái niệm gia đình, chức năng gia đình và các yếu tố góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.

- HV biết sử dụng ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng, thảo luận, lập luận để nêu được những điểm cơ bản của chế độ gia đình nước ta hiện nay.

**** Tổ chức thực hiện***

a. Tìm hiểu khái niệm và chức năng của gia đình

- GV hướng dẫn HV thảo luận theo nhóm những nội dung trong thông tin/ngữ liệu do GV cung cấp để xây dựng mỗi nhóm 5 câu hỏi (có thể tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan).

- Các nhóm chia sẻ câu hỏi trước lớp, thống nhất lựa chọn những câu hỏi thể hiện rõ các dấu hiệu bản chất của khái niệm gia đình (chọn khoảng 10 câu).

- Hướng dẫn HV sử dụng các câu hỏi đã chọn để thiết kế trò chơi (Chiếc nón kì diệu/Ai là triệu phú/ Giải đáp ô chữ….có thể sử dụng các phần mềm như PowerPoint, Kahoot, Quizizz…để thiết kế)

- Tổ chức cho HV cả lớp thực hiện trò chơi (chọn 1 hoặc 2 nhóm có chất lượng).

- GV nhận xét, kết luận:

Dưới góc độ pháp lí, khái niệm gia đình được ghi trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau theo quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau theo quy định của Luật này".

Gia đình có các chức năng cơ bản như:

- Chức năng duy trì nòi giống là chức năng quyết định trong việc đảm bảo duy trì, phát triển các thế hệ tương lai. Từ chức năng này, quyền được sinh con, quyền được thừa nhận là cha, mẹ, con, quyền nuôi con nuôi, quyền được hưởng các chế độ phúc lợi về thai sản,… đã được xác định, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Chức năng giáo dục là chức năng rất quan trọng trong hình thành, phát triển nhân cách của các thế hệ trong gia đình, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từ chức năng giáo dục, pháp luật đã xác lập các quyền được chăm sóc, giáo dục, đại diện và bảo vệ của các thành viên trong gia đình,…

- Chức năng kinh tế gắn liền với vai trò của gia đình như là một đơn vị kinh tế cơ bản, độc lập của xã hội. Từ chức năng kinh tế, các quyền về sở hữu, thừa kế, tham gia giao dịch,… đã được hình thành, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Chức năng thoả mãn nhu cầu tinh thần, tình cảm là chức năng có ý nghĩa quan trọng trong việc chia sẻ tình cảm yêu thương, gắn bó giữa các thành viên của gia đình. Từ chức năng này các quyền được yêu thương, chăm sóc, phát triển, bình đẳng được hình thành và được pháp luật công nhận và bảo vệ.

b. Tìm hiểu các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc và trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình

- GV yêu cầu HV đọc thông tin, câu chuyện để và viết bài tham dự cuộc thi "Nhà hùng biện tài ba" với các yêu cầu sau: Tập trung vào các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc và trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình. Bài viết trên A4, dung lượng (150 – 200 từ).

- HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân, sau đó chia sẻ bài viết trong nhóm. Nhóm bình chọn 02 bài để dự thi theo lớp. Sau khi chọn bài, nhóm thảo luận để góp ý, hoàn thiện thêm bài được chọn, xác định thông điệp và thống nhất cách hùng biện (có thể chuyển sang PowerPoint để bổ sung hình ảnh, số liệu), tổ chức luyện tập để tham gia hội thi.

GV tổ chức cho HV thực hiện hội thi theo kế hoạch đã thiết kế.

Dựa trên nội dung các bài hùng biện, GV hướng dẫn HV thảo luận, chia sẻ chung, sau đó rút ra kết luận:

- Các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc

Yếu tố kinh tế – vật chất là yếu tố được biểu hiện ở việc mỗi gia đình có đầy đủ các nhu cầu cần thiết như ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh,…

Yếu tố văn hoá – tình cảm được biểu hiện ở việc ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, ngoan hiền và học giỏi, quan hệ trong gia đình giữ vững truyền thống tốt đẹp như kính trên, nhường dưới, mọi người quan tâm chăm sóc lẫn nhau và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Yếu tố quan hệ gia đình – xã hội là yếu tố được biểu hiện ở mối quan hệ tốt đẹp giữa gia đình với dòng họ, làng xóm và cộng đồng. Việc được sống trong môi trường thân thiện, an toàn giúp hạnh phúc gia đình được đảm bảo.

- Xây dựng gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ, hạnh phúc là mục tiêu phấn đấu của mỗi gia đình. Từng thành viên trong gia đình nỗ lực phấn đấu, học tập để nâng cao hiểu biết về cuộc sống, nhận thức đúng đắn về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, từng thành viên trong gia đình luôn gương mẫu và tuân thủ pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- HV củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa khám phá;

- HV rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân về những vấn đề liên quan đến tình yêu, hôn nhân, gia đình.

**** Tổ chức hoạt động***

Để HV củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá, GV có thể sử dụng một số dạng bài tập sau đây:

Bài 1. Nhận định nào dưới đây phát biểu đúng về tình yêu chân chính? Vì sao.

a) Khi yêu phải chung thuỷ, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau.

b) Sẽ không có tình yêu khi không có sự bao dung; sẽ không có sự tha thứ khi không có tình yêu đích thực.

c) Tình dục không phải là một yêu cầu bắt buộc để thể hiện tình yêu.

Bài 2. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào dưới đây? Vì sao?

a) Nam nữ có quyền tự do yêu nhau, tự quyết định hôn nhân của mình, nhưng cần lắng nghe ý kiến của cha mẹ.

b) Người từ đủ 18 tuổi trở lên, không bị mất năng lực hành vi dân sự thì đủ điều kiện kết hôn.

c) Nam và nữ chung sống với nhau mà không đăng kí kết hôn, cũng có thể được pháp luật công nhận là vợ chồng.

d) Cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ và những người có họ trong phạm vi ba đời

Bài 3. Ý kiến nào dưới đây không đúng khi phát biểu về trách nhiệm của thành viên trong gia đình? Vì sao.

a) Gia đình chỉ tồn tại quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống.

b) Gia đình hạnh phúc luôn biết giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

c) Con 15 tuổi sống chung với cha mẹ có nghĩa vụ chăm lo đời sống chung của gia đình.

d) Cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc con, giáo dục con, quyết định việc lựa chọn nghề nghiệp của con khi con thành niên.

e) Trong gia đình, mỗi người chỉ cần hoàn thành công việc của mình.

Để HV rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế, điều chỉnh hành vi của bản thân về những vấn đề liên quan đến tình yêu, hôn nhân, gia đình, GV có thể sử dụng một số bài tập sau:

Bài 1. Em giúp bạn đưa ra cách ứng xử trong những trường hợp sau:

a) Bạn T là học lớp 10, người yêu của T là sinh viên năm 2 của một trường đại học đòi quan hệ tình dục với với T

b) Bạn B thắc mắc không biết hai người yêu nhau và quyết định đi tới hôn nhân có được đăng kí và tổ chức lễ cưới vào ngày 22/12/2020 khi người nam sinh ngày 20/12/2000, người nữ sinh ngày 15/5/2003,

c) Trong một cuộc tranh luận, bạn Q thắc mắc không biết tài sản trong gia đình sẽ thuộc về bố hay mẹ nhiều hơn?

d) Bạn S thắc mắc: Quan niệm "đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm" liệu có phù hợp với nguyên tắc vợ chồng bình đẳng trong quan hệ gia đình không?

e) Em sẽ giúp bạn giải đáp thắc mắc này như thế nào?

f) Bạn K hỏi: Trong trường hợp cha mẹ khi về già muốn ăn uống, sinh hoạt riêng nhưng lại mong muốn ở cùng con cháu để lúc khoẻ thì trông nom các cháu, lúc ốm đau thì có con cháu ở bên là đúng hay sai?

Bài 2. Em hãy xử lí tình huống sau:

a) Anh M và chị N yêu nhau 5 năm, gia đình hai bên đều mong muốn anh chị tiến đến hôn nhân. Anh M và chị N đều cho rằng không muốn sự ràng buộc của pháp luật nên sẽ không đăng kí kết hôn. Hai người thống nhất với nhau sẽ chỉ tổ chức đám cưới mời họ hàng, bạn bè rồi về chung sống với nhau.

Nếu em là người thân của chị N, em sẽ góp ý với chị N như thế nào? Vì sao?

b) Bố mẹ của K rất quan tâm đến chuyện học hành của các con. Em trai K của học lớp 4 rất ngoan và chăm học, ngược lại K không muốn học và cho rằng mình bị bắt học quá nhiều. Biết K thích chơi thể thao nên bố mẹ thường cho K tham gia các hoạt động thể thao vào ngày nghỉ cuối tuần. Chủ nhật vừa rồi, ông của K bị ốm, bố mẹ lại đi công tác xa nên yêu cầu hai anh em K ở nhà chăm sóc ông. K nghĩ, chăm sóc ông là trách nhiệm của bố mẹ chứ không phải của mình. Nên K vẫn đi chơi thể thao và để em trai ở nhà trông ông.

Theo em, suy nghĩ và cách xử sự của K có đúng không? Vì sao?

Em hãy viết ra các cách có thể làm thay đổi suy nghĩ và cách ứng xử của K.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu***: HV vận dụng được những kiến thức đã học để thể hiện sự quan tâm đến các mối quan hệ hài hòa trong tình yêu, hôn nhân, gia đình và thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

**** Tổ chức thực hiện***

- GV có thể giao cho HV một số nhiệm vụ như sau:

a) Em hãy viết lại những điều em thấy cần thay đổi (về lời nói, hành vi, việc làm) của bản thân trong mối quan hệ với các thành viên trong gia đình mình.

b) Viết ra những việc cần làm để thực hiện trách nhiệm của bản thân đối với gia đình. Lập kế hoạch để thực hiện những việc làm đó. Thực hiện theo kế hoạch đã lập và ghi lại kết quả thực hiện.

GV có thể kiểm tra việc thực hiện hai nhiệm vụ vận dụng này của HV vào những thời điểm phù hợp (có thể theo tuần hoặc tháng…) có những nhận xét, đánh gí, tuyên dương kịp thời với những thay đổi tích cực của HV.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động	Mục tiêu	Kiểm tra đánh giá	
		Phương pháp	Công cụ
Tìm hiểu về tình yêu	Hình thành điều chỉnh hành vi: - Nêu được khái niệm, biểu hiện của tình yêu chân chính. - Nêu được những điều cần tránh trong tình yêu	Vấn đáp	Câu hỏi
Tìm hiểu về Hôn nhân	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; NL điều chỉnh hành vi: - Nêu được khái niệm hôn nhân. - Nêu được điều kiện kết hôn - Nêu được chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay	Quan sát	Thang đo đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi
		Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
Tìm hiểu về gia đình	Hình thành các NL: Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; Điều chỉnh hành vi: - Nêu được khái niệm gia đình - Nêu được các chức năng của gia đình - Nêu được các yếu tố góp phần cây dựng gia đình hạnh phúc	Quan sát	Sổ ghi chép sự kiện thường nhật
		Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
Luyện tập, vận dụng	Vận dụng được những kiến thức đã học để thể hiện sự quan tâm đến các mối quan hệ hài hòa trong tình yêu, hôn nhân, gia đình và thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình	Quan sát	Bảng kiểm
		Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí

Chuyên đề 10.2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ

Thời gian thực hiện: 15 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

- Lập được qui trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

- Nêu được những bài học thành công và thất bại trong quá trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Biết được trách nhiệm chấp hành qui định của nhà nước về doanh nghiệp nhỏ. Nhận xét, đánh giá được một số việc làm của doanh nghiệp nhỏ.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm tòi, học hỏi những bài học thành công và thất bại, qui trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ: Yêu thích hoạt động SX kinh doanh.

Trách nhiệm: chủ động học hỏi qui trình SX kinh doanh của doanh nghiệp .

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giấy A4, phiếu học tập.

- Tranh/ảnh, clip và các mẩu chuyện về hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

- Mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

- Qui trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ

- Bài học thành công và thất bại trong quá trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

Mức độ cần làm rõ: HV chỉ cần nêu được khái niệm, những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; kể tên được các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, không cần phân tích sâu về các đơn vị kiến thức này. Tuy nhiên, cũng cần chú ý đến các tiêu chí để xác định một doanh nghiệp nhỏ vì có liên quan đến chế độ chính sách của Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ.

b. Mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

Mức độ cần đạt: HV nêu được mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ trong đó chú ý ngoài mục tiêu thu được lợi nhuận như mọi doanh nghiệp khác, doanh nghiệp nhỏ còn có mục tiêu đứng vững trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường, tham gia tích cực vào chuỗi giá trị, liên kết với các hộ gia đình, các doanh nghiệp khác để khẳng định vị thế của doanh nghiệp nhỏ đối với sự phát triển kinh tế ở địa phương.

HV cũng nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ bao gồm các nhân tố bên trong và các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp.

c. Qui trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ

Mức độ cần đạt: HV phải nhận biết được qui trình thành lập một doanh nghiệp và qui trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ

d. Bài học thành công và thất bại trong quá trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

Mức độ cần đạt: HV phải nêu được những bài học thành công và thất bại trong SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chuyên đề học tập này gồm 4 đơn vị kiến thức, dạy trong 15 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập.

Ví dụ:

- Những vấn đề chung về doanh nghiệp nhỏ (6 tiết).
- Tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ (8 tiết).

Với các hoạt động cơ bản trong bài học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

** Mục tiêu*

- Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HV về hoạt động của doanh nghiệp nhỏ trong đời sống kinh tế - xã hội
- Tạo hứng thú cho HV về chủ đề bài học mới.

**** Tổ chức hoạt động***

- GV giao nhiệm vụ cho HV chơi trò chơi: Ai nhanh, ai đúng": kể tên các mô hình SX kinh doanh. Đây là các kiến thức HV đã học ở chủ đề 4 môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10.
- HV thực hiện nhiệm vụ tham gia trò chơi, cùng các bạn tìm ra các đáp án đúng

- Sau khi chơi, GV đặt câu hỏi: Theo em, mô hình SX kinh doanh nào được những người mới bắt đầu khởi nghiệp thường hay lựa chọn? Giải thích vì sao?

- GV mời 1- 2 HV trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài mới.

Doanh nghiệp nhỏ có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế mỗi quốc gia kể cả các nước có nền kinh tế phát triển. Ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ là mô hình nhiều doanh nhân đã chọn để khởi nghiệp, có ưu thế tạo ra nhiều việc làm, thu nhập và nâng cao mức sống cho người dân; khai thác và phát huy tốt các nguồn lực tại chỗ về tài chính, lao động, đất đai...đồng thời là nơi tôi luyện nên đội ngũ các doanh nhân năng động, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với các thử thách trong kinh doanh.

Bài học này giúp chúng ta có những hiểu biết về đặc trưng, những thuận lợi, khó khăn cũng như các lĩnh vực kinh doanh thích hợp, nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ để có cơ sở định hướng cho bản thân trong tương lai khi muốn lựa chọn một mô hình SX kinh doanh là doanh nghiệp nhỏ.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

***Mục tiêu**

- HV nêu được khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ;

- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể;

- Nhận biết được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ;

- Nêu được những bài học thành công và thất bại trong tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

**** Tổ chức hoạt động***

a. Tìm hiểu khái niệm doanh nghiệp nhỏ

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, câu chuyện/ xem video về một doanh nghiệp nhỏ để trả lời câu hỏi:

1. Doanh nghiệp trong câu chuyện có qui mô lao động và doanh thu thế nào?

2. Dựa vào thông tin pháp luật, hãy giải thích vì sao doanh nghiệp trong câu chuyện được coi là doanh nghiệp nhỏ.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày trả lời, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra khái niệm doanh nghiệp nhỏ:

Doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có quy mô nhỏ về vốn, lao động và doanh thu. GV nhấn mạnh các tiêu chí để xác định một doanh nghiệp nhỏ đã có trong SGK. Từ những tiêu chí đó áp dụng vào trường hợp cụ thể đối với doanh nghiệp để thấy đây là doanh nghiệp đảm bảo đúng tiêu chí về một doanh nghiệp nhỏ.

b. Tìm hiểu thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, câu chuyện (hay xem video...) về hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể, để trả lời câu hỏi: Doanh nghiệp nhỏ có thuận lợi, khó khăn gì trong SX kinh doanh?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết ra câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trả lời câu hỏi, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Với qui mô SX kinh doanh nhỏ, doanh nghiệp nhỏ linh hoạt ứng phó với sự biến động của thị trường; dễ thay đổi mẫu mã sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường; dễ bổ sung thiết bị để đổi mới công nghệ; có điều kiện để tổ chức, quản lí lao động chặt chẽ, hiệu quả...

Doanh nghiệp nhỏ thường gặp một số khó khăn: vốn hạn chế nên khó đầu tư đồng bộ, khó mở rộng qui mô; thiếu thông tin về thị trường; trình độ lao động thấp; trình độ quản lí thiếu chuyên nghiệp; khả năng cạnh tranh yếu trong khi phải đương đầu với các doanh nghiệp nhỏ cùng ngành, nhất là với với các doanh nghiệp lớn hơn ở trong nước và trên thế giới...

b. Tìm hiểu các lĩnh vực SX kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ

GV dẫn dắt vấn đề: Lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ là lĩnh vực cho phép doanh nghiệp thực hiện được mục đích kinh doanh, phù hợp với pháp luật và năng lực SX kinh doanh của một doanh nghiệp có qui mô vốn, số lao động nhỏ và giúp doanh nghiệp không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh. Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu một số mô hình SX kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ trên các lĩnh vực kinh tế cơ bản trong nền kinh tế.

**** Lĩnh vực SX kinh doanh***

SX kinh doanh trong nông nghiệp

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp (xem video...) về các mô hình SX kinh doanh trong nông nghiệp và trả lời câu hỏi.

1.Từ hoạt động mô hình SX kinh doanh trong trường hợp trên, em hãy tìm ra những điểm thích hợp của mô hình này đối với doanh nghiệp nhỏ

2. Hãy kể thêm một số mô hình kinh doanh khác trong lĩnh vực nông nghiệp thích hợp với doanh nghiệp nhỏ

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Điểm thích hợp của mô hình doanh nghiệp nhỏ trong SX nông nghiệp là cần một số lượng ít lao động, vốn không nhiều.

Một số mô hình SX nông nghiệp phù hợp với doanh nghiệp nhỏ như chăn nuôi gà, lợn, hải sản...trồng trọt cây ăn quả, hoa, cây cảnh, cây lương thực.....

Lĩnh vực SX kinh doanh tiểu thủ công nghiệp

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV đọc trường hợp (hay xem video...) về mô hình SX kinh doanh tiểu thủ công nghiệp thích hợp với doanh nghiệp nhỏ và trả lời câu hỏi.

1. Từ hoạt động mô hình SX kinh doanh trong trường hợp trên, em hãy tìm ra những điểm thích hợp của mô hình này đối với doanh nghiệp nhỏ

2. Hãy kể thêm một số mô hình kinh doanh khác trong lĩnh vực SX kinh doanh tiểu thủ công nghiệp thích hợp với doanh nghiệp nhỏ

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân báo cáo kết, các HV khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Các mô hình SX kinh doanh như công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên danh.. thích hợp với doanh nghiệp nhỏ vì có qui mô lao động nhỏ, vốn nhỏ, gắn với nghề truyền thống gia đình nên dễ phát huy.

*** Lĩnh vực SX công nghiệp**

- GV giao nhiệm vụ học tập cho HV đọc trường hợp (hay xem video...) về mô hình doanh nghiệp nhỏ trong SX công nghiệp và trả lời câu hỏi.

1.Từ hoạt động mô hình SX kinh doanh trong trường hợp trên, em hãy tìm ra những điểm thích hợp của mô hình này đối với doanh nghiệp nhỏ.

2. Hãy kể thêm một số mô hình kinh doanh khác trong lĩnh vực SX công nghiệp thích hợp với doanh nghiệp nhỏ .

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Mô hình SX công nghiệp thích hợp với doanh nghiệp nhỏ cần lượng lao động ít, số vốn không nhiều, gắn với nghề truyền thống của gia đình như: SX giày dép, đồ nội thất, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản...

***Lĩnh vực thương mại**

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp (hay xem video...) về mô hình doanh nghiệp nhỏ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và trả lời câu hỏi.

1. Từ hoạt động mô hình SX kinh doanh trong trường hợp trên, em hãy tìm ra những điểm thích hợp của mô hình này đối với doanh nghiệp nhỏ.

2. Hãy kể thêm một số mô hình kinh doanh khác trong lĩnh vực thương mại thích hợp với doanh nghiệp nhỏ .

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Kinnh doanh bán lẻ có cửa hàng luôn có địa điểm cố định thu hút lượng khách lớn vào mua sắm. Các cửa hàng có thể kinh doanh tạp hóa bán nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau hoặc các cửa hàng chuyên kinh doanh mặt hàng chuyên biệt như: cửa hàng văn phòng phẩm, cửa hàng máy vi tính, cửa hàng vật liệu xây dựng, cửa hàng vật liệu điện nước, của hàng kinh doanh nội thất...

*** Lĩnh vực dịch vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp (hay xem video...) về mô hình doanh nghiệp nhỏ kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ và trả lời câu hỏi:

1. Từ hoạt động mô hình SX kinh doanh trong trường hợp trên, em hãy tìm ra những điểm thích hợp của mô hình này đối với doanh nghiệp nhỏ.

2. Hãy kể thêm một số mô hình kinh doanh khác trong lĩnh vực dịch vụ thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Có nhiều mô hình SX kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ phù hợp với doanh nghiệp nhỏ như các dịch vụ về ăn uống, cưới hỏi, du lịch, sửa chữa điện tử, điện lạnh...

c. Tìm hiểu mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ

**Mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ*

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện, tình huống về việc xác định mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ, trả lời câu hỏi.

1. Mục tiêu SX kinh doanh của doanh nghiệp trong câu chuyện là gì?

2. Theo em, mục tiêu của doanh nghiệp nhỏ có điểm gì đặc biệt so với mục tiêu của các doanh nghiệp lớn?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Xuất phát từ đặc trưng của một doanh nghiệp nhỏ, mục tiêu SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ không đơn giản là tối đa hóa lợi nhuận như mọi doanh nghiệp khác mà quan trọng hơn doanh nghiệp luôn xác định mục tiêu làm thế nào để tồn tại, đứng vững trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường đồng thời phải tham gia tích cực vào chuỗi giá trị, liên kết với các hộ gia đình, với các doanh nghiệp khác để khẳng định vị thế của doanh nghiệp nhỏ đối với sự phát triển kinh tế của địa phương và đất nước.

**** Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ***

GV dẫn dắt: Hoạt động SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp trong đó các nhân tố bên trong đóng vai trò quyết định.

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc tiếp câu chuyện của một doanh nghiệp nhỏ và trả lời câu hỏi.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

1. Từ hoạt động của doanh nghiệp trong câu chuyện, hãy chỉ ra sự ảnh hưởng của các nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài đối với doanh nghiệp.

2. Theo em, còn có nhân tố bên trong, bên ngoài nào khác ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Hoạt động SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ chịu ảnh hưởng của các nhân tố bên trong: Con người là nhân tố quyết định cho mọi hoạt động của doanh nghiệp; Trình độ kĩ thuật, công nghệ SX; Thiết kế được các sản phẩm đặc sắc, hấp dẫn thu hút sự quan tâm của khách hàng và tổ chức được mạng lưới tiêu thụ sản phẩm; Khả năng tài chính của doanh nghiệp... Ngoài ra còn có thể kể đến các nhân tố như: Hệ thống thông tin bên trong của doanh nghiệp, cơ chế kiểm soát doanh nghiệp...

Có nhiều nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp nhỏ như: Môi trường chính trị, kinh tế xã hội và sự hỗ trợ của chính phủ, chính quyền địa phương; Những thay đổi của kĩ thuật công nghệ; Yếu tố thị trường của doanh nghiệp như khách hàng, đối thủ cạnh tranh cạnh tranh trên thị trường...

d. Tìm hiểu quy trình, thủ tục thành lập một doanh nghiệp

** Giai đoạn 1: Chuẩn bị các thông tin cần thiết để thành lập doanh nghiệp*

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện, thông tin về việc chuẩn bị các thông tin cần thiết để thành lập một doanh nghiệp cụ thể và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy cho biết chủ doanh nghiệp trong câu chuyện đã chuẩn bị những thông tin cần thiết để thành lập doanh nghiệp như thế nào?

2. Hãy tóm tắt nội dung bước chuẩn bị thông tin để thành lập doanh nghiệp.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Giai đoạn chuẩn bị các thông tin cần thiết để lập hồ sơ thành lập doanh nghiệp: 1)Lựa chọn loại hình doanh nghiệp để bắt đầu khởi nghiệp; 2) Chuẩn bị Bản sao CMT/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của tất cả thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập; 3) Lựa chọn tên công ty; 4) Xác định địa chỉ trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của công ty gồm số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc trung ương, số điện thoại, số fax và thư điện tử nếu có; 5) Xác định vốn điều lệ để đăng ký kinh doanh; 6) Xác định chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty (giám đốc hay tổng giám đốc); 7)Xác định ngành nghề kinh doanh được chuẩn hóa theo quy định của pháp luật về đăng kí kinh doanh

**Giai đoạn 2: Soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập*

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc tiếp câu chuyện doanh nghiệp đã soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy cho biết chủ doanh nghiệp trong câu chuyện đã soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp như thế nào?

2. Hãy tóm tắt nội dung bước chuẩn soạn thảo và nộp hồ sơ để thành lập doanh nghiệp.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Giai đoạn 2 soạn thảo và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp gồm các bước: 1) soạn thảo hồ sơ công ty, chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ qui định tại Nghị định ban hành tháng 01.2021 Về đăng kí doanh nghiệp; 2)Nộp hồ sơ đến phòng đăng kí kinh doanh cấp tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Sau 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ nếu hợp lệ sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

** Giai đoạn 3: Làm con dấu pháp nhân*

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc tiếp câu chuyện của doanh nghiệp đã tiến hành làm con dấu pháp nhân để thành lập doanh nghiệp và trả lời câu hỏi: Doanh nghiệp phải tiến hành các bước thế nào để làm con dấu pháp nhân của doanh nghiệp?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Để làm con dấu pháp nhân của doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp mang 1 bản sao giấy chứng nhận Đăng kí doanh nghiệp đến cơ sở có chức năng khắc dấu để thực hiện việc làm con dấu pháp nhân cho công ty, sau đó Đại diện doanh nghiệp mang giấy chứng nhận Đăng kí doanh nghiệp bản gốc đến nhận con dấu.

** Giai đoạn 4: Thủ tục sau khi thành lập công ty*

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc tiếp câu chuyện của doanh nghiệp nêu trên và trả lời câu hỏi: Sau khi thành lập công ty, doanh nghiệp cần làm các thủ tục gì trước khi tiến hành SX kinh doanh?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Sau khi đã thành lập công ty, doanh nghiệp cần thực hiện các công việc sau:

1) Đăng bố cáo thành lập; 2)Treo bảng hiệu công ty tại địa chỉ trụ sở đã đăng kí; 3)Tiến hành đăng kí khai thuế ban đầu với cơ quan thuế quản lí trong thời hạn qui định; 4)Tiến hành khai thuế qua mạng điện tử thông qua dịch vụ chữ kí số; 5)Nộp tờ khai thuế môn bài và nộp lệ phí môn bài 6) Nộp thông báo áp dụng phương pháp tính thuế GTGT; 7)Làm thủ tục mua, đặt, in, tự in hóa đơn theo thông tư 39/2014/TT-BTC hóa đơn chứng từ có hiệu lực từ 01.06/2014.

e. Tìm hiểu qui trình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, câu chuyện về việc tổ chức hoạt động của một doanh nghiệp cụ thể để trả lời câu hỏi: Doanh nghiệp đã chuẩn bị những gì để triển khai hoạt động SX?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Để triển khai hoạt động SX kinh doanh, doanh nghiệp phải chuẩn bị đầy đủ các yếu tố đầu vào của SX bao gồm: nguồn nhân lực, vốn, trang thiết bị kĩ thuật, nguyên vật liệu, thông tin....

Để SX đạt năng suất và hiệu quả, doanh nghiệp cần thực hiện tốt các bước cơ bản: xác định cơ cấu SX, bố trí nhân lực phù hợp, quản lí kĩ thuật bao gồm kĩ thuật thiết kế sản phẩm, kĩ thuật SX ra sản phẩm và bảo đảm hệ thống máy móc thiết bị SX, quản lí chất lượng sản phẩm.

Để giải quyết đầu ra cho SX, tiêu thụ được nhiều sản phẩm, doanh nghiệp phải có chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng và có phương thức phân phối tiện lợi để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Sau khi nghiên cứu đủ 3 bước cơ bản trong qui trình tổ chức SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ, GV tổng kết lại có thể sơ đồ hóa ba bước này, nhấn mạnh tầm quan trọng của từng bước, mối quan hệ giữa các bước để giúp doanh nghiệp tổ chức hoạt động SX kinh doanh thành công.

g. Tìm hiểu bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp nhỏ

** Bài học thành công*

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện thành công của doanh nghiệp nhỏ và trả lời câu hỏi:

1. Em rút ra được bài học gì đã dẫn đến thành công củ doanh nghiệp trong câu chuyện?

2. Hãy tìm hiểu và nêu những bài học thành công khác của doanh nghiệp nhỏ

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Tiêu chí để đánh giá về sự thành công của một doanh nghiệp nhỏ gồm: tiêu chí hiệu quả kinh doanh thể hiện ở việc tăng doanh thu, thị phần, lợi nhuận, thu nhập, tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đóng góp ngân sách; Tiêu chí về qui mô: qui mô vốn, số lượng lao động, sản lượng... ngày càng tăng; Tiêu chí văn hóa thể hiện ở tầm nhìn, giá trị mang lại cho cộng đồng, xã hội, tạo ra môi trường làm việc nhân văn, khuyến khích sự sáng tạo, thân thiện với môi trường...Bài học thành công của doanh nghiệp nhỏ HP là sự quan tâm đến việc tạo dựng thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp để chiếm lĩnh thị trường, chiến thắng đối thủ cạnh tranh; đồng thời là bài học tích cực tham gia vào chuỗi giá trị, liên kết với các hộ gia đình, cộng đồng các doanh nghiệp dệt trong xã...nâng cao giá trị của doanh nghiệp trong xã hội đồng thời khẳng định vị thế, chỗ đứng và sự đóng góp của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.

Bài học thất bại

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc câu chuyện (hay xem video) về bài học thất bại của một doanh nghiệp nhỏ và trả lời câu hỏi:

1. Hãy rút ra bài học thất bại của doanh nghiệp trong câu chuyện.

2. Theo em, còn bài học thất bại nào khác đối với doanh nghiệp nhỏ?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ không tránh khỏi những thất bại, quan trọng là sau mỗi thất bại cần tìm nguyên nhân, rút ra bài học để không vấp phải những thất bại tương tự. Bài học thất bại của doanh nghiệp là không bao giờ được hài lòng với những gì mình đang có mà phải thực sự quan tâm đến khách hàng, luôn tìm kiếm thông tin, nghiên cứu thị trường, cải tiến mẫu mã, chủng loại sản phẩm để cung cấp cho thị trường những sản phẩm ngày càng tốt hơn; Phải quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng, lợi ích, tạo điều kiện để lao động nâng cao trình độ, cải tiến chính sách lương thưởng cho người lao động...

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu***

- Củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá

- Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân về những vấn đề liên quan đến mô hình SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

**** Tổ chức hoạt động***

GV có thể sử dụng nhiều hình thức tổ chức, PP dạy học khác nhau để HV thực hiện các nội dung luyện tập thực hiện được các mục tiêu đặt ra.

Để HV củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá: GV có thể sử dụng một số dạng bài tập sau đây:

1. Bày tỏ ý kiến

Ví dụ:

Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a/ Doanh nghiệp nhỏ là mô hình khó thay đổi công nghệ vì không có vốn.

b/ Doanh nghiệp Y kinh doanh trong lĩnh vực SX nông nghiệp, được coi là doanh nghiệp nhỏ vì lực lượng lao động thường xuyên chỉ có 12 người và doanh thu hằng năm chỉ đạt khoảng 3,5 tỉ đồng.

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc quan điểm trong SGK, đưa ra ý kiến của mình đồng tình hay không đồng tình, giải thích lí do vì sao lại chọn như vậy.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra phiếu học tập.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HV và kết luận về các câu trả lời:

a. Doanh nghiệp nhỏ là mô hình khó thay đổi công nghệ vì không có vốn

Quan điểm này đúng vì doanh nghiệp nhỏ thường ít vốn. Trong trường hợp không có vốn thì không thể thay đổi được công nghệ.

b. Doanh nghiệp Y kinh doanh trong lĩnh vực SX nông nghiệp, được coi là doanh nghiệp nhỏ vì lực lượng lao động thường xuyên chỉ có 12 người và doanh thu hằng năm chỉ đạt khoảng 3,5 tỉ đồng.

Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều về Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực SX nông nghiệp có số lao động không quá 100 người, tổng doanh thu năm liền kề không quá 50 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ thì lao động không quá 10 người, tổng doanh thu không quá 3 tỷ đồng/năm, thì doanh nghiệp Y là doanh nghiệp nhỏ là đúng

d. Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp nhỏ là khẳng định sự tồn tại và vị thế của doanh nghiệp trong cộng đồng

Quan điểm này đúng vì khẳng định được sự tồn tại tức là doanh nghiệp nhỏ đã tạo ra được lợi nhuận và không chỉ có thế doanh nghiệp nhỏ còn muốn khẳng định vị thế của mình trong cộng đồng.

2. Em hãy cho biết những ý kiến dưới đây là đúng hay sai? Giải thích vì sao?

a. Hồ sơ thành lập công ty không cần có điều lệ công ty

b. Chỉ người đại diện pháp luật của công ty mới có thể nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

c. Vốn điều lệ của công ty phải nộp bằng tiền mặt.

d. Mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là mô hình thích hợp đối với doanh nghiệp nhỏ

Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các ý kiến nêu trên và ghi ra ý kiến của mình đâu là ý kiến đúng/sai và giải thích vì sự lựa chọn đó

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi ý kiến vào phiếu học tập.

- GV mời địa diện 1-2 nhóm/cá nhân trình bày ý kiến của mình, các nhóm/cá nhân khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HV và đưa ra kết luận như sau:

a. Hồ sơ thành lập công ty không cần có điều lệ công ty

Điều này sai, trong hồ sơ thành lập công ty phải có điều lệ công ty

b. Chỉ người đại diện pháp luật của công ty mới có thể nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

Điều này sai, người đại diện pháp luật công ty có thể viết giấy ủy quyền cho nhân viên trong công ty nộp hồ sơ

c. Vốn điều lệ của công ty phải nộp bằng tiền mặt.

Điều này sai, vốn điều lệ công ty thường được tính bằng tài sản nên chỉ cần nộp giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu tài sản đó và thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản này thành tài sản của công ty

d. Mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là mô hình thích hợp đối với doanh nghiệp nhỏ

Quan điểm này đúng vì đây là mô hình phù hợp với qui mô vốn nhỏ, có ưu điểm hơn mô hình doanh nghiệp tư nhân vì chủ doanh nghiệp chỉ chịu trách nhiệm pháp lí với số tài sản đăng kí trong điều lệ doanh nghiệp mà không ảnh hưởng đến các tài sản khác của gia đình và cá nhân chủ doanh nghiệp.

2. Trò chơi tiếp sức:

Kể tên các mô hình SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực SX, thương mại dịch vụ.

- GV tổ chức trò chơi: chia lớp học ra thành 4 tổ, kẻ bảng thành 4 phần, chơi lần lượt với từng lĩnh vực, lần lượt mỗi tổ đưa ra 1 đáp án, đáp án sau không được trùng với đáp án trước, tổ nào kể trùng bị loại. Tổ nào còn lại sau cùng là thắng cuộc.

GV có thể chuẩn bị sẵn một số đáp án. Ví dụ:

Lĩnh vực SX: nuôi lợn, gà, chim cút, tôm, ba ba, trồng rau sạch, trồng cây cảnh, dệt, may, giày dép, gốm, mộc....

Lĩnh vực Thương mại: kinh doanh hàng điện tử, vật liệu xây dựng, kinh doanh đồ nội thất, cửa hàng văn phòng phẩm, kinh doanh trực tuyến....

Lĩnh vực dịch vụ: dịch vụ giáo dục, Y tế, du lịch, ăn uống, sự kiện, chăm sóc sắc đẹp, môi giới bất động sản, môi giới việc làm....

3. *Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh*

a/ Em hãy nêu một ví dụ về ảnh hưởng của các nhân tố sau đến hoạt động của doanh nghiệp nhỏ:

GV tổ chức làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 4 - 6, mời đại diện các nhóm nêu ví dụ (ví dụ sau không trùng với ví dụ trước).

- Nhân tố vốn: Ví dụ Doanh nghiệp nhỏ A chuyên kinh doanh lĩnh vực xây dựng, muốn mua một chiếc máy trộn bê tông tốn hàng trăm triệu nhưng thiếu vốn.

- Nhân tố trang bị kĩ thuật, công nghệ: ví dụ: doanh nghiệp SX chè nhờ trang bị được máy sấy nên chất lượng chè nâng cao, năng suất cao không cần nhiều lao động và tốn nhiều chi phí để phơi, sấy thủ công....

- Nhân tố thiết kế sản phẩm: ví dụ doanh nghiệp chuyên SX bánh kẹo, nhân dịp tết cổ truyền thiết kế những mẫu hộp bánh đẹp, bắt mắt được người tiêu dùng ưa chuộng nên bán được nhiều sản phẩm.

- Nhân tố con người: Ví dụ Doanh nghiệp có nhiều lao động có tay nghề cao, ý thức lao động tốt sẽ làm ra được nhiều sản phẩm chất lượng....

b/ Em hãy tìm hiểu và đưa ra một ví dụ về nhân tố sau đã ảnh hưởng đến hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ:

Bài tập này, GV phải giao cho HV thực hiện ở nhà. GV khuyến khích HV tìm hiểu các thông tin trên mạng xã hội hoặc thông qua các câu chuyện thực tế của doanh nghiệp ở địa phương để đưa ra ví dụ.

Khi đến lớp, GV mời HV nêu các ví dụ, phân tích sự tác động, các HV khác nhận xét và GV phải có phần nhận xét và kết luận:

- Ví dụ về sự cạnh tranh trên thị trường:

Doanh nghiệp nhỏ không chỉ cạnh tranh với các doanh nghiệp nhỏ khác mà còn phải cạnh tranh với những doanh nghiệp lớn ở trong nước và trên thế giới. Vậy làm thế nào để cạnh tranh được với doanh nghiệp lớn? Doanh nghiệp nhỏ sẽ tìm ra thế mạnh của mình để chiến thắng cạnh tranh, ví dụ tập trung vào phân khúc thị trường nhỏ của mình, chăm sóc khách hàng cẩn thận (điều mà doanh nghiệp lớn khó làm được) từ đó các khách hàng này sẽ quảng cáo sản phẩm với bạn bè người thân mà doanh nghiệp nhỏ không phải tốn kinh phí cho quảng cáo...

- Sự thay đổi nhanh chóng của kĩ thuật công nghệ:

Ví dụ: doanh nghiệp nhỏ chuyên kinh doanh về công nghệ vi tính nhưng sự thay đổi nhanh chóng các tính năng máy vi tính đời mới khiến cho các máy vi tính doanh nghiệp mua sắm nhanh chóng bị lạc hậu đòi hỏi phải được thay thế.

- Sự bất ổn của kinh tế vĩ mô

Ví dụ: nền kinh tế đang bị suy thoái, nhiều doanh nghiệp bị đóng cửa, sản phẩm khó bán ảnh hưởng trực tiếp đến việc kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

4/ Em và các bạn cùng thực hiện nhiệm vụ sau đây:

a. Hãy liệt kê tất cả các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để xin phép thành lập công ty

b. Hãy liệt kê tất cả những việc cần làm sau khi thành lập công ty:

Cách tổ chức thực hiện như sau:

- GV giao nhiệm vụ từng HV xem lại qui trình, thủ tục thành lập doanh nghiệp để thực hiện các yêu cầu của bài tập.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà, liệt kê theo yêu cầu thành văn bản

- GV mời 1-2 HV lên trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và kết luận:

Hồ sơ thành lập công ty gồm:

1. Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp

2. Điều lệ công ty

3. Văn bản ủy quyền (nếu người nộp hồ sơ không phải người đại diện pháp luật của công ty)

4. Danh sách thành viên (Công ty TNHH 2 thành viên trở lên) hoặc Danh sách cổ đông sáng lập (Côn gty cổ phần)

5. Bản sao giấy chứng thực cá nhân (Bản sao Chứng minh thư/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của tất cả thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập)

Những việc cần làm sau khi thành lập công ty:

Sau khi được cấp giấy phép đăng kí kinh doanh, doanh nghiệp cần thực hiện các công việc sau:

1. Khắc con dấu công ty

2. Mở tài khoản ngân hàng và đăng kí nộp thuế điện tử

3. Nộp tờ khai thuế môn bài và đóng thuế môn bài

4. Khai thuế ban đầu tại Chi cục thuế

5. Treo biển hiệu tại trụ sở công ty

6. Đăng kí sử dụng hóa đơn điện tử (nếu cần).

Để HV rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế, điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân về những vấn đề liên quan đến mô hình SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ, GV có thể sử dụng một số bài tập sau:

1. Nhận xét hành vi

Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây:

a. Anh A lựa chọn mô hình doanh nghiệp tư nhân khi đăng kí thành lập doanh nghiệp nhỏ của mình.

b. Cô A và B đều lần đầu thử sức kinh doanh nhưng lựa chọn mô hình công ty hợp danh để đăng kì thành lập công ty chung của hai người.

- GV giao nhiệm vụ cho HV làm việc nhóm thảo luận mỗi trường hợp trên.

- HVthảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ, chuẩn bị câu trả lời ra giấy để trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận, HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HV và đưa ra kết luận:

Trường hợp A: Quyết định của anh A về cơ bản là phù hợp nhưng nếu chọn mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì phù hợp hơn.

Trường hợp B: Quyết định của hai cô A và B chưa thực sự phù hợp vì công ty hợp danh thường là sự kế thợp với thành viên có nhiều kinh nghiệm kinh doanh. Hai cô chọn mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên thì phù hợp hơn.

2. *Bài tập thực hành:*

- GV giao nhiệm vụ cho HV tìm hiểu hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể để chỉ ra bài học thất bại của doanh nghiệp này. Sau đó có thể xây dựng đoạn kịch ngắn chia sẻ câu chuyện này để biểu diễn trước lớp.

GV hướng dẫn các nhóm HV tìm hiểu một doanh nghiệp nhỏ ở địa phương hoặc tìm hiểu trên mạng, phân tích một lần thất bại của doanh nghiệp đó, chỉ ra nguyên nhân dẫn đến thất bại và bài học rút ra. Sau đó, các nhóm xây dựng kịch bản chuyển tải câu chuyện thất bại nêu trên.

- GV tổ chức cho các nhóm diễn trước lớp, các nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá việc tham gia nhiệm vụ này của các nhóm.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Mục đích**

- HV tự giác áp dụng những điều đã học giải quyết các vấn đề liên quan đến mô hình SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ một cách chủ động, sáng tạo.

**** Tổ chức thực hiện***

GV có thể giao cho HV thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a/ Thực hiện dự án "Tìm hiểu mô hình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ ở địa phương".

**** Mục tiêu***

- Nhận biết được mục tiêu hoạt động, những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp
- Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh của doanh nghiệp.
- Yêu thích hoạt động SX kinh doanh; chủ động tìm hiểu kinh nghiệm SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

***Cách thực hiện**

Bước 1: Lựa chọn doanh nghiệp để tiến hành khảo sát

Bước 2: Xác định nội dung cần thực hiện

- Tên, địa điểm và mặt hàng SX, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp.
- Số lượng lao động doanh nghiệp đang sử dụng có đóng bảo hiểm xã hội trung bình trong năm.
- Doanh thu hoặc tổng vốn của doanh nghiệp trong một năm.
- Những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp .
- Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SX kinh doanh của doanh nghiệp.

Bước 3: Xác định cách thức triển khai

- Phương pháp khảo sát: phỏng vấn, nghiên cứu thông tin của doanh nghiệp, quay video, chụp ảnh...
- Tiến hành khảo sát.
- Xử lí thông tin, số liệu thu thập để viết báo cáo kết quả khảo sát theo các nội dung khảo sát đã đề ra.

Bước 4: *Báo cáo kết quả khảo sát:*

- Chuẩn bị báo cáo kết quả khảo sát bằng văn bản theo các nội dung khảo sát đã đề ra.

- Chuẩn bị bài thuyết trình kết quả thực hiện dự án (thiết kế slide, chiếu video,...).

- Phân công người thực hiện bài thuyết trình,...

b/ Từ việc tham gia dự án tìm hiểu mô hình SX kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ ở địa phương, em hãy viết bài thu hoạch về một bài học thành công của doanh nghiệp này.

GV hướng dẫn HV tìm hiểu bài học thành công của doanh nghiệp khảo sát, sau đó viết bài giới thiệu bài học thành công trong 1 trang.

c/ Em hãy vận dụng kiến thức đã học, tự xây dựng một quy trình tổ chức của một doanh nghiệp nhỏ phù hợp với bản thân trong tương lai.

GV hướng dẫn HV xây dựng một ý tưởng kinh doanh mà em thích, sau đó xây dựng qui trình tổ chức doanh nghiệp này.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

<table>
<tr><th rowspan="2">Hoạt động học</th><th rowspan="2">Mục tiêu</th><th colspan="2">Kiểm tra đánh giá</th></tr>
<tr><th>Phương pháp</th><th>Công cụ</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Tìm hiểu khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.</td><td rowspan="2">Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; khi:
- Nêu được khái niệm, thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.
- Yêu thích hoạt động SX kinh doanh.</td><td>Quan sát</td><td>Ghi chép sự kiện thường nhật</td></tr>
<tr><td>Vấn đáp</td><td>Câu hỏi gợi mở</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Tìm hiểu mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể</td><td rowspan="2">Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH:
- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến SX kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể</td><td>Quan sát</td><td>Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành</td></tr>
<tr><td>Vấn đáp</td><td>Câu hỏi gợi mở</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Tìm hiểu qui trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ</td><td rowspan="2">Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; NL điều chỉnh hành vi:
Lập được qui trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.</td><td>Quan sát</td><td>Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành</td></tr>
<tr><td>Vấn đáp</td><td>Câu hỏi gợi mở</td></tr>
</table>

Tìm hiểu những bài học thành công và thất bại trong quá trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; NL điều chỉnh hành vi: - Nêu được những bài học thành công và thất bại trong quá trình SX kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. - Chủ động học hỏi qui trình SX kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi; NL tìm hiểu và tham khi tham gia hoạt động KT – XH, NL phát triển bản thân khi: Điều chỉnh được ý thức, hành vi của bản thân khi yêu thích các hoạt động SX kinh doanh và tham gia tìm hiểu các mô hình doanh nghiệp nhỏ.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành
		Vấn đáp	Câu hỏi
Vận dụng	Hình thành NL phát triển bản thân khi: Vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn và lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.	Sản phẩm học tập	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí

Chuyên đề 10.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Thời gian thực hiện : 10 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự và các nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.

- Nêu được tác hại, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống phổ biến thường gặp.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong xây dựng và thực hiện pháp luật hình sự. Biết phân tích và phê phán hành vi của bản thân và người khác trong chấp hành các quy định của pháp luật hình sự. Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được hành vi của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật hình sự phù hợp với lứa tuổi.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội*: Bước đầu đưa ra được các quyết định của bản thân phù hợp với quy định của pháp luật hình sự khi giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Tích cực vận động người khác tuân thủ các quy định của pháp luật hình sự. Có ý thức đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật hình sự ở nước ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giấy A4, phiếu học tập.

- Tranh/ảnh, clip, tình huống, thông tin, câu chuyện có liên quan đến pháp luật hình sự.

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint, … (nếu có điều kiện).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Những đơn vị kiến thức của bài

- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự.

- Nêu được nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.

- Nêu được tác hại, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống phổ biến thường gặp.

2. Mức độ cần đạt của mỗi đơn vị kiến thức

a. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự

Mức độ cần đạt: HV nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự, không cần phân biệt pháp luật hình sự với pháp luật dân sự hay hành chính, ... Tuy nhiên, GV cũng cần làm rõ HV thuật ngữ tội phạm và hành vi gây nguy hiểm cho xã hội.

b. Các nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên và tác hại, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống phổ biến thường gặp

Mức độ cần đạt: HV nêu được các nội dung cơ bản của pháp luật hình sự có liên quan đến người chưa thành niên. Trong đó, HV xác định được tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lí hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, các biện pháp xử phạt và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. GV cần làm rõ cho HV quy định của pháp luật về người chưa thành viên và nhấn mạnh mục đích của việc thực hiện các biện pháp và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Chuyên đề học tập này gồm 02 đơn vị kiến thức, dạy trong 10 tiết, GV chủ động chia nội dung chủ đề thành các bài học nhỏ để HV tiện theo dõi và thực hiện nhiệm vụ học tập.

Ví dụ:

- *Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự* (4 tiết).

- *Các nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên* (6 tiết).

Với các hoạt động cơ bản trong bài học có thể tiến hành như sau:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

** Mục tiêu:* Khai thác hiểu biết, trải nghiệm của bản thân HV về pháp luật hình sự. Từ đó, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HV về chủ đề bài học mới.

** Tổ chức hoạt động:*

- GV tổ chức cho HV chơi trò chơi "Đối mặt" với nội dung: Kể tên các hành vi vi phạm pháp luật hình sự Việt Nam (Về vi phạm pháp luật hình sự HV đã học ở chương trình lớp 9).

- HV thực hiện nhiệm vụ tham gia trò chơi, cùng các bạn tìm ra các đáp án đúng.

- Sau khi chơi, GV đặt câu hỏi: Em hãy chia sẻ bài học rút ra cho bản thân về hành vi vi phạm đó.

- GV mời 1- 2 HV chia sẻ ý kiến, sau đó kết luận và dẫn dắt vào bài học.

Trong cuộc sống, bên cạnh những điều tốt đẹp, chúng ta còn bắt gặp những hành vi vi phạm pháp luật như vượt đèn đỏ, huỷ hoại tài sản của người khác, đánh người thi hành công vụ..., trong số đó có những hành vi vi phạm được xác định là vi phạm pháp luật hình sự.

Bài học sẽ giúp cho các em có hiểu biết khái quát về pháp luật hình sự bao gồm khái niệm, nguyên tắc của pháp luật hình sự. Đồng thời, giúp các em xác định được tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lí hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, các biện pháp xử phạt và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

***Mục tiêu**:* HV nêu được khái niệm, nguyên tắc của pháp luật hình sự và các nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.

**** Tổ chức hoạt động***

a. Tìm hiểu khái niệm pháp luật hình sự

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc hội thoại, trường hợp (hoặc tình huống) liên quan đến pháp luật hình sự và trả lời câu hỏi:

1. Nhận xét ý kiến của hai nhân vật về tội phạm, hình phạt trong đoạn hội thoại trên.

2. Trong trường hợp trên, ai có lỗi không? Nếu có thì có bị xử lí hình sự không? Vì sao?

3. Hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về tội phạm.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi ra câu trả lời để trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra khái niệm pháp luật hình sự:

Pháp luật hình sự là hệ thống các QPPL xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, quy định hình phạt có thể áp dụng cho các tội phạm đó.

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý và phải chịu hình phạt.

Tội phạm là hành vi có lỗi do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện. Lỗi thể hiện thái độ của người có hành vi biết là không đúng pháp luật, có thể gây ra hậu quả không tốt, nhưng vẫn cố ý hoặc vô ý để mặc cho sự việc xảy ra.

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Toà án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội, nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, chung thân, tử hình. Hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm các công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản.

Khi một người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là họ đã xâm hại đến một số quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hình phạt được áp dụng với người thực hiện những hành vi được coi là tội phạm, được quy định trong Bộ Luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tội phạm được chia thành 4 mức khác nhau, tương ứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội là các khung hình phạt, cụ thể:

Tội phạm ít nghiêm trọng là loại tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn.	Phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 3 năm.
Tội phạm nghiêm trọng là loại tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn.	Phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm.
Tội phạm rất nghiêm trọng là loại tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm rất lớn.	Phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm.
Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là loại tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn.	Phạt tù trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

b. Tìm hiểu các nguyên tắc của pháp luật hình sự

Thứ nhất, nguyên tắc pháp chế

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp (hoặc tình huống) liên quan đến nguyên tắc pháp chế và trả lời câu hỏi:

1. Yêu cầu tuân thủ pháp luật được thể hiện như thế nào trong quy định tại Điều 2 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 31 của Hiến pháp năm 2013.

2. Tại sao pháp luật hình sự cần có nguyên tắc pháp chế?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời đại diện nhóm/cá nhân trình bày câu trả lời, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc pháp chế:

Nguyên tắc pháp chế XHCN trong Bộ luật Hình sự Việt Nam được thể hiện ở việc xét xử hình sự phải đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không xử oan người vô tội, hình phạt phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội phải tuân thủ các quy định của pháp luật hình sự, chỉ được kết tội về tội danh cụ thể đã được quy định trong Bộ luật Hình sự, chỉ được tuyên hình phạt trong khung hình phạt mà Bộ luật Hình sự quy định.

Thứ hai, nguyên tắc bình đẳng

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp trả lời câu hỏi: Nguyên tắc bình đẳng được quy định trong Hiến pháp và Bộ Luật Hình sự như thế nào?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi câu trả lời và trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc bình đẳng:

Nguyên tắc bình đẳng quy định tất cả tội phạm và các hình phạt đều bình đẳng đối với tất cả mọi người, đối với tất cả những người có hành vi phạm tội.

Thứ ba, nguyên tắc dân chủ

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp (hoặc tình huống) và trả lời câu hỏi:

1. Trong trường hợp trên, pháp luật hình sự đã bảo vệ quyền tố cáo của chủ thể nào? Ông Ai đã bị xử lí, xử lí về các tội danh nào?

2. Việc các cá nhân, tổ chức tham gia góp ý xây dựng Bộ luật Hình sự chứng tỏ điều gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc dân chủ:

Nguyên tắc dân chủ là nguyên tắc hiến định trong luật Hình sự, nội dung của nguyên tắc là Luật Hình sự bảo vệ và tôn trọng các quyền dân chủ của công dân trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, kiên quyết xử lí các hành vi xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Quyền lợi của công dân được ghi nhận một cách bình đẳng, được bảo vệ như nhau. Luật Hình sự ghi nhận việc đấu tranh phòng ngừa phát hiện và chống tội phạm là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội.

Thứ tư, nguyên tắc nhân đạo

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các trường hợp (hoặc tình huống, thông tin) và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy cho biết sự cần thiết và ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo trog pháp luật hình sự ở các trường hợp trên.

2. Nêu ví dụ thể hiện nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc nhân đạo:

Nguyên tắc nhân đạo: Hậu quả mà người phạm tội phải chịu theo pháp luật hình sự là hình phạt, biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước. Pháp luật hình sự xác định hình phạt không gây đau đớn về thể xác, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người phạm tội. Đối với hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình cũng đã giới hạn phạm vi.

Thứ năm, nguyên tắc hành vi

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp (hoặc tình huống) và trả lời câu hỏi: Tại sao tội phạm phải được biểu hiện dưới dạng hành vi cụ thể?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày câu trả li, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc hành vi:

Nguyên tắc hành vi: Pháp luật hình sự không cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự một người về tư tưởng của họ, mà chỉ được truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của họ, khi hành vi đó thoả mãn các dấu hiệu của tội phạm cụ thể được pháp luật hình sự quy định.

Thứ sáu, nguyên tắc có lỗi

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp (hoặc tình huống) và trả lời câu hỏi:

1. Theo em, ai bị truy cứu trách nhiệm hình sự? Vì sao?

2. Em hãy chỉ ra lỗi trong hành vi của các chủ thể trong thông tin, trường hợp trên.

3. Em hãy nêu sự cần thiết và ý nghĩa của nguyên tắc có lỗi trong pháp luật hình sự. Nêu ví dụ minh họa.

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc có lỗi:

Nguyên tắc có lỗi trong pháp luật hình sự thể hiện một người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi người đó có lỗi. Những hành vi gây thiệt hại cho xã hội nhưng người thực hiện hành vi đó không có lỗi (vì những lí do như họ bị mất năng lực nhận thức và khả năng điều khiển hành vi vì mắc bệnh tâm thần hoặc họ ở trong tình trạng bất khả khắng) thì không bị coi là tội phạm và chủ thể thực hiện hành vi đó không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 10 và Điều 11 của Bộ Luật Hình sự đã xác định có hai loại lỗi là cố ý phạm tội (trực tiếp, gián tiếp) và vô ý phạm tội.

Thứ bảy, nguyên tắc phân hóa trách nhiệm

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp (hoặc tình huống)và trả lời câu hỏi:

1. Vì sao các chủ thể trong trường hợp chịu trách nhiệm hình sự khác nhau? Điều đó thể hiện sự phân hóa như thế nào trong trách nhiệm hình sự?

2. Em hãy nêu sự cần thiết và ý nghĩa của nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong việc áo dụng hình phạt đối với tội phạm.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi câu trả lời và trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung nguyên tắc phân hóa trách nhiệm:

Nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự: Trách nhiệm hình sự được xác định đúng cho từng người phạm tội. Hình phạt áp dụng cho người phạm tội cụ thể phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã gây ra và phải phù hợp với nhân thân cũng như hoàn cảnh người phạm tội.

c. Tìm hiểu pháp luật hình sự với người chưa thành niên

Thứ nhất, về tuổi chịu trách nhiệm hình sự

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi: Tại sao khi xử lí hành vi vi phạm pháp luật hình sự phải xác định rõ tuổi của người vi phạm?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi câu trả lời và trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung tuổi chịu trách nhiệm hình sự:

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHV về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các Điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ Luật Hình sự.

Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ Luật Hình sự có quy định khác.

Thứ hai, về nguyên tắc xử lí hình sự đối với người dưới 18 tuổi

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc các thông tin, trường hợp (hoặc tình huống) và trả lời câu hỏi:

1. Em hãy căn cứ vào thông tin để xác định những nguyên tắc xử lí hình sự đối với người dưới 18 tuổi được thể hiện trong từng trường hợp.

2. Em hãy bình luận tính nhân đạo khi xử lí hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi câu trả lời và trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chốt nội dung về nguyên tắc xử lí hình sự đối với người chưa thành niên:

Pháp luật hình sự quy định một số nguyên tắc xử lí hình sự đối với người dưới 18 tuổi như sau:

Nguyên tắc 1:Bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi phạm tội và việc xử lí chủ yếu nhằm mục đích giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm để phát triển lành mạnh.

Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động xử lí người dưới 18 tuổi phạm tội, cần thấy rằng quyết định đưa ra là phù hợp nhất, để giúp cho đối tượng này nhận thức sai lầm và phát triển tốt, vì họ là người chưa thành niên, ưu tiên áp dụng biện pháp giáo dục, thuyết phục.

Nguyên tắc 2: Chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào đặc điểm nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu phòng ngừa tội phạm.

Nguyên tắc 3: Toà án chỉ áp dụng hình phạt nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp giáo dục không đạt hiệu quả.

Hình phạt tước tự do dễ ảnh hưởng đến quá trình phục hồi, tái hoà nhập cộng đồng của người dưới 18 tuổi cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của họ. Do vậy, hình phạt tù chỉ được áp dụng khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Nguyên tắc 4: Không áp dụng các hình phạt tử hình, tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; hạn chế áp dụng hình phạt tù có thời hạn và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo quy định của Bộ luật Hình sự, đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội nếu điều luật áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất không áp dụng quá 18 năm tù.

Nguyên tắc 5: Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội không được tính để xác định tái phạm hay tái phạm nguy hiểm.

Thứ ba, về các biện pháp xử lí đối với người phạm tội dưới 18 tuổi

Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự

*** Biện pháp khiển trách**

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp (hoặc tình huống) và trả lời câu hỏi:

1. Cơ quan điều tra căn cứ vào những yếu tố nào để quyết định áp dụng biện pháp khiển trách? Việc áp dụng biện pháp khiển trách nhằm mục đích gì?

2. Theo em, biện pháp khiển trách tạo điều kiện như thế nào cho người dưới 18 tuổi phạm tội sửa chữa sai lầm?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung biện pháp khiển trách:

Khiển trách là sự nhắc nhở, phê phán của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, nhằm giúp họ nhận thức rõ được hành vi phạm tội và hậu quả gây ra cho cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ.

Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong thời gian từ 3 đếnn 12 tháng; Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp trong thời gian từ 3 tháng đến 12 tháng theo quy định của Bộ luật Hình sự.

**** Biện pháp hòa giải tại cộng đồng***

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi:

1. Cơ quan điều tra căn cứ vào những yếu tố nào để quyết định áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng với B? Việc áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng nhằm mục đích gì?

2. Theo em, biện pháp hòa giải tại cộng đồng tạo điều kiện như thế nào để giúp người dưới 18 tuổi phạm tội sửa chữa sai lầm trong cuộc sống sau này?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi câu trả lời và trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung biện pháp hòa giải tại cộng đồng:

Hoà giải tại cộng đồng là biện pháp do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Toà án phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức, cho phép người dưới 18 tuổi phạm tội và người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại được thương lượng giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc phạm tội khi bên bị hại đã tự nguyện hoà giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

Người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại; Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cú trú, học tập, làm việc; Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức; Cam kết hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (nếu có).

*** Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi:

1. Tòa án căn cứ vào những yếu tố nào để quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?

2. Theo em, biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tạo điều kiện như thế nào để giúp người dưới 18 tuổi phạm tội sửa chữa sai lầm trong cuộc sống sau này?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp để người dưới 18 tuổi phạm tội tự giáo dục, sửa chữa sai lầm tại cộng đồng dưới sự giám sát, giúp đỡ của gia đình và chính quyền địa phương. Người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có các nghĩa vụ sau: Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động; Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn; Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép; Các nghĩa vụ quy định trong trường hợp áp dụng biện pháp khiển trách

Mục đích của biện pháp này là giúp cho người phạm tội nhận rõ được lỗi lầm, có thái độ ăn năn, hối cải, khắc phục sai phạm. Trước khi áp dụng biện pháp này, người có thẩm quyền ra quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho họ.

Biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc trường hợp và trả lời câu hỏi:

1. Theo em, căn cứ vào những dấu hiệu nào để Toà án áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng?

2. Em hiểu thế nào về biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng? Mục đích của biện pháp này là gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, ghi ra các câu trả lời và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung:

Trường giáo dưỡng là cơ sở giáo dục đặc biệt được Nhà nước thành lập để giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.

Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp nghiêm khắc hơn biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, được áp dụng khi môi trường xã hội mà người chưa thành niên sinh sống không có các điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục, cải tạo họ, như gia đình có người thân vi phạm pháp luật hoặc có tiền án, hoặc người chưa thành niên sống bụi đời, lang thang, ... Đây là biện pháp buộc người phạm tội phải cách li ra khỏi xã hội, nhưng họ được học tập văn hoá và nghề nghiệp. Tại đây họ sẽ rèn luyện lối sống của mình, trở thành người có ích cho xã hội. Họ không bị giam giữ như áp dụng hình phạt tù.

Thứ ba, về các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi:

1. Dựa vào các thông tin trên, em hãy xác định các hình phạt cho từng trường hợp.

2. Theo em, pháp luật hình sự về hình phạt áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm mục đích gì?

- HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, ghi câu trả lời và trình bày trước lớp.

- GV mời 1- 2 đại diện nhóm/cá nhân trình bày, các HV khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét và đưa ra nội dung về các hình phạt:

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự, các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn.

Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Chỉ áp dụng cho người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Phạt tiền là hình phạt chính áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc tài sản riêng, nhằm tước đi quyền lợi vật chất của họ, cải tạo và giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Toà án chỉ áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội khi có đủ hai điều kiện: một là, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; hai là, có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Cải tạo không giam giữ là hình phạt không buộc người bị áp dụng phải cách li khỏi xã hội. Họ vẫn có thể thực hiện công việc thường ngày và sống trong môi trường gia đình, xã hội như trước đây. Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

Tù có thời hạn là hình phạt cách li người phạm tội ra khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Mức phạt tù có thời hạn

áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự; theo đó, đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định; đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng khi phạt tùchung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**** Mục tiêu:*** Giúp HV củng cố tri thức, kĩ năng vừa hình thành ở hoạt động hình thành kiến thức; rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân về những vấn đề liên quan đến pháp luật hình sự.

**** Tổ chức hoạt động***

Để HV củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá GV có thể sử dụng một số dạng bài tập sau đây:

1. Khẳng định nào sau đây đúng? Vì sao?

A. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi tội phạm.

B. Người dưới 18 tuổi phạm tội có thể bị áp dụng mọi loại hình phạt theo quy định của Bộ Luật Hình sự.

C. Hình phạt chỉ áp dụng đối với hành vi được coi là tội phạm và được quy định trong Bộ Luật Hình sự.

D. Công an có thẩm quyền yêu cầu người phạm tội phải chịu hình phạt là cảnh cáo đối với hành vi vượt đèn đỏ.

2. Em hãy cho biết nguyên tắc nào của pháp luật hình sự Việt Nam được áp dụng trong các trường hợp sau:

A. Do cải tạo tốt trong quá trình thi hành án, anh D được xét giảm thời gian chấp hành hình phạt và ra tù sớm trước thời hạn 2 năm.

B. A và H bị công an bắt vì cùng phạm tội trộm cắp tài sản trong một vụ án. Sau khi xem xét tính chất, mức độ tham gia, đặc điểm nhân thân của A và T, Tòa án đã quyết định A và T phải chịu mức hình phạt khác nhau tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

C. T tố cáo với cơ quan công an ông H có ý định chiếm đoạt tài sản của mình. Xem xét đơn tố cáo của T, cơ quan công an kết luận không có cơ sở pháp lí để khởi tố vụ án.

D. Ông N bị Tòa án kết tội vì giam giữ người trái pháp luật.

3. Hãy phân tích tác hại, hậu quả có thể xảy ra nếu như Y, N thực hiện ý định của mình.

A. Để có tiền chơi điện tử, Y có ý định trộm xe đạp bán lấy tiền.

B. Muốn có tiền tiêu xài nên N định giúp B mang chiếc xa máy ăn trộm đi tiêu thụ hộ để được trả tiền công như Y hứa.

4. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Biết T (16 tuổi) rất cần tiên nên chú M nhờ T chuyển gói hàng cho cô Y và hứa trả công cho T. Khi đang chuyển hàng, T bị công an bắt giữ về hành vi vận chuyển trái phép chất cầm. Trong quá trình điều tra, T thành khẩn khai bó, hỗ trợ cơ quan công an phá được một vụ án buôn bán chất cầm số lượng lớn ở địa phương.

Tòa án có thể miễn trách nhiệm hình sự và quyết định áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với T hay không?

b. Chị A và anh B là người yêu cũ của nhau, hiện nay anh B đã kết hôn. Anh B đã xâm nhập vào tài khoản cá nhân trên mạng xã hội để đọc tin nhắn của chị A và thấy một đoạn hội thoại chị A nói xấu vợ chồng mình với bạn bằng những thông tin không chính xác. Vợ chồng anh B đã chụp lại toàn bộ đoạn hội thoại rồi đăng lên mạng xã hội và lăng mạ, sỉ nhục chị A. Chị A đã xin lỗi nhưng vợ chồng anh B vẫn tiếp tục hành vi của mình trong một thời gian dài, làm ảnh hưởng đến tinh thần và thể chất của chị A.

a) Theo em, trong trường hợp này có hành vi vi phạm pháp luật hình sự không? Vì sao?

b) Nếu là người thân của chị A, em sẽ làm gì để bảo vệ chị A?

Để HV rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế, điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân về những vấn đề liên quan đến pháp luật hình sự về người chưa thành niên, GV có thể sử dụng một số bài tập sau:

1. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các bạn trong những trường hợp sau:

A. Bố mẹ ki hôn, D (15 tuổi) buồn chán, đi bụi đời với đám bạn xấu. Thấy vậy ông H là người thường xuyên vận chuyển hàng lậu qua biên giới rut D cùng làm để có tiền ăn chơi.

B. Mặc dù biết chú K hàng xóm thường xuyên tổ chức đánh bạc tại nhà riêng nhưng V sợ không dám tố giác vì nhiều lần bị chú đe dọa.

C. Thấy hai bạn nữ đánh nhau ở cổng trường, V rủ các bạn dừng xe xem và quay video đưa lên mạng xã hội.

2. Anh P bị kết án về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trở về gia đình, anh P đã rủ rê lôi kéo các bạn học sinh trong lớp của em là D, E, G sử dụng trái phép chất ma tuý.

Em hãy nêu những việc cần làm để giúp các bạn D, E, G hiểu và không vi phạm pháp luật hình sự.

3. M và N cùng 15 tuổi, là bạn thân học chung ở lớp 10A. M kể với N rằng mình có chơi với một nhóm bạn, do cần tiền nên nhóm này rủ M đi trộm cắp tài sản. Nhóm của M dự định sẽ ăn trộm số tài sản khoảng 10 triệu đồng để không vi phạm pháp luật hình sự.

Nếu là N, em sẽ giải thích như thế nào để M biết rằng đây là hành vi tróa pháp luật không được làm?

***Để HV liên hệ bản thân, tự giác, tích cực thực hiện và vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự về người chưa thành niên, GV có thể sử dụng một số bài tập sau đây*:**

1. Tại nơi A (16 tuổi) sinh sống, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí minh tổ chức cuộc thi tìm hiểu về quy định của pháp luật hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi. A rất hào hứng tham gia và đã tích cực vận động các bạn trong lớp cùng tham gia.

Em hãy nhận xét việc làm của A.

2. Em hãy cùng bạn xây dựng và diễn cùng các bạn một tình huống về nội dung dận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**** Mục tiêu**:* giúp HV tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống về các tình huống liên quan đến pháp luật hình sự nói chung, pháp luật hình sự với người phạm tội.

**** Tổ chức hoạt động***

GV có thể giao cho HV thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Em hãy tìm hiểu một vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội, chia sẻ với các bạn và rút ra bài học cho bản thân từ vụ án đó.

b) Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng một dự án nhỏ nhằm tuyên truyền về tác hại của hành vi vi phạm pháp luật hình sự đối với cá nhân, gia đình và xã hội, theo gợi ý:

– Khảo sát, thu thập thông tin về tác hại của hành vi vi phạm pháp luật hình sự đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

– Lập kế hoạch tuyên truyền; nội dung tuyên truyền; các công việc cần chuẩn bị cho tuyên truyền; địa điểm tuyên truyền; thời gian thực hiện.

– Trình bày kế hoạch của nhóm trước lớp.

Lưu ý: GV kiểm tra việc thực hiện bài tập vận dụng này của HV và mời một vài HV có sản phẩm chất lượng tốt trình bày trước lớp và đánh giá kết quả thực hiện bài tập vận dụng.

V. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hoạt động học	**Mục tiêu**	**Kiểm tra đánh giá**	
		Phương pháp	**Công cụ**
Tìm hiểu khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự.	Hình thành NL tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH; c khi: - Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự. - Nêu được tác hại, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống phổ biến thường gặp.	Quan sát	Ghi chép sự kiện thường nhật
		Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Tìm hiểu các nội dung cơ	Hình thành NL điều chỉnh hành vi khi:	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành

bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.	- Nêu được nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên. - Nêu được tác hại, hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên trong các tình huống phổ biến thường gặp.	Vấn đáp	Câu hỏi gợi mở
Luyện tập	Hình thành các NL điều chỉnh hành vi khi: Bày tỏ được ý kiến trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự.	Quan sát	Bảng kiểm đánh giá kĩ năng thực hành.
		Vấn đáp	Câu hỏi
Vận dụng	Hình thành NL điều chỉnh hành vi, NL phát triên bản thân: Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết một số vấn đề về pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên và tự giác, tích cực thực hiện và vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.	Sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT–BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.*
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.
6. Sách giáo khoa môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10 bộ Cánh Diều.
7. Sách giáo khoa môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10 bộ Kết nối tri thức.
8. Sách giáo khoa môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10 bộ Chân trời sáng tạo.
9. Sách Chuyên đề lớp 10 bộ Cánh diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.